

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư

**NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH HIGH
LINE SMART HOME VIETNAM**

Địa điểm: Lô F5, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh
Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, năm 2024

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

Địa điểm: Lô F5, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh
Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH HIGH LINE
SMART HOME VIETNAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



ZHANG YINGSHUN
Tổng Giám Đốc

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Huệ

Bình Phước, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	1
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	2
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:	2
1.2. Tên dự án đầu tư:	2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	3
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	13
1.5.1. Vị trí của dự án	13
1.5.2. Các hạng mục công trình chính của dự án	15
1.5.3. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	15
1.5.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án	16
1.5.5. Danh mục máy móc thiết bị	17
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	20
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	24
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	26
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	26
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	30
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	37
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	39
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	41
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	41
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	42

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	46
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	48
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	48
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	49
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	51
- Nguồn phát sinh:	51
4.4. Quản lý chất thải.....	52
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	54
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:	54
5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:	56
5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	57
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	58
PHỤ LỤC BÁO CÁO	59
PHỤ LỤC 1 BẢN SAO CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	59
PHỤ LỤC 2 CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	60

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BYT	Bộ Y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
HTXL	Hệ thống xử lý
KPH	Không phát hiện
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QL	Quản lý
SS	Chất rắn lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TP. Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
VSLĐ	Vệ sinh lao động
V/v	Về việc
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
XLNT	Xử lý nước thải
XD	Xây dựng

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1. Sơ lược và tổng quan về diện tích của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm	3
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của dự án	4
Bảng 1.3. Sản phẩm của dự án	8
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu vật liệu phục vụ quá trình sản xuất	9
Bảng 1.5. Lượng nước sử dụng của dự án.....	12
Bảng 1.6. Tọa độ các góc ranh vị trí dự án.....	13
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị	17
Bảng 1.8. Nhu cầu lao động của công ty	19
Bảng 3. 1. Thống kê đường ống thoát nước mưa	26
Bảng 3. 2. Thống kê đường ống thoát nước thải	27
Bảng 3. 3. Bảng thống kê bể tự hoại, hố ga khử trùng	30
Bảng 3. 4. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý nước thải.....	30
Bảng 3. 5. Hạng mục, thiết bị công trình xử lý bụi	33
Bảng 3. 6. Hạng mục, thiết bị công trình xử lý hơi keo	34
Bảng 3. 7. Hạng mục, thiết bị công trình xử lý bụi khu vực cắt may	37
Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường	37
Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	39
Bảng 4. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	48
Bảng 4. 2. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	50
Bảng 4. 3. Giới hạn đối với tiếng ồn	51
Bảng 4. 4. Giới hạn đối với độ rung	51
Bảng 5. 1. Kế hoạch lấy mẫu nước thải.....	54

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

	Trang
Hình 1. 1. Quy trình công nghệ sản xuất ghế sofa	6
Hình 1. 2. Hình ảnh khu vực sản xuất	8
Hình 1. 3. Hình ảnh sản phẩm	9
Hình 1. 4. Hình ảnh keo dán gỗ Dự án sử dụng.	12
Hình 1. 5. Hiện trạng nhà xưởng dự án	14
Hình 1. 6. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án với các đối tượng xung quanh.	14
Hình 1. 7. Vị trí khu vực dự án trong khu đất của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm.	15
Hình 3. 1. Sơ đồ thoát nước mưa.....	27
Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước thải.....	28
Hình 3. 3. Quy trình công nghệ xử lý nước thải.....	28
Hình 3. 4. Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn	29
Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi	31
Hình 3. 6. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi gỗ	32
Hình 3. 7. Sơ đồ công nghệ xử lý hơi keo	34
Hình 3. 8. Hình ảnh hệ thống xử lý hơi keo	36
Hình 3. 9. Hình ảnh khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường.....	38
Hình 3. 10. Hình ảnh khu vực chứa chất thải nguy hại	40

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô F5, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Zhang Yingshun.
Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 02713.645.899

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5456287357 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 13/5/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 20/02/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801253181 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 20/05/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/11/2022.

- Mã số thuế: 3801253181.

1.2. Tên dự án đầu tư:

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM.

- Địa điểm dự án đầu tư: Lô F5, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Giấy phép xây dựng số 23/GPXD ngày 17/7/2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

+ Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số ZL-210301 giữa Công ty TNHH Một thành viên gỗ Trạch Lâm và Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam.

+ Văn bản số 60/CV-KCNCSBL-XDCB ngày 01/8/2018 của Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long về việc tiếp nhận nước thải từ nhà máy của Công ty TNHH MTV gỗ Trạch Lâm vào hệ thống nước thải của KCN Minh Hưng III.

+ Văn bản số 13/CV-KCNCSBL ngày 08/3/2018 của Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long về việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống chung của KCN Minh Hưng III.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

+ Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam làm chủ đầu tư.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án đầu tư có tổng mức đầu tư 58.620.000.000 đồng.

+ Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công thì dự án thuộc nhóm C (theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Luật Đầu tư công).

+ Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường và thuộc số thứ tự 2, Mục II, Phụ lục V Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ (danh mục các dự án đầu tư nhóm III).

+ Dự án thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

1.3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư:

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm. Tổng diện tích của khu đất của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm là 83.600 m². Sơ lược và tổng quan về diện tích của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm như sau:

Bảng 1.1. Sơ lược và tổng quan về diện tích của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn (m ²)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục cho thuê				
1	Nhà xưởng 1 cho thuê	1	14.839,0	14.839,0	17,75
2	Nhà xưởng 2 cho thuê	1	5.520,0	5.520,0	6,60
3	Nhà văn phòng cho thuê	1	2.172,0	860,0	1,03
4	Nhà bảo vệ	1	45,4	45,4	0,05
5	Nhà xe 1	1	529,0	529,0	0,63
6	Nhà xe 2	1	144,0	144,0	0,17
7	Nhà ăn	1	306,0	306,0	0,37
8	Nhà vệ sinh	1	82,0	82,0	0,10
9	Trạm điện + Bể nước PCCC	1	200,0	200,0	0,24
Tổng hạng mục cho thuê			23.837,4	22.525,4	26,94

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn (m ²)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
II	Các hạng mục khác				
10	Cây xanh	-	16.720,0	16.720,0	20,00
11	Đất dự trữ	-	27.031,5	27.031,5	32,33
12	Đường nội bộ	-	17.323,4	17.323,4	20,72
Tổng cộng			61.074,9	61.074,9	73,06
Tổng diện tích			84.912,3	83.600,3	100,00

Tổng diện tích dự án được Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm cho Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam thuê sử dụng là 23.837,4 m². Hai công ty sẽ sử dụng chung diện tích cây xanh và đường nội bộ. Các hạng mục công trình chính Công ty High Line Smart Home Vietna chủ yếu sử dụng là các hạng mục phục vụ cho dây chuyền sản xuất sản phẩm chính. Các hạng mục này được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của dự án

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M ²)	DIỆN TÍCH SÀN (M ²)	TỶ LỆ (%)
1	Nhà xưởng	14.839,0	14.839	
1.1	Khu vực để tạm nguyên liệu	860,0	860	4,22
1.2	Kho hóa chất	40,0	40	0,20
1.3	Kho chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	90,0	90	0,44
1.4	Kho CTNH	60,0	60	0,29
1.5	Khu vực khoan lỗ gỗ	1.318,0	1.318	6,47
1.6	Khu vực phun keo	480,0	480	2,36
1.7	Khu vực cắt vải, da	1.008,0	1.008	4,95
1.8	Khu vực đặt bông gòn, mút	2.352,0	2.352	11,55
1.9	Khu vực may	672,0	672	3,30
1.10	Khu vực lắp ráp, đóng gói	6.930,0	6.930	34,04
1.11	Khu vực để tạm thành phẩm	1.029,0	1.029	5,05
2	Nhà kho	5.520,0	5.520	

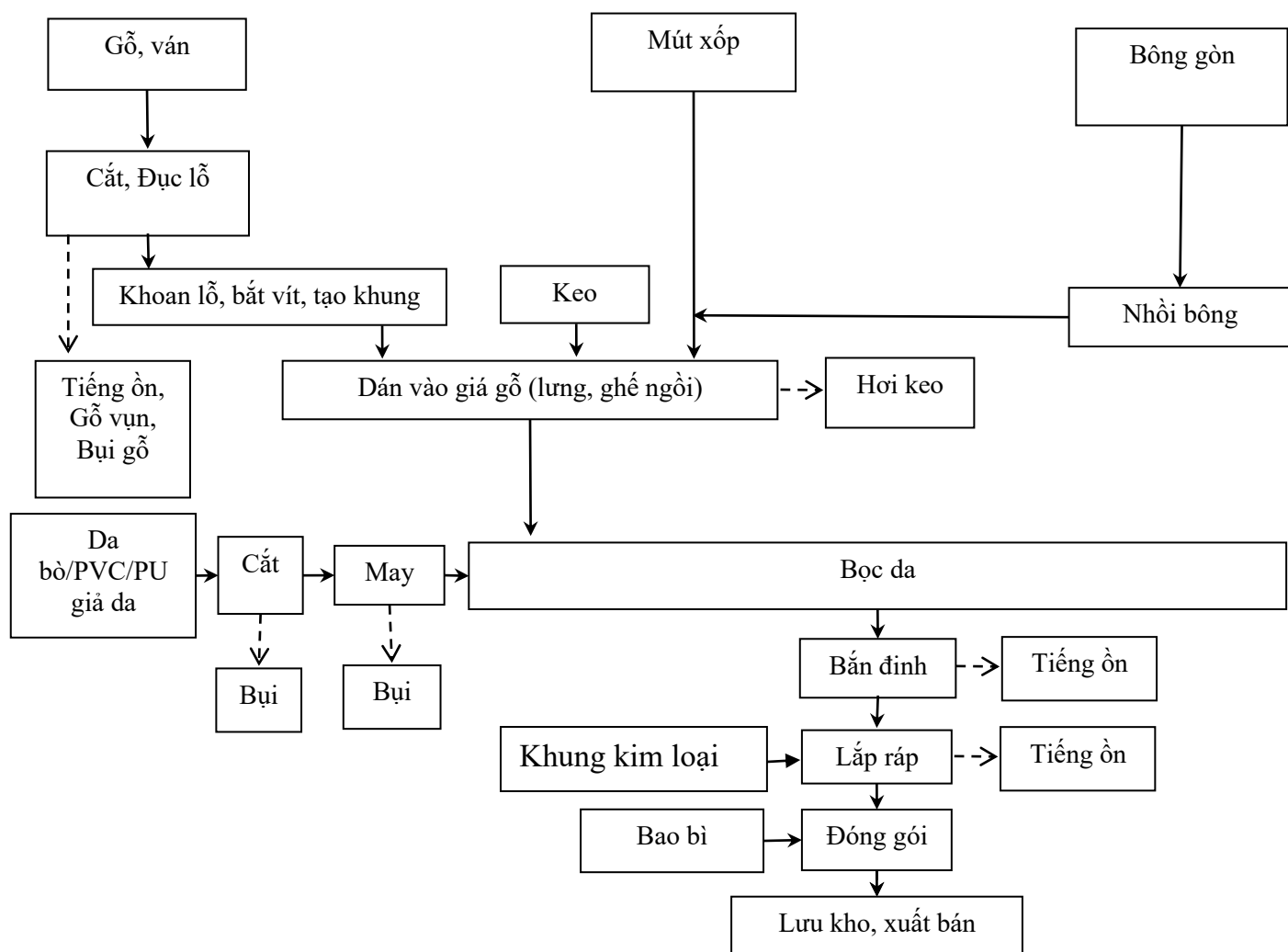
STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M ²)	DIỆN TÍCH SÀN (M ²)	TỶ LỆ (%)
2.1	Kho nguyên liệu	1.920,0	1.920	9,43
2.2	Kho thành phẩm	1.920,0	1.920	9,43
2.3	Kho thương mại	1.680,0	1.680	8,25
3	Văn phòng	860,0	2.172	4,22
4	Nhà ăn	306,0	306	1,50
5	Nhà xe 1	529,0	529	2,60
6	Nhà xe 2	144,0	144	0,71
7	Nhà bảo vệ	45,4	45,4	0,22
8	Nhà vệ sinh	82,0	82	0,40
9	Trạm điện + Bể nước PCCC	200,0	200	0,98
	Tổng cộng	22.525,40	23.837,40	100,00

- Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất.

- Công suất: sản xuất, gia công ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Quy trình sản xuất ghế sofa như sau:



Hình 1. 1. Quy trình công nghệ sản xuất ghế sofa

Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:

a. Gia công nguyên liệu

- Tẩm gỗ, tẩm ván

✓ Giã gỗ

- + Giá gỗ đã được gia công bên ngoài (đã cắt, bào, chà nhám theo đúng độ dày, kích thước, hình dạng theo yêu cầu) được nhập về. Toàn bộ giá gỗ nguyên liệu được cắt, bào, chà nhám bởi nhà cung cấp.
- + Ngoài ra, Công ty nhập về các tấm gỗ đã được chà nhám, xử lý mỗi một bên ngoài để cắt thêm một số chi tiết đặc biệt. Công ty sử dụng các máy cắt CNC, máy cưa cắt khí nén để xẻ tấm gỗ theo hình dạng, kích thước đặc biệt. Tại công đoạn này phát sinh bụi gỗ. Chủ dự án sẽ lắp đặt hệ thống bụi tại công đoạn này để thu gom toàn bộ lượng bụi phát sinh.
- + Công đoạn này là công đoạn hời. Các máy cắt CNC, máy cưa cắt khí nén đều được trang bị đường ống mềm để thu bụi ra hệ thống cyclone.
- + Sau khi, các nguyên liệu gỗ được cắt thành nguyên liệu thành phẩm, nguyên

liệu thành phẩm gỗ sẽ được khoan lỗ bằng máy CNC để thực hiện công đoạn bắn ốc vít tiếp theo. Công đoạn này, phát sinh bụi gỗ, tiếng ồn. Để giảm thiểu bụi gỗ Công ty sẽ tiến hành thu bụi và đưa về hệ thống xử lý bụi.

- *Mút xốp*

- + Mút xốp được cắt sẵn từ đơn vị cung cấp được nhập về nhà máy. Sau đó, công nhân dán các tấm mút lại với nhau bằng súng phun keo. Quá trình dán keo được thực hiện thủ công.
- + Công đoạn này phát sinh hơi keo. Công ty sẽ trang bị khu vực phun keo riêng biệt và quạt hút để hút hơi keo ra ngoài môi trường lao động tránh ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.

- *Da bò, tấm PVC/PU/vải nhung giả da*

Da bò, tấm PVC/PU/vải nhung đã được xử lý hoàn thiện từ đơn vị cung cấp, nhân viên thực hiện cắt thủ công bằng kéo (vận hành bằng tay), máy trải vải và may bằng máy may, không có bước xử lý khác trước khi đưa vào sản xuất. Công đoạn này phát sinh bụi từ quá trình cắt. Công nhân sẽ được trang bị khẩu trang trong quá trình hoạt động ở đây.

- *Bông gòn*

Bông gòn đánh toi đã được làm sạch nhập về được chứa trong các bao tải màu trắng 50 kg hoặc 100 kg, được nhân viên dùng xe nâng di chuyển gần đến khu vực nhồi bông. Sau đó, nhân viên sẽ dùng tay cho bông gòn dạng bông vào túi vải đã được may sẵn để làm tay vịn, gối đầu, tựa lưng để tạo độ phòng (vận hành bằng tay).

b. Tạo khung ghế, bắn đinh

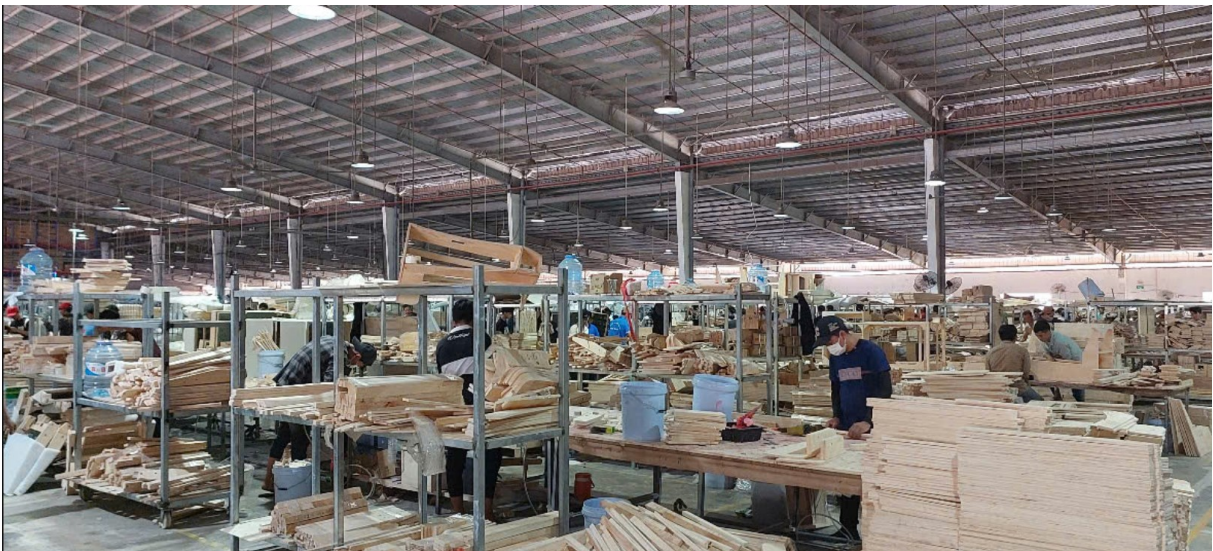
Sau khi chuẩn bị các nguyên liệu bao gồm (1) khung giá gỗ (tựa lưng, đế ngồi), (2) bông mút. Để cố định phần bông mút, công nhân sẽ sử dụng máy bắn đinh để gắn bông mút vào khung giá gỗ. Công đoạn này được thực hiện bằng thủ công (vận hành bằng tay). Tiếng ồn sẽ phát sinh ở công đoạn này, công nhân sẽ được trang bị nút bịt tai khi hoạt động ở công đoạn này.

c. Lắp ráp

Để hoàn thiện sản phẩm, các bộ phận khác như tay vịn, lưng ghế, đệm ghế, khung kim loại được công nhân lắp ráp thủ công gắn ốc vít trên các lỗ đã khoan để lắp ráp tạo thành sản phẩm hoàn thiện trên dây chuyền sản xuất chạy bằng hệ thống con lăn. Sản phẩm bán thành phẩm sẽ theo dây chuyền đến công đoạn bọc da.

Nhân viên dùng tay bọc lớp da ở bên ngoài vào ghế và dùng máy bắn đinh cố định tấm da vào giá gỗ. Tất cả các công đoạn trong khâu lắp ráp đều được thực hiện thủ công (vận hành bằng tay).

Cuối cùng, sản phẩm sẽ theo dây chuyền đến khu vực kiểm tra thành phẩm. Thành phẩm được kiểm tra đường chỉ may, các nếp gấp, dán để đảm bảo độ thẩm mỹ. Sau đó, sản phẩm bọc bao nylon từng bộ phận rời của ghế, đóng thùng carton lưu kho, chờ xuất xưởng.



Hình 1. 2. Hình ảnh khu vực sản xuất

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án bao gồm:

Bảng 1.3. Sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Số lượng (cái)	Khối lượng 1 sản phẩm (kg/cái)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Ghế sofa đơn	100.000 sản phẩm/năm	34,09 kg/cái	3.409
2	Ghế sofa đôi	300.000 sản phẩm/năm	68,17 kg/cái	20.451
3	Ghế sofa	100.000 sản	102,26 kg/cái	10.226

STT	Sản phẩm	Số lượng (cái)	Khối lượng 1 sản phẩm (kg/cái)	Khối lượng (tấn/năm)
	ba	phẩm/năm		
Tổng cộng				34.085



Hình 1. 3. Hình ảnh sản phẩm

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

Các nguyên nhiên liệu, hóa chất chính trong hoạt động sản xuất của dự án đầu tư được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu vật liệu phục vụ quá trình sản xuất

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
Nguyên liệu chính					
1	Vải	Tấn/năm	2.500	Trung Quốc	Bọc ghế
2	Da bò	Tấn/năm	1.500	Trung Quốc	Bọc ghế
3	Bông gòn	Tấn/năm	3.000	Việt Nam	Tạo độ dày, mềm cho sản phẩm
4	Giá gỗ	Tấn/năm	5.109	Việt Nam	Khung lưng tựa, đế ngồi cho ghế

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
Nguyên liệu chính					
5	Gỗ tấm	Tấn/năm	5.100	Việt Nam	Khung lưng tựa, đế ngồi cho ghế
6	Mút	Tấn/năm	4.200	Việt Nam	Làm đệm ngồi, lưng tựa ghế
7	Chỉ may	Tấn/năm	6	Việt Nam	May liên kết vải, da bò
8	Khung, giá đỡ (Chân sắt, bas sắt, giá đỡ ...)	Tấn/năm	11.250	Việt Nam	Tạo khung cho ghế.
9	Ngũ kim các loại (tấm nối, ốc vít, lò xo, móc...)	Tấn/năm	1.000	Trung Quốc	Lắp ráp
Tổng		Tấn/năm	33.665		
Hóa chất					
10	Keo dán (Keo nước CAN18-032907.001)	Tấn/năm	669,5	Việt Nam	Dán bông mút, da
Tổng		Tấn/năm	34.334,5		

Nguồn: Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam, 2023.

1. Vải

Vải dự án sử dụng là các loại vải nỉ được nhập khẩu từ Trung Quốc. Bao gồm:

- Vải nỉ bọc ghế sofa từ sợi Linen: có ưu điểm hấp thụ độ ẩm cao. Tuy nhiên, sợi Linen lại dễ bị mài mòn, nhưng lại có khả năng chống xù và rất bền màu.
- Vải nỉ từ sợi Ramie – vải gai: có khả năng chống bám bụi bẩn, hấp thụ độ ẩm tốt. Sợi gai tự nhiên bền hơn sợi cotton gấp 8 lần.

2. Da bò

Da bò của dự án sử dụng được nhập khẩu hoàn toàn từ Trung Quốc đã qua thuộc da. Dự án chỉ sử dụng da bò thành phẩm, cắt, may và bọc ghế không chế biến hoặc xử lý thêm.

3. Bông gòn

Bông gòn của dự án được mua từ các nhà sản xuất trong nước, bông gòn đã được làm sạch đánh toí, dự án sử dụng để nhồi vào ghế.

4. Giá gỗ, gỗ tấm

Giá gỗ, gỗ tấm được mua tại Việt Nam. Dự án lấy gỗ từ các nhà máy, xí nghiệp đã chế biến, xử lý gỗ sẵn và được cắt theo kích thước dự án yêu cầu. Dự án mang tấm gỗ và giá gỗ về chỉ thực hiện công đoạn khoan lỗ và cắt gỗ.

5. Mút

Mút xốp được thu mua từ các nhà máy sản xuất trong nước, mút xốp được cắt sẵn theo yêu cầu của chủ đầu tư. Khi mút xốp được nhập về dự án không cắt mà chỉ dán keo, sau đó bọc da, vải.

6. Chỉ may

Chỉ may được mua tại Việt Nam sử dụng để may liên kết da, vải.

7. Khung, giá đỡ và ngũ kim

Khung, giá đỡ được dự án thuê đơn vị gia công cơ khí thực hiện tại Việt Nam. Dự án sử dụng khung giá đỡ để tạo khung cho ghế.

Ngũ kim được nhập khẩu từ Trung Quốc, dự án sử dụng để lắp ráp ghế.

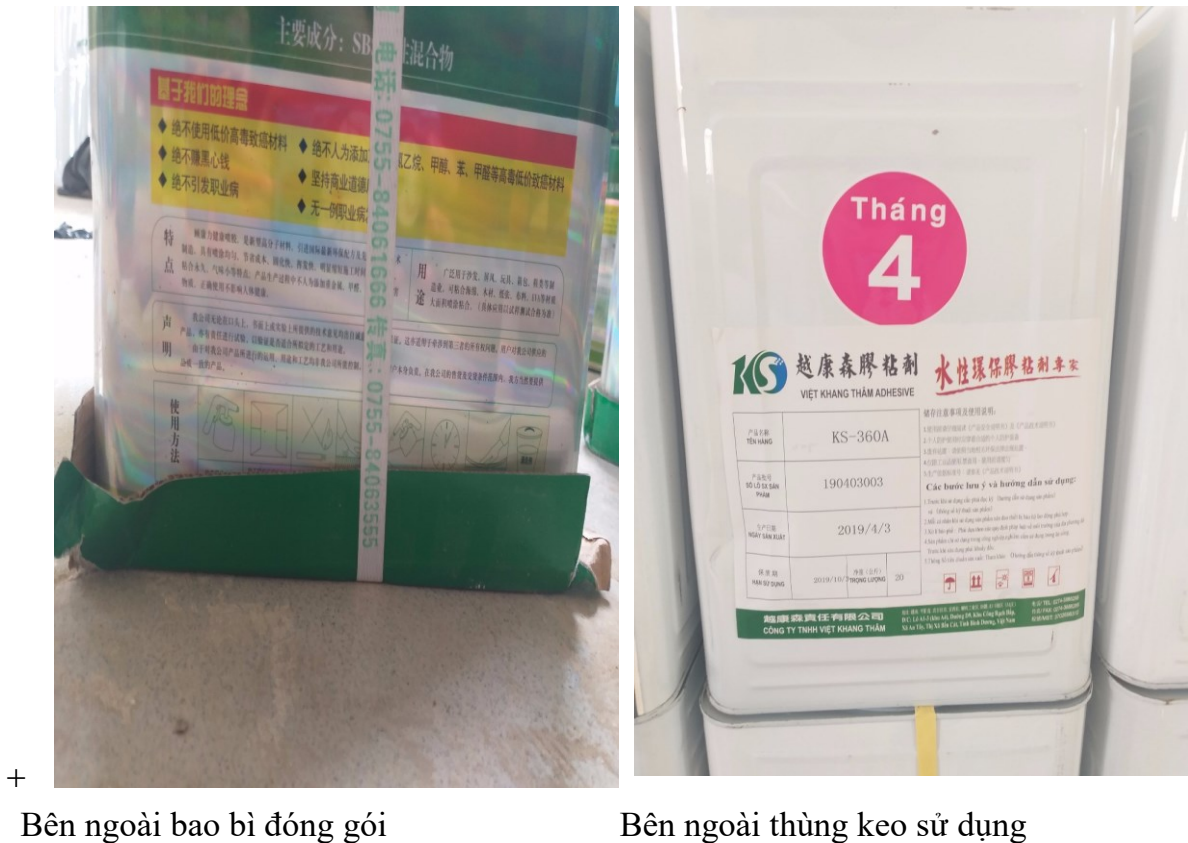
8. Hóa chất dự án sử dụng

Theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS) của keo dán Dự án sử dụng như sau:

- Tên thương mại: Keo CAN18-032907.001
- Thành phần:
 - +Mủ cao su gốc nước (Polychloroprene - số CAS: 9010-98-4): 35 – 45%
 - +Nhựa gốc nước (Nhựa Terpene - số CAS: 9003-74-1): 10 - 15%
 - +Nước khử ion (Nước - số CAS: 7731-18-5): 40-45%.
 - +Là chất không độc hại với sức khỏe

Tính chất vật lý, hóa học

- +Là chất lỏng màu trắng đục có mùi cao su nhẹ.
- +Giá trị pH: 7,5-8,5
- +Mật độ tương đối (nước = 1): 1,06
- +Mật độ hơi tương đối (không khí = 1): $\geq 1,0$
- +Điểm sôi (°C): (101,3 kpa): 90°C - 110°C
- +Điểm cháy (°C): không bắt lửa.



Hình 1. 4. Hình ảnh keo dán gỗ Dự án sử dụng.

❖ **Nguồn cung cấp điện**

Hệ thống điện 220kV do điện lực Bình Phước cấp, sẽ được kéo đến chân hàng rào các nhà máy xí nghiệp, được hỗ trợ từ trạm biến áp 110/22kV.

Lượng điện tiêu thụ trung bình cho ngày sản xuất ổn định của Dự án khoảng 1.200 kWh/ngày.

Công ty không có sử dụng máy phát điện dự phòng.

Lượng điện sử dụng khoảng: 61.300 – 212.200 kWh/tháng

❖ **Nguồn cung cấp nước**

Hiện tại KCN đang sử dụng nguồn nước sạch của Công ty Cổ phần cấp thoát nước KCN Minh Hưng 3 và Công ty cổ phần nước, môi trường Bình Dương để cấp nước sạch cho các Công ty thứ cấp trong KCN. Hệ thống cấp nước cho KCN công suất 9.000 m³/ ngày đêm.

Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Lượng nước sử dụng của dự án

Nhu cầu nước cấp		Lượng sử dụng		Định mức tính toán
		Quy mô cấp nước	Lượng sử dụng (m ³ /ngày)	
Sinh hoạt	Nhà vệ sinh, nước từ các	450 người	20,25	45lít/người.ngày theo TCXDVN 33:2006

Nhu cầu nước cấp	Lượng sử dụng		Định mức tính toán
	Quy mô cấp nước	Lượng sử dụng (m ³ /ngày)	
	lavabo		
Tổng nhu cầu sử dụng nước		20,25	

Dự án chỉ thực hiện nấu ăn cho chuyên gia, toàn bộ lượng công nhân viên làm việc tại dự án sử dụng suất ăn công nghiệp do đơn vị bên ngoài cung cấp.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Vị trí của dự án

Địa điểm thực hiện dự án: Lô F5, đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

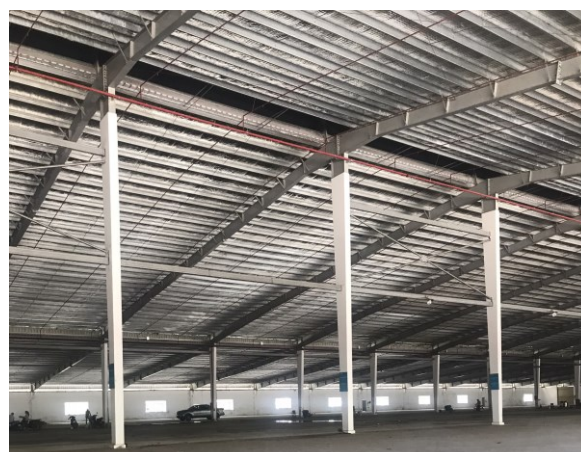
Tứ cận khu đất dự án tiếp giáp:

- Phía Đông giáp khu đất dự trữ của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm;
- Phía Tây giáp đường Đ4 của KCN Minh Hưng III;
- Phía Bắc giáp khu đất trống;
- Phía Nam giáp đường 15 của KCN Minh Hưng III.

Tọa độ địa lý giới hạn khu đất dự án (VN 2000) được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1.6. Tọa độ các góc ranh vị trí dự án

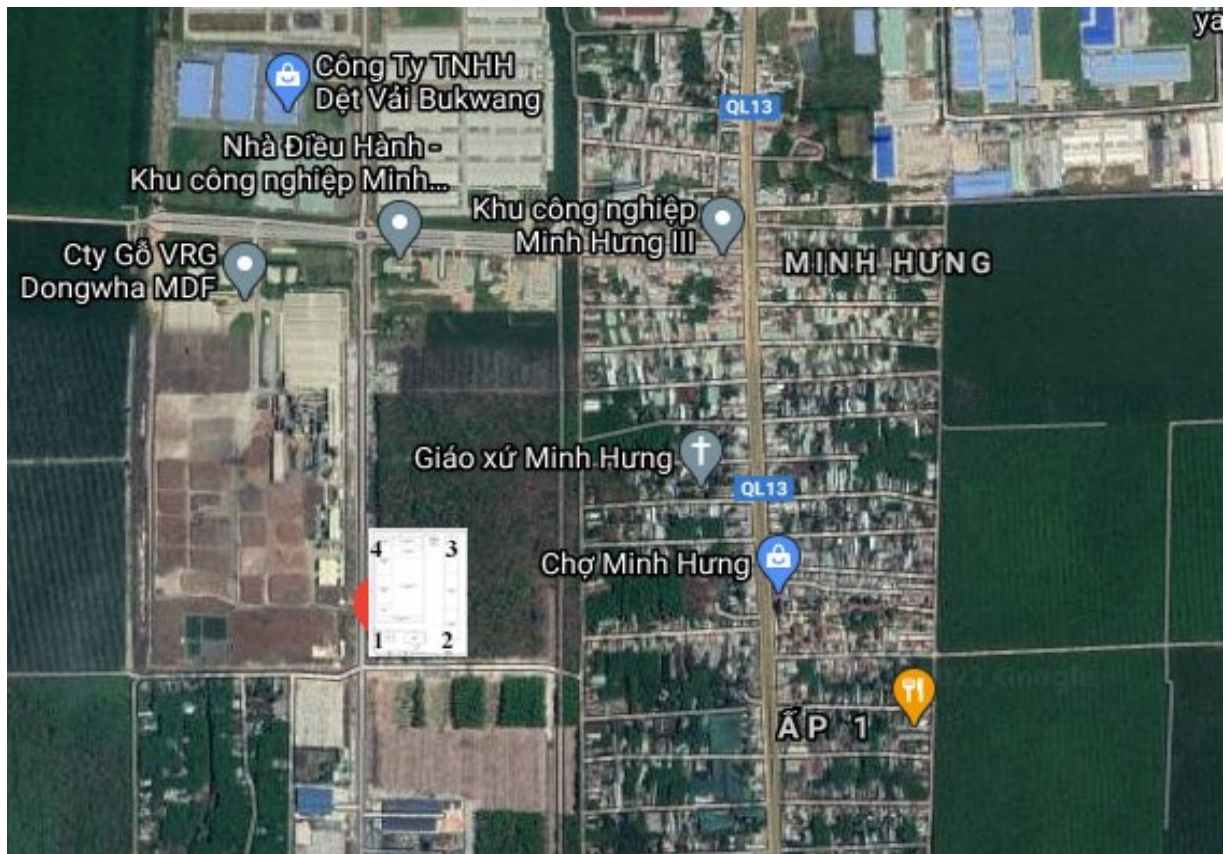
Vị trí khu đất	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
1	538772	1269224
2	539402	1268232
3	539407	1268001
4	538775	1268998



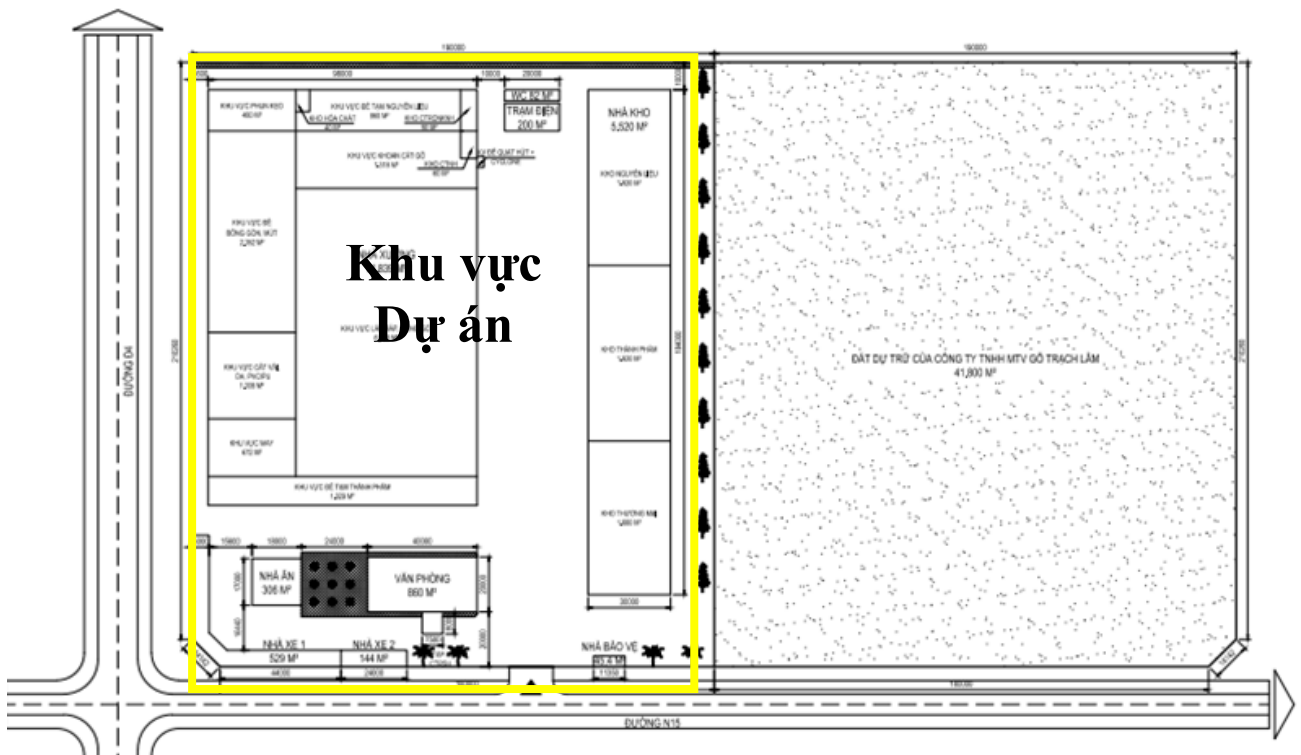
Văn phòng

Nhà xưởng

Hình 1. 5. Hiện trạng nhà xưởng dự án



Hình 1. 6. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án với các đối tượng xung quanh.



Hình 1. 7. Vị trí khu vực dự án trong khu đất của Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm.

1.5.2. Các hạng mục công trình chính của dự án

Tổng diện tích dự án được Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm cho Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam thuê sử dụng là 23.837,4 m²

a. Nhà xưởng

Công trình công nghiệp cấp III gồm 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 14.839 m²
- Chiều cao công trình: 8m
- Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền BTCT. Khung kèo thép. Tường xây gạch. Mái lợp tole, xà gồ thép. Cửa sổ khung nhôm lá sách. Hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

b. Nhà văn phòng

Công trình dân dụng, cấp III gồm 02 tầng

- Diện tích xây dựng: 860 m²
- Diện tích sàn: 2.172 m²
- Chiều cao công trình: 10,6 m
- Kết cấu: Móng, đà kiềng, cột, kèo bằng BTCT; nền gạch Ceramic, tường xây gạch; mái lợp ngoại; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

c. Nhà kho:

Công trình công nghiệp cấp III gồm 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 5.250 m²
- Chiều cao công trình: 8m
- Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền BTCT. Khung kèo thép. Tường xây gạch. Mái lợp tole, xà gồ thép. Cửa sổ khung nhôm lá sách. Hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

1.5.3. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

a. Nhà ăn

Là công trình công nghiệp, cấp III gồm 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 306 m²
- Chiều cao công trình: 7,2 m

Kết cấu: Móng, đà kiềng, cột, kèo bằng BTCT; nền BTCT, tường xây gạch; xà gồ thép; mái lợp ngói; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

Dự án chỉ thực hiện nấu ăn cho chuyên gia, toàn bộ lượng công nhân viên làm việc tại dự án sử dụng suất ăn công nghiệp do đơn vị bên ngoài cung cấp

b. Nhà xe 1 và 2

Là công trình công nghiệp, cấp III gồm 01 tầng.

– Diện tích xây dựng: $529\text{m}^2 + 144\text{m}^2 = 673 \text{ m}^2$

– Chiều cao công trình: 7,96 m

Kết cấu: Móng, đà kiềng, nền BTCT; khung kèo thép, thành xung quanh lan can sắt, mái lợp tole

Ngoài ra, Công ty còn được bố trí thêm:

- Nhà bảo vệ có diện tích $45,4\text{m}^2$.

- Trạm điện + bể nước PCC có diện tích 200m^2 .

1.5.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

a. Thu gom và thoát nước mưa

Dự án thuê nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm. Hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải.

Cống thoát nước mưa được bố trí 2 bên đường. Các đoạn cống đi dưới lòng đường sử dụng cống BTCT chịu tải trọng H30. Các cống trên vỉa hè sử dụng cống BTCT chịu tải trọng H10. Tuyến cống có đường kính D600, D1000. Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m. Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh. Các tuyến cống được đặt trên vỉa hè thu nước mặt từ vỉa hè và lòng đường. Cống thoát nước sử dụng kết cấu bê tông cốt thép đặt dưới vỉa hè.

Khoảng cách giữa các giếng thu trung bình là 30m. Bố trí giếng thu tại các vị trí đổi hướng và tại các vị trí đầu nổi. Giếng thu được xây dựng bằng BTCT có nhiệm vụ thu nước mặt và đầu nổi với hệ thống thoát nước mưa bên trong công trình. Tất cả các miệng thu nước mưa đều phải có song chắn rác.

b. Thu gom và thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải trước khi thoát vào đường cống được xử lý cục bộ tại bể tự hoại 5 ngăn sau đó qua bể khử trùng để xử lý sơ bộ tránh ô nhiễm môi trường và làm tắc nghẽn hệ thống cống dẫn.

Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của dự án sẽ được thu gom qua các đường ống nhánh đường kính Ø200mm, sau đó dẫn về hệ thống ống thu gom chính có Ø300mm. Sau đó thoát ra trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III.

c. Xử lý bụi, khí thải

Dự án sản xuất ghế sofa nên khí thải phát sinh từ dự án bao gồm:

+ Tại công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ: Lắp đặt thiết bị cyclone để xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi gỗ → Hệ thống đường ống thu gom → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi cyclone → Ống khói thải ra môi trường.

+ Tại công đoạn cắt may: Lắp đặt hệ thống hút bụi túi vải để thu gom, xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi vải, bụi da → Quạt hút → Túi vải → Phán tán ra môi trường

+ Tại công đoạn phun keo: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý như sau: Hơi keo → Chụp hút - Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ (Than hoạt tính) → Quạt hút → Ống khói thải ra môi trường.

d. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Công ty bố trí chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 180 m² và chất thải nguy hại khoảng 30,4 m². Các loại chất thải sau khi thu gom được đưa vào nhà kho riêng.

Các khu vực này được xây dựng có nền cao, mái tôn, tường bao và phân thành từng ô riêng biệt để lưu chứa các loại rác thải khác nhau nhằm thuận lợi cho việc tập kết rác thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy. Chất thải rắn phát sinh được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Công ty trang bị và bố trí các thùng chứa 60L, 120L có nắp tại nơi phát sinh như văn phòng, nhà xưởng để thu gom. Hàng ngày chất thải sinh hoạt được công nhân nhà máy thu gom đưa về khu vực công bảo vệ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom.

1.5.5. Danh mục máy móc thiết bị

Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất điện năng	Công suất Sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng máy móc	Mục đích
Máy móc sản xuất chính									
1.	Máy trải vải	máy	2	1,5 kW	70 mét/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Trải vải và canh chỉnh vải để đưa qua máy cắt vải CNC
2.	Máy cưa cắt khí nén	máy	4	2,5 kW	40 mét/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Cắt các đầu gỗ theo kích thước yêu cầu
3.	Máy CNC cắt gỗ	máy	16	2,5 kW	30 mét/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Cắt tấm gỗ
4.	Máy tán đinh	máy	5	1 kW	100 lần/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Giúp tán đinh và các khung gỗ

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất điện năng	Công suất Sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng máy móc	Mục đích
5.	Máy may	máy	300	1 kW	Tối đa 5.000 mũi/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	May các bao bọc nệm
6.	Máy bắn đinh	máy	400	0,75 kW	100 lần/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Giúp cố định bán thành phẩm
7.	Hệ thống con lăn	Dây chuyền	12	-	-	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Giúp di chuyển bán thành phẩm tại khu vực lắp ráp
8.	Súng phun keo	Máy	50	-	Chiều rộng phun tối đa: 165mm, bề mặt phun 2 mét/phút	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Phun keo dán 2 mút xấp lại với nhau
Máy móc phụ trợ									
9.	Xe nâng tay	máy	15	-	1,5 tấn/lần	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Giúp di chuyển nguyên liệu
10.	Xe nâng điện	máy	2	-	3 tấn/lần	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Giúp di chuyển bán thành phẩm, thành phẩm
11.	Máy nén khí	máy	2	-	-	Trung Quốc	2020	Mới 100%	Cung cấp khí
	Tổng		808						

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất điện năng	Công suất Sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng máy móc	Mục đích
	cộng								
Thiết bị xử lý môi trường									
12.	Cyclone	Hệ thống	01	-	D750, H3.195mm	Việt Nam	2021	Mới 100%	Xử lý bụi gỗ
13.	Máy hút bụi di động	máy	01	2.400W	210 L/s	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Hút bụi nhà xưởng
14.	Quạt kết hợp túi vải	máy	05	-	30.000 m ³ /h	Việt Nam	2021	Mới 100%	Hút bụi da, vải
15.	Quạt hút thông thoáng nhà xưởng	Máy	03	-	30.000 m ³ /h	Việt Nam	2021	Mới 100%	Thông thoáng khu vực may
16.	Quạt hút	máy	01	-	32.000 m ³ /ngày	Việt Nam	2021	Mới 100%	Hút hơi keo

Nguồn: Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam, 2023.

1.5.3. Nhu cầu lao động

Tổng nhu cầu sử dụng công nhân viên trong hoạt động sản xuất của Công ty được trình bày dưới Bảng sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu lao động của công ty

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ
1	Công nhân, lao động	400
2	Nhân viên văn phòng	50
Tổng		450

Nguồn: Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam, 2023.

- Số ngày làm việc trong năm: 26 ngày/tháng, 312 ngày/năm.
- Số ca làm việc trong ngày: 01 ca/ngày. Số giờ làm việc trong một ca: 08 giờ/ca.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án “Nhà xưởng Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam được thực hiện tại Lô F5, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Công ty thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất (ghế sofa).

Quy hoạch sử dụng đất

Khu đất thực hiện Dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 580794 ngày 07 tháng 06 năm 2016; Hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm và Công ty Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam.

Dự án nằm trong KCN Minh Hưng III đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt quy hoạch 1/2000.

Như vậy, hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch ngành nghề

Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III - Cao su Bình Long – Giai đoạn 1 – Diện tích 163,872 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long - Giai đoạn 2 – Diện tích 129,998 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND ngày 26/9/2022. Các ngành nghề trình bày trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 bao gồm:

❖ Các ngành nghề được phép đầu tư vào Khu công nghiệp Minh Hưng III Cao su Bình Long - Giai đoạn 1 - Diện tích 163,872 ha (theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh):

- Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến lương thực, thực phẩm.
- Công nghiệp dệt may (không nhuộm), sản xuất giày, đồ chơi.
- Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất.
- Công nghiệp sản xuất bao bì.

- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao.
 - Công nghiệp điện tử và vi điện tử.
 - Công nghiệp cơ khí: Dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.
 - Công nghiệp sản xuất dược phẩm, văn phòng phẩm.
 - Công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thủy tinh, vật liệu xây dựng.
 - Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
 - Nhóm ngành sản xuất đồ uống: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
 - Sản xuất sản phẩm từ cao su (đã qua sơ chế): Sản xuất sản phẩm từ cao su; sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su.
 - Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị): sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).
 - Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học: Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ; sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học; thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp.
 - Sản xuất thiết bị t bị điện: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất thiết bị điện khác.
 - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: Điều khắc gỗ và mộc gia dụng.
 - Sản xuất thuốc nhuộm (Công ty TNHH Asathio Chemical).
- Sản xuất hóa chất phục vụ nhà máy chế biến gỗ (Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha).
- Nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm: Chế biến bảo quản thịt, các sản phẩm từ thịt; chế biến và đóng hộp thịt; chế biến và đóng hộp rau quả; sản xuất và đóng hộp dầu mỡ động thực vật; xay xát và sản xuất bột; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo; sản xuất mì ông, mì sợi và sản phẩm tương tự.
- Tái chế giấy từ giấy phế liệu.
 - Vận tải kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

Nhóm ngành thông tin và truyền thông: Sản xuất sách, ấn phẩm, xuất bản phần mềm, chuyển phát nhanh...

- Sản xuất và phân phối khí điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.

- Nhóm ngành chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm rom và vật liệu bện.

- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm bao gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), hoạt động cho thuê tài chính.

Hoạt động y tế, trợ giúp xã hội bao gồm: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, hoạt động y tế khác.

Dịch vụ lưu trú và ăn uống bao gồm: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).

- Sản xuất nhiên liệu thay thế dầu FO, DO (tái chế lớp cao su thành dầu FO-R).

❖ Các ngành nghề được phép đầu tư vào Khu công nghiệp Minh Hưng III Cao su Bình Long Giai đoạn 2 - Diện tích 129,998 ha (theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh):

- Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến lương thực, thực phẩm.

- Công nghiệp dệt may (không nhuộm), sản xuất giày, đồ chơi.

- Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất.

- Công nghiệp sản xuất bao bì.

- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao.

- Công nghiệp điện tử và vi điện tử.

- Công nghiệp cơ khí: Dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng,

- Công nghiệp sản xuất dược phẩm, văn phòng phẩm.

- Công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thủy tinh, vật liệu xây dựng.

Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

- Nhóm ngành sản xuất đồ uống: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị): Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học: Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ; sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học; thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp.

- Sản xuất thiết bị điện: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất thiết bị điện khác.

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: Điều khắc gỗ và mộc gia dụng.

- Nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm: Chế biến bảo quản thịt, các sản phẩm từ thịt; chế biến và đóng hộp thịt; chế biến và đóng hộp rau quả; sản xuất và đóng hộp dầu mỡ động thực vật; xay xát và sản xuất bột; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự.

- Một số nhóm ngành nghề khác:

+ Vận tải kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

+ Nhóm ngành thông tin và truyền thông: Sản xuất sách, ấn phẩm, xuất bản phần mềm, chuyển phát nhanh...

+ Sản xuất và phân phối khí điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.

+ Nhóm ngành chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm rom và vật liệu bện.

+ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm bao gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), hoạt động cho thuê tài chính.

+ Hoạt động y tế, trợ giúp xã hội bao gồm: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, hoạt động y tế khác.

+ Dịch vụ lưu trú và ăn uống bao gồm: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).

Do đó, với ngành nghề sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất (ghế sofa) thì hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch ngành nghề.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

❖ Sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải:

- Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, nước thải từ nhà ăn chuyên gia với lưu lượng khoảng 20,25 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn, nước thải từ khu vực nhà ăn chuyên gia được thu gom vào bể tách dầu mỡ. Toàn bộ lượng nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), sau đó, được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Minh Hưng III để xử lý tiếp tục đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

Khu công nghiệp Minh Hưng III đã xây dựng hoàn chỉnh module 1 công suất 2.000 m³/ngày đêm, module 2 công suất 2.000 m³/ngày đêm và module 3 công suất 2.000 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp giai đoạn 1 và giai đoạn 2, trong đó:

- Quy trình xử lý nước thải của module 1, công suất 2.000 m³/ngày đêm như sau: Nước thải → Song chắn rác thô - Hàm bơm → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH (Bể trung hòa) - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian cải tạo từ bể khử trùng hiện hữu → Bể điều chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 → Bể lắng hóa lý bậc 02 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động - Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,9; k_f = 0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (k_q = 0, 9; k_f = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

- Quy trình xử lý nước thải của module 2, công suất 2.000 m³/ngày đêm như sau: Nước thải → Song chắn rác thô→ Hàm bơm (sử dụng chung với module 1) Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu (sử dụng chung với module 1) → Bể điều hòa (sử dụng chung với module 1) → Bể hiệu chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 - Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể lắng hóa lý bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể khử trùng (sử dụng chung với module 1) → Mương quan trắc tự động (sử dụng chung với module 1) → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0, 9; k_f = 0, 9) cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (k_q = 0, 9 ; k_f = 1, 0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

- Quy trình xử lý nước thải của module 3, công suất 2.000 m³/ngày đêm như sau: Nước thải → Song chắn rác thô→ Hàm bơm (dùng chung của giai đoạn 1, 2 và 3) → Thiết

bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH - cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 1 → Bể lắng hóa lý bậc 1 → Bể anoxic Bể aerotank → Bể lắng sinh học Bể hiệu chỉnh pH - cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 2 → Bể lắng hóa lý bậc 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động (sử dụng chung với module 1, 2) → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k=0,9$; $k_{\{f\}}=0,9$); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy ($k_q=0,9$; $k_f=1,0$) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k=1,0$) thải ra suối Bưng Rục.

Công suất thiết kế: Công suất 6.000 m³/ngày đêm với lưu lượng trung bình giờ $Q_h = 250$ m³/giờ, thời gian làm việc 24 giờ/ngày.

Hiện tại, lượng nước xả thải của Khu công nghiệp Minh Hưng III là 2.763 – 3.953 m³/ngày, do đó Khu công nghiệp Minh Hưng III đủ khả năng tiếp nhận toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án.

❖ Sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường đối với khí thải:

Dự án bố trí các công trình xử lý bụi, khí thải theo đúng yêu cầu bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 12/11/2021. Bao gồm các công trình:

- Tại công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ: Lắp đặt thiết bị cyclone để xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi gỗ → Hệ thống đường ống thu gom → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi cyclone → Ống khói thải ra môi trường.

- Tại công đoạn cắt may: Lắp đặt hệ thống hút bụi túi vải để thu gom, xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi vải, bụi da → Quạt hút → Túi vải → Phán tán ra môi trường

- Tại công đoạn phun keo: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý như sau: Hơi keo → Chụp hút - Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ (Than hoạt tính) → Quạt hút → Ống khói thải ra môi trường.

❖ Sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải:

Các chất thải phát sinh tại dự án đều được quản lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đều được Chủ dự án có biện pháp thu gom và xử lý, kho lưu trữ để phân loại và lưu chứa các loại chất thải. Đồng thời thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý; không để phát tán ra môi trường, gây tác động xấu đến người lao động và môi trường xung quanh..

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa trên mặt đất của dự án được thiết kế với chế độ tự chảy, bố trí trên cơ sở tận dụng tối đa độ dốc của địa hình với. Hệ thống được đầu tư hoàn chỉnh bao gồm song chắn rác, hố ga và đường cống thu gom.

- Thu gom nước mưa trên mái: Nước mưa trên mái các công trình thu gom theo máng xối thu nước mưa bằng tôn mạ màu kết hợp với các cầu chắn rác D90 và hệ thống ống nhựa PVC D90 quanh mái nhà xưởng. Nước mưa trên mái theo độ dốc của mái $I=10\%$ chảy dọc theo ống nhựa vào hệ thống thoát nước mưa trên bề mặt.

- Thu gom nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước nội bộ bao gồm đường dẫn là ống PVC và hệ thống các hố ga kích thước $800 \times 800 \times 1000 \text{mm}$, nắp đan bê tông. Khoảng cách giữa các hố ga dao động khoảng 20-30m. Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa trên mặt đất theo đường ống dẫn BTCT Ø200, Ø300, Ø400, Ø500, Ø600 dẫn vào 02 vị trí hố ga đầu nối với KCN Minh Hưng III trên đường N15 và đường Đ4, thiết kế với chế độ tự chảy, bố trí trên cơ sở tận dụng tối đa độ dốc của địa hình với độ dốc ngang của đường $i=2\%$, độ dốc cống $i=0,5 - 0,7\%$.

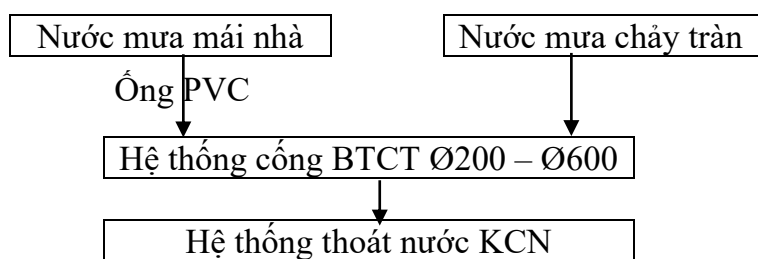
Vị trí đầu nối nước mưa trên đường N15: Tọa độ: X(m): 1.268.975; Y(m): 538.961.

Vị trí đầu nối nước mưa trên đường Đ4: Tọa độ: X(m): 1.269.027; Y(m): 538.745.

Bảng 3. 1. Thống kê đường ống thoát nước mưa

STT	Loại ống	Chiều dài (m)	Vật liệu
1	Ống Ø90	185	PVC
2	Cống BTCT Ø200	116	BTCT
3	Cống BTCT Ø300	214	BTCT
4	Cống BTCT Ø400	200	BTCT
5	Cống BTCT Ø500	150	BTCT
6	Cống BTCT Ø600	148	BTCT

Sơ đồ minh họa:



Hình 3. 1. Sơ đồ thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ nhà ăn chuyên gia.

Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, COD, BOD₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng nitơ, Tổng phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Phương án thu gom nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh và nước thải từ lavabo, nước rửa sàn) với lưu lượng tối đa 20,25m³/ngày được thu gom và dẫn về các bể tự hoại 05 ngăn (tổng dung tích 43,5m³), kết hợp khử trùng. Nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường Đ4 của Khu công nghiệp Minh Hưng III) dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III để tiếp tục xử lý). Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X(m): 1.269.015; Y(m): 538.742.

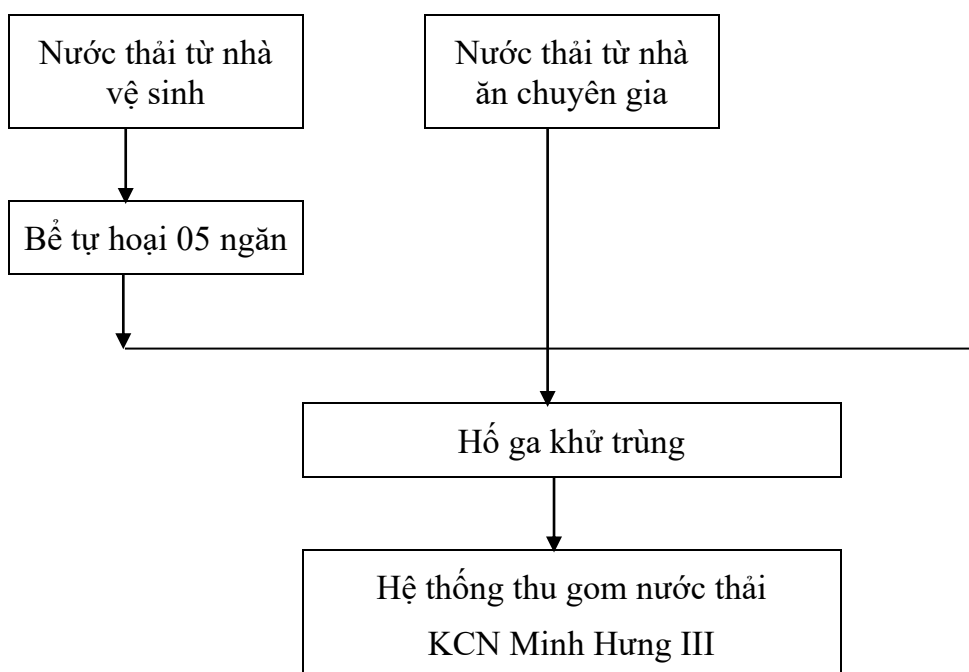
+ Nguồn số 02: Nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ (dung tích 180 lít, kích thước: D800 x R500 x C450 mm, vật liệu Inox 304, dày 1 mm gồm 03 ngăn: ngăn rác, ngăn mỡ và ngăn nước sạch) được dẫn theo tuyến ống nhựa PVC đường kính 114mm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải.

Bảng 3. 2. Thống kê đường ống thoát nước thải

STT	Loại ống	Chiều dài (m)	Vật liệu
1	Cống BTCT Ø200	450	BTCT

- Công trình thoát nước thải: Nước thải từ hố ga khử trùng theo tuyến cống BTCT Ø200 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường Đ4 của Khu công nghiệp Minh Hưng III) .

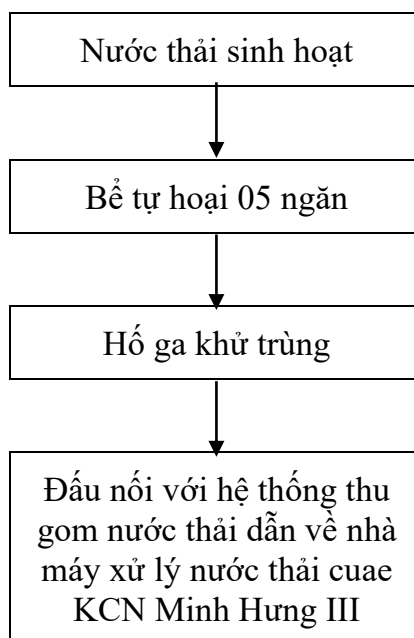
- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên:



Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước thải

3.1.3. Xử lý nước thải:

Quy trình công nghệ xử lý nước thải tại Công ty như sau:

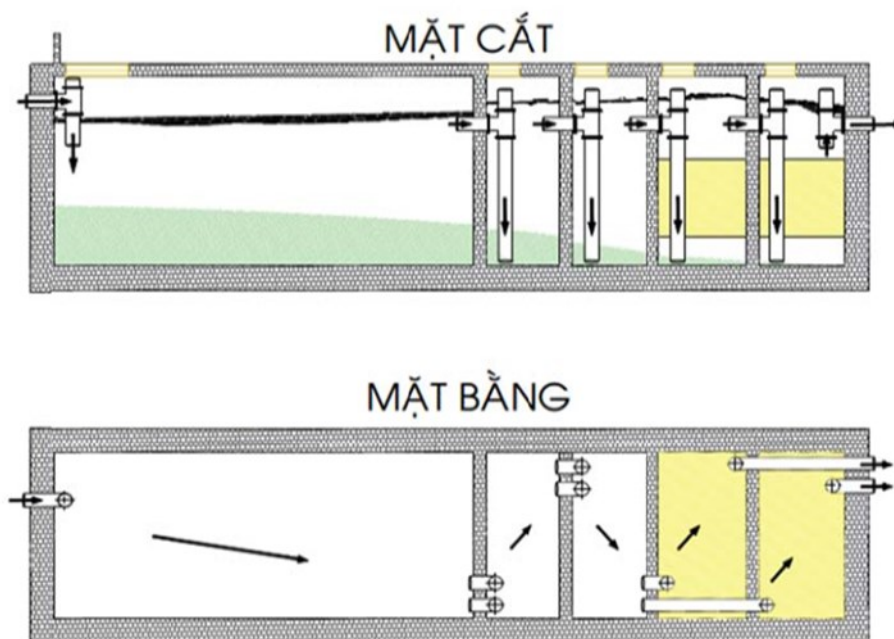


Hình 3. 3. Quy trình công nghệ xử lý nước thải

Bể tự hoại 05 ngăn:

Bể tự hoại 05 ngăn (hay còn gọi là bể tự hoại cải tiến BASTAF) đã được các cơ quan quan trắc trong phòng thí nghiệm cũng như trong môi trường thực tế cho thấy hiệu suất xử lý chất cặn bã của bể tự hoại từ 2-3 lần, hoạt động ổn định ngay cả khi dao động nồng độ và lưu lượng chất thải đầu vào lớn so với hệ thống thông thường, cụ thể như: Hàm lượng chất lơ lửng SS đạt 75%, theo COD đạt 75 – 90%, theo BOD5 đạt 71-85%, theo TSS đạt 75-95%.

Bể tự hoại cải tiến BASTAF được xây dựng với 5 ngăn tách biệt (như mô hình bên dưới) được điều chỉnh tính toán dung lượng và nồng độ dòng chảy chính xác qua các vách ngăn mỏng dòng hướng lên và ngăn lọc kỵ khí được hoạt động như sau:



Hình 3. 4. Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn

Thuyết minh sơ đồ:

Bước 1: Chất thải từ bồn cầu được đưa tới bể lớn nhất.

Bước 2: Nước thải chưa được lắng hoàn toàn sẽ được đưa vào ngăn thứ hai qua 2 đường ống hay các vách ngăn hướng dòng giúp cho việc tạo dòng chảy, điều hòa dung lượng và nồng độ chất thải, ngăn làm lắng động chất thải, lên men kỵ khí.

Bước 3: Ở các vách ngăn tiếp theo nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên sẽ tiếp xúc với các sinh vật kỵ khí hấp thụ và chuyển hóa giúp chúng phát triển bên trong của từng khoang bể chứa. Điều này sẽ giúp ta bóc tách riêng 2 pha là lên men axit và lên men kiềm nhờ phản ứng kỵ khí này.

Chuỗi phản ứng này mà bể của chúng ta được xử lý triệt để lượng bùn và các chất cặn bã hữu cơ sẽ tăng thời gian lưu bùn.

Bước 4: Tại các ngăn lọc cuối cùng của bể thì các vi sinh vật kỵ khí sống nhờ dính bám vào bề mặt các hạt vật liệu học sẽ ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo với nước làm sạch nước thải.

Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Minh Hưng III và đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Hóa chất sử dụng: chlorine.

Chế độ vận hành: liên tục.

Bảng 3. 3. Bảng thống kê bể tự hoại, hố ga khử trùng

STT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vị trí
1	Bể tự hoại 05 ngăn	- Ngăn chứa bùn: DxRxC = 1,6m x 0,8m x 1,9m; thể tích: 2,4m³. - Ngăn lắng: DxRxC = 1,6m x 0,8m x 1,9m; thể tích: 2,4m³. - Ngăn chứa: DxRxC = 1,6m x 0,8m x 1,9m; thể tích: 2,4m³. - Ngăn kỵ khí 1: DxRxC = 1,6m x 0,8m x 1,9m; thể tích: 2,4m³. - Ngăn kỵ khí 2: DxRxC = 1,6m x 0,8m x 1,9m; thể tích: 2,4m³.	03	- 03 vị trí: + Khu nhà vệ sinh nhà xưởng; + Khu văn phòng; + Khu nhà ăn.
2	Bể khử trùng	V = 0,5m ³	02	BTCT

Bảng 3. 4. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý nước thải

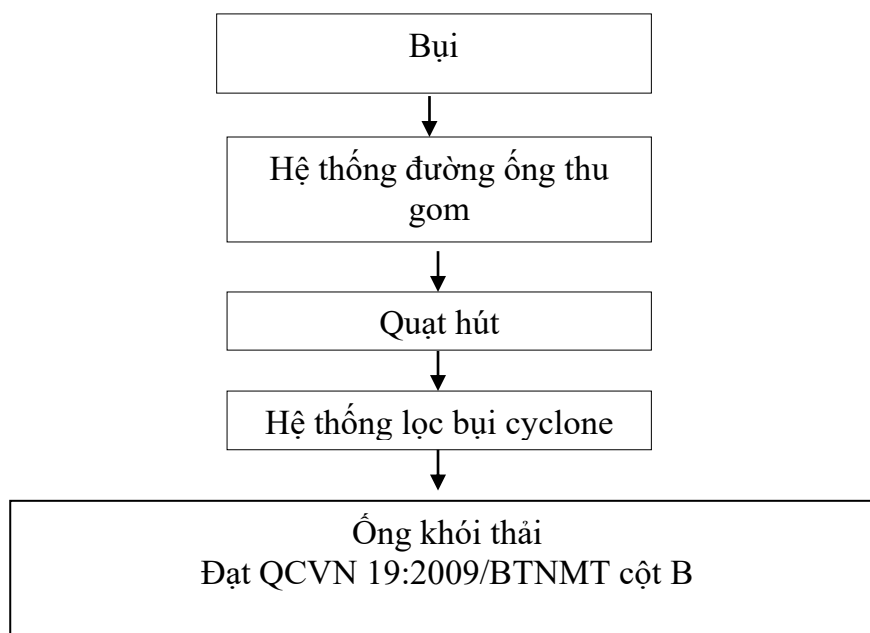
STT	Máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm hóa chất	Lưu lượng max (Q): 110 lít/giờ. Cột áp (H): 6 bar. Công suất động cơ: 0,3kW Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	01
2	Bồn chứa hoá chất	Inox 304, V = 0,1m ³ Xuất xứ: Việt Nam	Cái	01

Yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: Giá trị giới hạn cho phép đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh tại công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ các tấm gỗ:

Chủ dự án đã đầu tư hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ, công suất quạt hút thiết kế 4.000 m³/giờ. Quy trình hệ thống xử lý bụi như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi

Thuyết minh quy trình hoạt động:

Toàn bộ bụi phát sinh từ quá trình sản xuất sẽ được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom - sử dụng ống mềm, đi đến đường ống trung tâm vào thiết bị lọc bụi cyclone. Bụi theo đường ống dẫn đi vào cửa vào của thiết bị. Sau đó, luồng không khí chứa bụi đi vào thân cyclone theo phương tiếp tuyến với thân cyclone ở phần trên rồi xoáy xuống dần gặp phần ống hình phễu. Quạt hút giúp cho bụi đi theo chiều xoắn ốc. Bụi dưới tác dụng của lực ly tâm nên bị văng vào thành ống mất dần vận tốc và rơi xuống dưới. Không khí sạch thoát ra ngoài.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

Chủ đầu tư cam kết việc thiết kế và xây lắp đảm bảo hiệu quả xử lý để khí sạch sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, $k_p=1$, $k_v=1$



Hình 3. 6. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi gỗ

Các thông số cơ bản

Bảng 3. 5. Hạng mục, thiết bị công trình xử lý bụi

STT	Hạng mục/thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Vật liệu	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống đường ống thu gom	Hệ thống	01	Ống mềm, Ống nhựa PVC	10 ống mềm D150 tại 10 máy cắt. 03 ống mềm D150 tại 03 máy lộn. 10 ống mềm D150 tại 10 máy khoan CNC. Đường kính ống chính là 250 mm, 300mm, 350mm, 400mm, 450mm, 500mm, 550mm, 600mm, 800mm
2	Quạt hút	cái	01	Tôn tráng kẽm	55kW, 75HP Lưu lượng: 50.000 m ³ /h
3	Cyclone	cái	01	Thép	2.200mm x 4.000mm x 3.800mm x 2,0 Túi vải: 180 túi (D x H = 150mm x 3.000mm)
4	Thùng chứa bụi	cái	01	Thép	2.500mm x 1.600mm x 3.000mm
4	Đường ống thải	Hệ thống	01	Thép/ tôn tráng kẽm	D200, chiều cao tính từ mặt đất 4m

Quy trình vận hành

- Bước 1: Công nhân bật quạt hút, bật hệ thống cyclone
- Bước 2: Bật máy làm việc;
- Bước 3: Sau khoảng 7 ngày công nhân sẽ thu lại bụi gỗ đưa về kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại;
- Bước 4: Công nhân vệ sinh hộp chứa bụi.

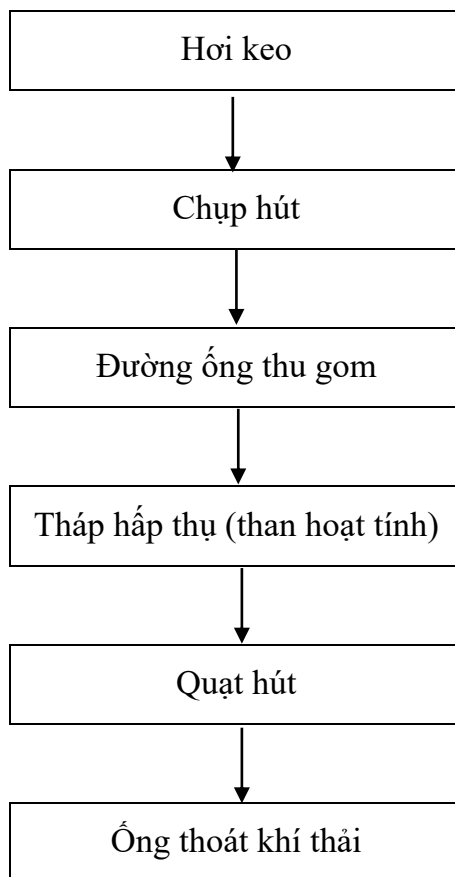
3.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của hơi keo

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do hơi keo từ công đoạn phun keo, Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí quạt công nghiệp để tăng khả năng lưu chuyển không khí;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi tiếp xúc với hóa chất như mặt nạ, găng tay, kính mắt, quần áo bảo hộ;
- Thường xuyên tập huấn về an toàn hóa chất cho công nhân;
- Khám sức khỏe định kỳ cho công nhân 1 lần/năm;
- Cấm lửa và tia lửa ở nơi bảo quản, sử dụng, tàng trữ hóa chất, bảo quản cách ly
- Xung quanh nhà xưởng được trồng cây xanh nhằm điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy và tạo cảnh quan cho công nhân làm việc.

Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom, xử lý hơi keo công suất thiết kế 12.000m³/giờ.

Quy trình công nghệ như sau:



Hình 3. 7. Sơ đồ công nghệ xử lý hơi keo

Thuyết minh công nghệ:

Công ty bố trí các chụp hút có kích thước 1.500mm x 1.000mm x 400mm tại các bàn phun keo để hút hơi keo về đường ống tole tráng kẽm D280.

Sau đó, hơi keo đi qua đường ống nhánh D280 dẫn về đường ống chính D600. Hơi keo được hấp thụ tại tháp hấp thụ (than hoạt tính). Sau khi được hấp thụ, khí sạch được quạt hút hút và đẩy không khí sạch qua ống thải D600.

Các thông số cơ bản

Bảng 3. 6. Hạng mục, thiết bị công trình xử lý hơi keo

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Quạt ly tâm - Công suất: 10HP - Motor: Asia - Vật liệu: tole đen phủ sơn chống rỉ và sơn màu thẩm mỹ - Truyền động: gián tiếp qua trục nhót	Bộ	1

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
2	Hệ thống đường ống hút - Đường kính: D280 - D600 - Vật liệu: tole tráng kẽm, # 0,75mm - Ghép bằng bích 3-4mm	Bộ	1
3	Chụp hút hơi dung môi - Kích thước: 1500 x 1000 x 400 - Vật tư: tole tráng kẽm - Dày: 0,75mm	Bộ	3
4	Tháp lọc (than hoạt tính) - Kích thước: 1200 x 1200 x 1000 - Vật tư: tole tráng kẽm - Dày: 1,15mm	Bộ	1
5	Hệ thống đường ống thoát - Đường kính: D600 - Vật liệu: tole đen phủ sơn chống rỉ và sơn màu thẩm mỹ, #0,95mm	Bộ	1
6	Sàn thao tác mẫu và ống lấy mẫu	Bộ	1
7	Tủ điện, - Vỏ tủ: Việt Nam - Linh kiện: LS hoặc tương đương - Dây điện: Cadivi / Cadisun	cái	1

Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

Chủ đầu tư cam kết việc thiết kế và xây lắp đảm bảo hiệu quả xử lý để khí sạch sau khi xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT.



Hình 3. 8. Hình ảnh hệ thống xử lý hơi keo

Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải như sau:

- Bước 1: Bật quạt hút khu vực phun keo
- Bước 2: Vận hành khu vực phun keo.

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu đối với quá trình cắt may:

- Bụi phát sinh từ công đoạn may sẽ được công nhân vệ sinh nhà xưởng quét dọn vào cuối ngày làm việc, lượng bụi này sẽ được thu gom và lưu trữ ở khu vực chứa chất thải công nghiệp không nguy hại.

- Kho bãi, xưởng sản xuất được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.

- Định kỳ vệ sinh toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị sản xuất để tránh tích tụ bụi trong thời gian dài, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường vệ sinh công nghiệp.

- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân. Đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

- Bố trí hệ thống quạt hút gắn trên tường để thông thoáng nhà xưởng khu vực may.

- Bố trí quạt hút kết hợp với túi vải để thu gom bụi khu vực cắt da, vải. Quy trình thu gom và xử lý bụi khu vực cắt da, vải: Bụi da, vải → quạt hút → túi vải → phát tán ra môi trường.

- Bụi da, vải phát sinh sẽ phát tán trong không khí, dự án sẽ gắn các quạt hút trên tường nhà xưởng để thu gom lượng bụi này, bên ngoài quạt hút gắn các túi vải để lọc bụi. Sau đó, không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài thông qua các lỗ của túi vải.

Bảng 3. 7. Hạng mục, thiết bị công trình xử lý bụi khu vực cắt may

STT	Hạng mục/thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Vật liệu	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút kết hợp túi vải khu vực cắt da, vải	cái	05	Tôn tráng kẽm	Công suất quạt: 10.000 m³/h Kích thước túi vải: 1.000 x 1.000 x 200mm
2	Quạt hút khu vực may	cái	03	Tôn tráng kẽm	Công suất quạt: 10.000 m³/h

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Công ty cam kết quản lý toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

Lượng rác thải sinh hoạt của 450 công nhân viên khoảng 405 kg/ngày.

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Công ty đã bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đủ công suất lưu chứa CTR phát sinh tại nhà máy;
- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 25-120 lít bố trí tại khu vực văn phòng; tại khu vực nhà xưởng, nhà ăn bố trí 2 thùng chứa dung tích 240 lít. Chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa này được thu gom định kỳ 3 lần/tuần.

Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án đầu tư bao gồm bụi gỗ, vụn gỗ (không dính keo), da vụn, vải vụn, bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, pallet gỗ thải tổng khối lượng khoảng 240.200kg/năm.

Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
-----	------------	--------------	-------------------	---------------------

Stt	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi gỗ, vụn gỗ	09 01 03	TT-R	150.000
2	Da vụn	-	-	20.000
3	Vải vụn	10 02 11	TT-R	60.000
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	TT	8.000
5	Pallet gỗ thải	11 02 02	TT-R	2.200
	Tổng khối lượng			240.200

Chất thải công nghiệp thông thường được bố trí xếp gọn gàng trên mặt sàn theo từng loại trong kho chứa chất thải công nghiệp thông thường.

Dự án đầu tư đã bố trí khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 180m². Khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường được lót nền bê tông chống thấm, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, có mái che, vách tường, có gờ chắn, có biển cảnh báo. Hàng ngày, công nhân sẽ thu gom chất thải từ các nhà xưởng về nhà chứa chất thải thông thường.

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải công nghiệp thông thường với Công ty CP Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom, xử lý theo đúng quy định.



Hình 3. 9. Hình ảnh khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án là 1.715 kg/năm.

Danh mục chất thải nguy hại theo thực tế phát sinh:

Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	10
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	KS	10
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	5
4	Chất kết dính và chất bịt kín (keo thải)	08 03 01	Lỏng	KS	500
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	10
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	30
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	50
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	NH	1.100
	Tổng cộng				1.715



Hình 3. 10. Hình ảnh khu vực chứa chất thải nguy hại

❖ **Phương án thu gom, xử lý chất thải nguy hại:**

+ Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 30,4 m², có mái che, tường bao, nền bê tông, gờ ngăn, biển báo, thiết bị lưu giữ riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại, thiết bị phòng cháy, chữa cháy (đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Chất thải nguy hại phát sinh được lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

+ Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Bố trí thùng chứa khu vực chứa chất thải nguy hại, các thùng được dán nhãn ghi tên từng loại chất thải:

+ Trong khu vực chứa chất thải nguy hại, chủ đầu tư đã bố trí 01 bình chữa cháy 3 kg và xẻng, cát xử lý trong trường hợp chảy tràn hóa chất theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:
 - + Từ khu vực hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ.
 - + Từ khu vực hệ thống thu gom, xử lý hơi keo.
 - + Từ khu vực máy nén khí
 - + Từ khu vực máy cưa.
 - + Từ khu vực máy khoan.
- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đã xây dựng bao gồm:
 - + Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.
 - + Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.
 - + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.
 - + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.
 - + Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động..

Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.
- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.
- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại. Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.
- Công ty phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng III để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải

Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi và khí thải trong quá trình hoạt động khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố:

+ Khi hệ thống xử lý khí thải bị hư hỏng cần ngắt van, ngắt điện, đồng thời tiến hành sửa chữa, thay thế để tránh ngưng trệ hệ thống hoạt động và người phụ trách sẽ thông báo với ban lãnh đạo Công ty và liên hệ với đơn vị bảo hành khắc phục sự cố nhanh chóng.

+ Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý khí thải.

+ Định kỳ kiểm tra chất lượng khí thải nhằm giám sát hiệu quả của công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đang thực hiện nhằm đảm bảo tránh các sự cố môi trường có thể xảy ra.

+ Trường hợp phát hiện sự cố khí thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu hoặc hệ thống xử lý khí thải bị hư hỏng, ngay lập tức tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra và khắc phục sự cố sớm nhất.

+ Công ty đã bố trí nhân viên theo dõi đánh giá tình trạng cũng như khắc phục các sự cố nhỏ phát sinh, lên kế hoạch bảo trì bảo dưỡng.

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.;

+ Vệ sinh thường xuyên các thiết bị hệ thống nhằm làm tránh ảnh hưởng tới kết quả xử lý khí thải bị giảm đi.

+ Chuẩn bị thêm các thiết bị mới nhằm thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng hoặc xuống cấp, tránh làm gián đoạn vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án đầu tư dẫn đến ngưng trệ quá trình sản xuất.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Phòng cháy chữa cháy:

Xây dựng và ban hành các nội quy làm việc, bao gồm nội quy ra, vào làm việc tại tòa nhà; nội quy sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện; nội quy về an toàn giao thông, nội quy về an toàn cháy nổ;

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho nhân viên, khách đến thăm quan bằng nhiều hình thức khác nhau về công tác phòng chống cháy nổ.

Bên ngoài khu vực có khả năng xảy ra cháy nổ cao có biển ghi: CẤM LỬA” “CẤM HÚT THUỐC” chữ to, màu đỏ, các biển phải rõ ràng để ở chỗ dễ thấy nhất.

Các ga chờ cứu hỏa được bố trí gần các khu nhà dễ xảy ra cháy, đồng thời nằm dọc theo các tuyến đường giao thông thuận lợi cho công tác chữa cháy.

Bể chứa cứu hỏa luôn đầy, đường dẫn nước cứu hỏa dẫn đến các họng cứu hỏa luôn ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

Kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị, phương tiện PCCC định kỳ nhằm sẵn sàng ứng cứu khi xảy ra sự cố.

Chủ dự án đầu tư đã lắp đặt và trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy (hệ thống cung cấp nước chữa cháy, bình chữa cháy, hệ thống chữa cháy,...).

b. Phương án giảm thiểu tai nạn lao động

Các phương án nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của các tác nhân ô nhiễm đối với sức khỏe công nhân tại dự án đầu tư như sau:

- Kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân làm việc trong dự án đầu tư;
- Lập đội kiểm tra an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại để nhắc nhở công nhân tuân thủ các quy định an toàn, vệ sinh môi trường,...;
- Quy định các nội quy làm việc tại công trường, bao gồm nội quy ra, vào làm việc tại Công ty; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị máy móc; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau như in nội quy vào bảng treo tại công trường, nhà ăn; tổ chức học nội quy; kiểm tra và nhắc nhở tại hiện trường;
- Tăng cường tập huấn cho công nhân lao động về phòng chống tai nạn lao động;
- Tổ chức cảnh giới và treo biển báo khi sửa chữa điện; Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện;
- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động;
- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự;
- Tổ chức sơ cứu các ca tai nạn lao động; Lập tủ thuốc, các thiết bị sơ cứu tại dự án đầu tư trước khi đưa đi cấp cứu;
- Tuân thủ quy định trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc tại các dây chuyền sản xuất thuộc dự án đầu tư;
- Toàn bộ công nhân tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động trong suốt quá trình lao động sản xuất;
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động;
- Khống chế tiếng ồn đạt quy chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp do quá trình sản xuất gây ra.
- Thực hiện đo kiểm môi trường lao động định kỳ hàng năm tại dự án đầu tư.

c. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

- Thiết bị lưu giữ phù hợp với từng loại hóa chất, khu vực lưu giữ hóa chất được sắp xếp ngay ngắn, cẩn thận cho từng loại riêng biệt, không lưu giữ các hóa chất có phản ứng chung với nhau. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng, can để

đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ, rách thùng. Phân loại và ghi nhãn hóa chất theo đúng Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

– Hàng năm, nhân viên được tham gia lớp đào tạo về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

❖ ***Lưu ý trong việc bảo quản, lưu trữ hóa chất:***

– Đối với các hóa chất nguy hiểm chỉ để tại nơi làm việc số lượng vừa đủ cho yêu cầu sử dụng trong ca. Số còn lại sẽ được bảo quản trong kho. Kho hóa chất phải đảm bảo được yêu cầu an toàn cho thủ kho, cho những người làm việc ở gần và không gây ô nhiễm môi trường.

❖ ***Yêu cầu kỹ thuật đối với kho hóa chất:***

Kho chứa hoá chất đảm bảo khoảng cách an toàn với khu dân cư và cuối nguồn nước theo đúng quy định TCVN 5507:2002 - Hoá chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

– Kho lưu giữ hóa chất được đặt tại vị trí cách xa khu nhà nghỉ, nhà ăn, nhà sinh hoạt chung của cán bộ, công nhân viên.

– Chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn kho được thiết kế có chỗ chứa hóa chất rò rỉ hoặc tràn đổ và bề mặt bằng phẳng, không gồ ghề để dễ dọn sạch. Tường bên ngoài kho được xây dựng với yêu cầu chịu được lửa ít nhất là 30 phút và tất cả các bức tường đều không thấm nước, bề mặt bên trong của tường được ốp gạch trơn nhẵn, có thể rửa một cách dễ dàng và không bắt bụi.

– Lối ra, vào được lắp đặt cửa chịu lửa, mở hướng ra ngoài; kho còn được bố trí các cửa thoát hiểm thiết kế mở hướng thẳng ra bên ngoài nhà xưởng.

– Được thiết kế hệ thống thông gió bằng các cửa sổ và lỗ thông gió để làm loãng hoặc hút sạch lượng khí độc sinh ra khi có sự cố.

– Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp tuân thủ yêu cầu của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

– Tại kho có đặt bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những lưu ý cần tuân theo khi sắp xếp, vận chuyển, san rót, đóng gói.

❖ ***Đối với phương tiện vận chuyển hóa chất:***

Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Thông tư số 52/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc vận chuyển hóa chất, cụ thể:

– Có trang thiết bị che, phủ kín; trang thiết bị che phủ phải phù hợp với yêu cầu chống thấm, chống cháy, không bị phá hủy khi tiếp xúc với hóa chất được vận chuyển; chịu được sự va đập và đảm bảo an toàn, hạn chế sự rò rỉ các chất độc hại và lây nhiễm ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố.

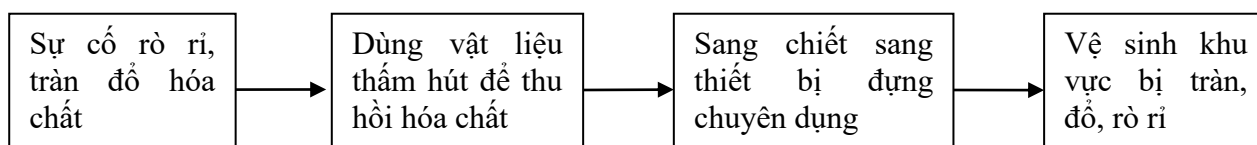
– Đảm bảo đầy đủ thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển theo quy định.

❖ ***Phương án ứng phó, khắc phục sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:***

Khi xảy ra sự cố tràn, đổ hóa chất và trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường thì việc đầu tiên Công ty thực hiện là xác định mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người sau đó thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng cùng các tác động của hóa chất. Khi xảy ra sự cố, Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các công tác ứng phó như sau:

– ***Bước 1: Xử lý khẩn cấp tại chỗ***

Biện pháp xử lý sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất có thể khái quát bằng sơ đồ sau:



+ ***Trường hợp rò rỉ, tràn đổ ở mức nhỏ:***

Khi sự cố xảy ra, để ngăn chặn sự tiếp xúc của hóa chất tới cơ thể con người thì cần trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị chuyên dụng cho người lao động. Hấp phụ hóa chất bằng bằng vật liệu trơ (cát), không sử dụng chất liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín để thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như chất thải nguy hại mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ ***Trường hợp tràn đổ, rò rỉ lớn trên diện rộng:***

Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn, đổ hóa chất. Hấp phụ hóa chất bằng vật liệu trơ, không sử dụng vật liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như chất thải nguy hại mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ ***Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất khi vận chuyển:***

Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ khi đang vận chuyển thì nhân viên lái xe phải thực hiện phương án nhằm cách ly hóa chất xa khu dân cư sau đó phối hợp với nhân viên kỹ thuật thu gom hóa chất vào các thùng chứa chuyên dụng rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

– ***Bước 2: Phối hợp hành động:***

Tùy vào tình hình sự cố mà Chủ dự án đầu tư sẽ thông báo khẩn cấp tới các cơ quan chức năng của địa phương và các dự án đầu tư sản xuất xung quanh để phối hợp khắc phục.

– Bước 3: Kế hoạch sơ tán người và tài sản:

Khi xảy ra sự cố hóa chất thì lập tức sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực tràn đổ, rò rỉ và các khu vực có khả năng chịu tác động. Sơ tán những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (nguồn lửa, nhiệt, ...) và cắt cầu dao điện. Sau khi sơ tán người và tài sản ra thì cô lập vùng nguy hiểm.

– Bước 4: Khắc phục hậu quả sự cố:

Khi sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất thì việc đầu tiên Chủ dự án đầu tư cần thực hiện là đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng và tác động của hóa chất, đưa người bị thương đến dự án đầu tư y tế gần nhất để sơ cứu trong trường hợp nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng nhanh chóng chuyển nạn nhân lên các dự án đầu tư y tế tuyến trên để chữa trị chuyên sâu. Hỗ trợ, đền bù thiệt hại cho nạn nhân và công tác xử lý môi trường.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

So với Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm, Công ty có một số thay đổi nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cụ thể được liệt kê trong Bảng sau:

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)
1	Khu tập trung chất thải rắn	Diện tích khu lưu giữ chất thải nguy hại: 60 m ² ; chất thải rắn công nghiệp: 90 m ²	Diện tích khu lưu giữ chất thải nguy hại: 30,4 m ² ; chất thải rắn công nghiệp: 180 m ²	-
3	Thay đổi lưu lượng quạt hút	- Hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ: 4.000m ³ /giờ - Hệ thống xử lý hơi keo từ công đoạn phun keo: 60.000m ³ /giờ.	- Hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ: 50.000 m ³ /giờ - Hệ thống xử lý hơi keo từ công đoạn phun keo: 12.000m ³ /giờ	-

- Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Khu tập trung chất thải rắn: Công ty bố trí lại các khu vực lưu chứa chất thải, đồng thời hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý phù hợp với hoạt động của dự án nên tác động đến môi trường không đáng kể.

+ Thay đổi lưu lượng quạt hút: Công ty điều chỉnh theo số lượng chụp hút, diện tích bố trí khu vực sản xuất theo đúng thực tế đảm bảo khả năng xử lý bụi, khí thải phát sinh đạt quy chuẩn theo quy định. Do vậy, tác động đến môi trường không đáng kể so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III, không xả ra môi trường).

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ Dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III tại các văn bản đã ký với Công ty CP KCN Cao su Bình Long (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng III), bao gồm: Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số ZL-210301 giữa Công ty TNHH Một thành viên gỗ Trạch Lâm và Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam; Văn bản số 60/CV-KCNCSBL-XDCB ngày 01/8/2018 của Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long về việc tiếp nhận nước thải từ nhà máy của Công ty TNHH MTV gỗ Trạch Lâm vào hệ thống nước thải của KCN Minh Hưng III).

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên.
 - + Nguồn số 02: Nước thải từ nhà ăn chuyên gia.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20,25 m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải là 01 (một) dòng nước thải sau xử lý được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải dẫn về nhà máy xử lý nước thải của KCN Minh Hưng III.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B). Cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	COD	mg/l	150		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
11	Amoni	mg/l	10		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	(tính theo N)			CP)	CP)
12	Tổng nitơ	mg/l	40		
13	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6		
14	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

- Vị trí đầu nổi xả thải: 01 điểm trên đường Đ4 của Khu công nghiệp Minh Hưng III dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III để tiếp tục xử lý). Tọa độ điểm đầu nổi nước thải (Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X(m): 1.269.015; Y(m): 538.742.
- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước: liên tục (24/24 giờ).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:
 - + Nguồn số 01: bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ, lưu lượng $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
 - + Nguồn số 02: hơi keo từ công đoạn phun keo, lưu lượng $60.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
 - + Nguồn số 03: bụi từ công đoạn cắt may.
- Lưu lượng khí thải lớn nhất: $62.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
 - + Nguồn số 01: Lưu lượng khí thải lớn nhất $50.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
 - + Nguồn số 02: Lưu lượng khí thải lớn nhất $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải: Tổng lưu lượng khí thải từ các dòng khí thải là $64.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
 - + Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: X (m): 1.197.711, Y (m): 609.615. Lưu lượng khí thải lớn nhất $50.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
 - + Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn hơi keo từ công đoạn phun keo (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả thải: X (m): 1.197.711, Y (m): 1.197.711. Lưu lượng khí thải lớn nhất $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$), Quy

chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=0,9; Kv=1 và QCVN 20: 2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
II	Dòng thải số 02				
1	1,3-Butadien	mg/Nm ³	2.200		
2	VOC	mg/Nm ³	-		

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả khí thải: nằm trong khuôn viên Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam, địa chỉ tại Lô F5, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

++ Dòng khí thải số 01: tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: X (m): 1.197.711, Y (m): 609.615.

++ Dòng khí thải số 02: tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn hơi keo từ công đoạn phun keo (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả thải: X (m): 1.197.711, Y (m): 1.197.711.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3°)

+ Phương thức xả thải:

++ Dòng khí thải số 01, 02: xả liên tục khi hoạt động.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: khu vực hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ.
- + Nguồn số 02: khu vực hệ thống thu gom, xử lý hơi keo.
- + Nguồn số 03: khu vực máy nén khí.
- + Nguồn số 04: khu vực máy cưa.
- + Nguồn số 05: khu vực máy khoan.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.197.606; Y = 609.567.
- + Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.197.700; Y = 609.688.
- + Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.197.735 ; Y = 609.578.
- + Nguồn số 04: Tọa độ X = 1.197.735 ; Y = 609.578.
- + Nguồn số 05: Tọa độ X = 1.197.735 ; Y = 609.578.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰15', múi chiều 3⁰)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

❖ Tiếng ồn:

Bảng 4. 3. Giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

❖ Độ rung:

Bảng 4. 4. Giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

1	70	60	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

4.4. Quản lý chất thải

4.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	10
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	KS	10
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	5
4	Chất kết dính và chất bịt kín (keo thải)	08 03 01	Lỏng	KS	500
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	10
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	30
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	50
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	NH	1.100
	Tổng cộng				1.715

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
-----	------------	--------------	-------------------	---------------------

Stt	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi gỗ, vụn gỗ	09 01 03	TT-R	150.000
2	Da vụn	-	-	20.000
3	Vải vụn	10 02 11	TT-R	60.000
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	TT	8.000
5	Pallet gỗ thải	11 02 02	TT-R	2.200
	Tổng khối lượng			240.200

4.4.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 405 kg/ngày.

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì lưu chứa chuyên dụng có dán nhãn, có nắp đậy, chống thấm.

b) Kho lưu chứa

- Diện tích: 30,4 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rôn thoát nước, có biển cảnh báo, thiết bị PCCC....

4.4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp

a) Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa chuyên dụng.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 180 m²

Thiết kế, cấu tạo của kho: có mái che, vách tường, có nền cao chống thấm, có gờ chắn, có biển cảnh báo,...

4.4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và lưu chứa vào các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 lít.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư:

- Thời gian bắt đầu: sau 15 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc: 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: hoạt động 80% công suất dự án.

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

❖ **Công trình phải vận hành thử nghiệm**

- Bể tự hoại 05 ngăn, kết hợp khử trùng.
- Hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ.
- Hệ thống xử lý hơi keo từ công đoạn phun keo.

❖ **Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường**

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải và công trình xử lý khí thải.

❖ **Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Bảng 5. 1. Kế hoạch lấy mẫu nước thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất lấy mẫu
A	ĐỐI VỚI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định		
1	Tại đầu ra của bể tự hoại, lấy tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Amoni, Tổng P, Tổng N, dầu mỡ khoáng, Coliform.	Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần; đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải. Cụ thể:

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất lấy mẫu
	III		- Lần 1: lấy mẫu ngay sau khi kết thúc giai đoạn điều chỉnh. - Lần 2: lấy ngày tiếp theo lần 1. - Lần 3: lấy ngày tiếp theo lần 2.
B	ĐỐI VỚI CÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
II	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định		
1	Tại ống thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ.	Lưu lượng, Bụi tổng	Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần; đo đặc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với ít nhất 03 mẫu đơn khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý khí thải. Cụ thể:
2	Tại ống thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ công đoạn phun keo	Lưu lượng, 1,3-Butadien, VOC	- Lần 1: lấy mẫu ngay sau khi kết thúc giai đoạn điều chỉnh. - Lần 2: lấy ngày tiếp theo lần 1. - Lần 3: lấy ngày tiếp theo lần 2.

❖ Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

Đơn vị 1: Công ty Cổ phần dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu

Địa chỉ: Số 3, Tân Thới Nhất 20, KP. 4, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP.Hồ Chí Minh.

Đơn vị đã được chứng nhận: được Bộ Tài nguyên Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số Vimcerts 117.

Đơn vị 2: Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động COSHET)

- Địa chỉ: 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38680842

- Quyết định số 2045/QĐ-BTNMT ngày 16/09/2020 về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu: VIMCERTS 026 do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/09/2022, số đăng ký là 026/TN-QTMT.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Đơn vị 3: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú (VIMCERTS 292).

- Địa chỉ: 4C1 Khu Dân Cư Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 37010199

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú đã được Bộ Tài nguyên Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số Vimcerts số 292.

Đơn vị 4: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường.

- Trung Tâm Nghiên cứu và Tư vấn Môi trường (REC) được thành lập vào ngày 21/05/2012 theo Giấy phép hoạt động số 276/ĐK – KHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Tp. HCM cấp.

- Trụ sở chính: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM.

- Lĩnh vực hoạt động: Phân tích và đo đạc các yếu tố môi trường: đất, nước, không khí.

- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân – Giám đốc Trung tâm.

Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường đã được Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng cấp chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2005 – VILAS 687 ngày 03/12/2013.

Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số VIMCERTS 101 cấp lần 4 (kèm theo Quyết định số 1451/QĐ-BTNMT ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường).

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

(1) Quan trắc nước thải:

Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải.

(2) Quan trắc khí thải:

Đối với hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng.

- Vị trí giám sát: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ.

- Tần số thu mẫu và phân tích: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$).

Đối với hệ thống xử lý hơi keo từ công đoạn phun keo

- Thông số giám sát: Lưu lượng, 1,3-Butadien, VOC.
- Vị trí giám sát: Ống thoát khí hệ thống xử lý hơi keo từ công đoạn phun keo.
- Tần số thu mẫu và phân tích: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 20: 2009/BTNMT.

(3) Quan trắc chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh chất thải, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Giám sát khối lượng phát sinh: Công tác phân loại, thu gom, lưu chứa, vận chuyển và hợp đồng xử lý chất thải (khối lượng, chủng loại, hóa đơn, biên bản, chứng từ giao nhận chất thải, hợp đồng xử lý chất thải,...).

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Không có.

5.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án:

Không có.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Ước tính chi phí quan trắc môi trường hàng năm khoảng 50 triệu đồng.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án đầu tư cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ dự án đầu tư cam kết chịu trách nhiệm tính trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo, phù hợp với Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam làm chủ đầu tư.

Chủ dự án đầu tư cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Tiếng ồn, độ rung: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT) và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom và xử lý đạt Giá trị giới hạn cho phép đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

Khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT

Chất thải rắn:

+ Thu gom, phân loại tại nguồn và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu an toàn vệ sinh.

+ Cam kết việc quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp thông thường chất thải nguy hại tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1

BẢN SAO CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801253181

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 05 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 02 tháng 11 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIGH LINE SMART HOME VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HIGH LINE SMART HOME VIETNAM CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 02713.645.899

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

34.732.500.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: HANGZHOU HIGH LINE SMART HOME LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 91330110MA2KE8DN8Q

Ngày cấp: 05/03/2021 Nơi cấp: Cục quản lý giám sát thị trường Quận Yuhang, Hangzhou, Trung Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: Building 3, No.631 Linping Rd., Donghu Subdistrict, Yuhang District, Hangzhou, Zhejiang, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ZHANG YINGSHUN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 18/02/1978

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

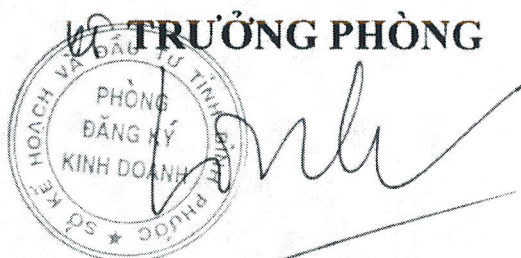
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: E14128864

Ngày cấp: 25/03/2013

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an
Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 12-504, Jiale Yuan, Yongle Road, Liangxi District, Wuxi City,
Jiangsu Province, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh
Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam *nu*



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh

BẢN SẠO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5456287357.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 13 tháng 5 năm 2021.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai: Ngày 20 tháng 02 năm 2023.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801253181 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 20/05/2021 và thay đổi lần thứ nhất ngày 02/11/2022;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5456287357 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27/10/2022;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam nộp ngày 16/02/2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM; mã số dự án 5456287357 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27/10/2022; được đăng ký điều chỉnh lần thứ hai: Điều chỉnh thông tin nơi ở hiện tại của người đại diện pháp luật; thông tin địa điểm thực hiện dự án; tổng vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án.

(1/4/5456287357)

Nhà đầu tư:

HANGZHOU HIGH LINE SMART HOME LTD; Quyết định thành lập số 91330110MA2KE8DN8Q do Cục Quản lý giám sát thị trường quận Yuhang, Hangzhou, Trung Quốc cấp ngày 05/03/2021; địa chỉ trụ sở chính: Building 3, no.631 Linping Rd, Donghu Subdistrict, Yuhang District, Hangzhou, Zhejiang, Trung Quốc.

Đại diện bởi: Ông ZHANG YINGSHUN; ngày sinh: 18/02/1978; quốc tịch: Trung Quốc; hộ chiếu số E14128864 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an Trung Quốc cấp ngày 25/03/2013; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Lô F5, đường D4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam; điện thoại: 0086 13958113210; email: 50994043@qq.com; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801253181 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 20/05/2021 và thay đổi lần thứ nhất ngày 02/11/2022.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất, gia công sản phẩm đồ nội thất như ghế sofa, ghế văn phòng...	3100
2	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa có mã HS 9401, 9402, 9403, 9404, 6304, 7013, 7321, 7323, 7324, 7417, 7418, 7615	4690

3. Quy mô dự án:

+ Sản xuất sản phẩm đồ nội thất như ghế sofa, ghế văn phòng... với quy mô 500.000 sản phẩm/năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa có mã HS 9401, 9402, 9403, 9404, 6304, 7013, 7321, 7323, 7324, 7417, 7418, 7615: doanh thu dự kiến 40.000.000 USD/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô F5, đường D4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm).

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 23.837,4 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 58.620.000.000 VNĐ (năm mươi tám tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng), tương đương với 2.500.000 USD (hai triệu năm trăm

ngàn đô la Mỹ). (Tỷ giá VNĐ/USD 23.448 VNĐ ngày 27/12/2022 ngân hàng Vietinbank). Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là 34.732.500.000 VNĐ (ba mươi bốn tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng), tương đương với 1.500.000 USD (một triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ), chiếm 60% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD (triệu USD)			
1	HANGZHOU HIGH LINE SMART HOME LTD	34.732.500.000	1,5	100	Tiền mặt	Đã hoàn tất việc góp vốn vào ngày 03/08/2021

- Vốn huy động: 23.448.000.000 VNĐ (hai mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng), tương đương 1.000.000 USD (một triệu đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án 5 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

- Tiến độ huy động vốn: 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ hai.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý về đầu tư, môi trường: Từ tháng 5 đến tháng 11/2021.

- Lắp đặt máy móc thiết bị: Tháng 11/2021.

- Đi vào hoạt động chính thức bắt đầu từ tháng 12/2021.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-

CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Cục thống kê tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

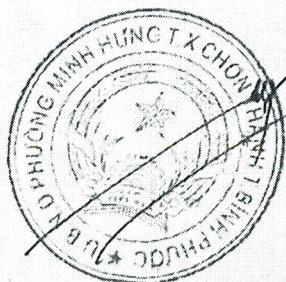
Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5456287357 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 27/10/2021.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. ✓

Nơi nhận: **CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ**
Số chứng thực quyền số 1CT/BS
- Như Điều 5: Minh Hưng, ngày 09.10.2023m
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Chiến

Lô Duy Cầm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2920/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 11 năm 2021

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam làm chủ đầu tư tại lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế sau khi lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia về việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa (công suất 500.000 sản phẩm/năm)”;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 04/HLSM ngày 29/10/2021 của Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 81/TTr-BQL ngày 09/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ Dự án) tại lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

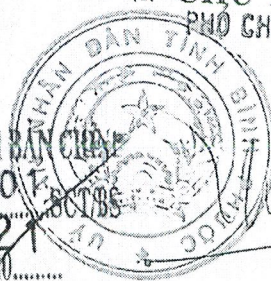
Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Minh Hưng;
- Công ty CP KCN Cao su Bình Phước;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (BH-81-QĐPD-11/11).

Số chứng thực.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....



K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kiểm Anh Minh

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VỚI CÔNG SUẤT
500.000 SẢN PHẨM/NĂM” DO CÔNG TY TNHH HIGH LINE
SMART HOME VIETNAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ F5, ĐƯỜNG Đ4,
KCN MINH HƯNG III, XÃ MINH HƯNG,
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2920.../QĐ-UBND ngày 12../11/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm).

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam.

Địa chỉ liên hệ: Lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” thực hiện trên diện tích 23.837,4 m² tại lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm) bao gồm các hạng mục sau:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà văn phòng, kho hóa chất, nhà kho...

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom và xử lý bụi, hệ thống thu gom và xử lý hơi keo, bể tự hoại, kho chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, kho chứa chất thải nguy hại...

- Đường giao thông nội bộ, sân; cây xanh; các công trình phụ trợ.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án: Quy trình sản xuất ghế sofa như sau:

Gỗ, ván → Cắt, đục lỗ → Khoan lỗ, bắt vít, tạo khung → Bán thành phẩm gỗ (1)

Mút xốp, bông gòn đã nhồi bông, bán thành phẩm gỗ (1) → Dán vào giá gỗ → Bán thành phẩm (2).

Da bò/PVC/PU giả da → Cắt → May → Bán thành phẩm (3)

Bán thành phẩm (2) và (3) → Bọc da → Bắn đinh → Lắp ráp → Đóng gói → Lưu kho, xuất bán.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Chủ Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Gỗ Trạch Lâm và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động, Chủ Dự án lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất và lắp đặt hệ thống xử lý bụi, hệ thống xử lý khí thải (hơi keo).

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thi công; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; tiếng ồn của các phương tiện thi công và lắp đặt máy móc thiết bị.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án; bụi từ quá trình cắt, may; bụi từ công đoạn cắt, khoan gỗ; hơi keo từ quá trình dán bông mút, vải; nước thải sinh hoạt của công nhân viên; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$, chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: Các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh vật.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khoảng $20,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: Các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh (coliform, E.Coli).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị: Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất có chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2 , NO_2 , CO, VOC...

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_2 , SO_2 , CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:* Phát sinh từ công đoạn cắt may, khoan cắt gỗ, dán keo, có chứa thành phần ô nhiễm như bụi, hơi keo (butadien, isoprene).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Phát sinh khoảng 33,4 kg trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, thành phần chủ yếu là bao bì giấy, nilông, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 09 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 76% - 82% chất hữu cơ và 18% - 24% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Gỗ vụn, bụi gỗ, da, vải vụn phát sinh từ quá trình cắt may, khoan cắt gỗ phát sinh khoảng 760 kg/ngày.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 405 kg/ngày, thành phần gồm các loại chất thải khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Phát sinh khoảng 17,5 kg trong suốt quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, gồm; giẻ lau, bao bì cứng có dính thành phần nguy hại; que hàn thải, xỉ hàn, sơn thải và 05 - 10 lít dầu nhớt thải.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 28 kg/ngày gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì đựng hoá chất, giẻ lau dính các thành phần nguy hại; pin, ắc quy thải; mực in thải chứa thành phần nguy hại; than hoạt tính đã qua sử dụng quá trình xử lý khí thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu và bể tự hoại 05 ngăn (có công đoạn khử trùng), sau đó, nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của

KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý. Bùn, cặn lắng phải được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và hoạt động của máy móc thiết bị:* Có kế hoạch thi công thích hợp, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng, khu vực sản xuất hiện hữu đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình sản xuất:*

+ Tại công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ: Lắp đặt thiết bị cyclone để xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi gỗ → Hệ thống đường ống thu gom → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi cyclone → Ống khói thải ra môi trường.

+ Tại công đoạn cắt may: Lắp đặt quạt hút trên tường nhà xưởng và gắn túi vải để thu gom, xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi vải, bụi da → Quạt hút → Túi vải → Phán tán ra môi trường

+ Tại công đoạn phun keo: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý như sau: Hơi keo → Chụp hút → Đường ống thu gom → Than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

Thu gom, xử lý bụi, khí thải công nghiệp phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p ; $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu trữ trong các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp hiện hữu, diện tích 90 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh trong quá trình thi công đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: Hàng ngày.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp hiện hữu, diện tích 90 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 02 ngày/lần, cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải rắn sản xuất có thể tái sử dụng (phế phẩm gỗ, bụi gỗ) được phân loại, thu gom về khu vực tập kết và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với chất thải rắn sản xuất không thể tái sử dụng (da vụn, bông mút vụn) được lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn... và lưu chứa kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu (nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, vách tôn, có dán nhãn cảnh báo và gờ rãnh quanh nền của nhà máy theo đúng quy định) diện tích 60 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn... và lưu chứa kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu (nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, vách tôn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có dán nhãn cảnh báo và gờ rãnh quanh nền của nhà máy theo đúng quy định) diện tích 60 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 02 - 03 lần/tháng.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:* Sử dụng các máy móc, thiết bị chuyên dụng; sắp xếp thời gian thi công hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động, nút bịt tai cho công nhân; bố trí cửa thông thoáng; trang bị quạt thông gió dọc theo hai bên tường nhà xưởng; trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bố trí mặt bằng trong khuôn viên nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 05 ngăn: 03 bể tự hoại, có tổng dung tích là $43,5 \text{ m}^3$ và bể khử trùng có thể tích $0,5 \text{ m}^3$ đã được Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm xây dựng.
- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại 90 m^2 .
- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 60 m^2 .
- Công trình, hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ (số lượng: 01 hệ thống; công suất quạt hút thiết kế: $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

- Công trình, hệ thống thu gom, xử lý hơi keo (số lượng: 01 hệ thống; công suất quạt hút thiết kế: 60.000 m³/giờ).

- Công trình, hệ thống quạt hút kết hợp thiết bị lọc bụi túi vải (số lượng: 05 hệ thống; công suất quạt hút thiết kế: 30.000 m³/giờ/cái).

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.1.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại vị trí hồ ga nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN Minh Hưng III.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ khoáng.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.1.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của hệ thống cyclone: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại miệng thải hệ thống xử lý khí thải hơi keo: Lưu lượng, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, k_v=1); QCVN 20:2009/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và quy chuẩn hiện hành.

5.1.3. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực khoan, cắt, cưa gỗ: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực cắt may: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực phun keo: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát*: 01 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên và liên tục.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát*:

+ 01 vị trí tại khu vực khoan, cắt, cưa gỗ: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực cắt may: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực phun keo: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải:

* *Giám sát khí thải sau hệ thống xử lý bụi.*

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại miệng thải của hệ thống cyclone.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

* *Giám sát hơi hoá chất sau hệ thống xử lý:*

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại miệng thải hệ thống xử lý khí thải hơi keo.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và quy chuẩn hiện hành.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại hố ga thoát nước thải cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng III.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ khoáng.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên và liên tục; báo cáo định kỳ về cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG
租赁合同

SỐ HỢP ĐỒNG: ZL-210301

BÊN A (Bên cho thuê): CÔNG TY TNHH MTV GỖ TRẠCH LÂM

甲方（出租方）：泽林木业有限公司

Địa chỉ: Lô F5, đường D4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

注册地址：平福省真诚县明兴社明兴III工业园 D4 路 F5 区

Chứng nhận đầu tư số: 4387102150, cấp ngày: 10/01/2017, thay đổi lần thứ 4: ngày 01/10/2019.

投资执照: 4387102150 签发日期: 2017 年 1 月 10 日, 第四次换发日期: 2019 年 10 月 1 日

Mã số doanh nghiệp: 3801140237

税号: 3801140237

Số tài khoản: (VND): 65310000481905

收款账号: (VND): 65310000481905

Ngân hàng: Ngân hàng Cổ Phần đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Thủ Dầu Một

收款银行: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC-Thu Dau Mot Branch

Điện thoại: 0271.3645 89

电话: 0271.3645 89

传真:

Đại diện: Ông HUANG ZHI YONG

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

法人代表: 黄志勇

职位: 总经理

BÊN B (Bên thuê): CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

乙方（承租方）：越南海揽智能家居有限公司

Địa chỉ: Lô F5, đường D4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

注册地址：平福省真诚县明兴社明兴III工业园 D4 路 F5 区

Mã số doanh nghiệp: 3801253181

税号: 3801253181

Số tài khoản: (VND) 114002882865

汇款账号: (VND) 114002882865

Ngân hàng: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade Branch Ho Chi Minh City

汇款银行: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade Branch Ho Chi Minh City

Điện thoại: 02713 645 899

电话: 02713 645 899

传真:

Đại diện: Ông ZHANG YING SHUN

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

法人代表：张应顺

职位：总经理

Hộ chiếu số: E16128864

护照号： E16128864

Chứng minh nhân dân số: 352129197802181010

身份证号： 352129197802181010

Bên B đồng ý thuê nhà xưởng của Bên A đặt tại Lô F5, đường D4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Trên tinh thần tuân thủ pháp luật nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam, hai bên trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng cùng giao kết, thống nhất các điều khoản cho thuê và thuê nhà xưởng như sau:

乙方承租甲方位于平福省真诚县明兴社明兴III工业园 D4 路 F5 区厂房，依据越南社会主义共和国相关法律法规的规定，甲乙双方在平等自愿的基础上，经友好协商，就有关物业租赁事宜达成协议如下，以资共同信守：

I. Hiện trạng nhà xưởng cho thuê:

一、租赁物现况:

Nhà xưởng cho thuê có vị trí tại: Lô F5, đường D4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước “Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm”, tổng diện tích nhà xưởng là 41.800 m2, Bên B đã hiểu rõ hiện trạng và tình hình nhà xưởng của Bên A, cụ thể như sau:

租赁物座落于越南平福省真诚县明兴社明兴III工业园，“越南泽林木业有限公司”，以厂房形式总出租面积 41800 平方米, 乙方已经清楚了解甲方厂房现况：具体如下：

Thông tin nhà xưởng và giá cho thuê:

厂房租赁资讯, 价格：

STT 次序	Danh mục tài sản 财产名称	Diện tích 面积	Đơn vị 单位	小计 USD	Hiện Trạng 现状

1	Nhà xưởng có mái che 厂房上盖物	22,228.4	m ² 平方米	62,000	Nhà xưởng 1: 143x98x9: 14,839 m ² 车间一（长 143 宽 98 高 9）14,839 平方米 Nhà xưởng 2: 176x 30x9: 5,520 m ² 车间二（长 176 宽 30 高 9）5520 平方米 Trạm điện: 200 m ² ; Toilet xưởng: 82 m ² ; Nhà ăn công nhân: 306 m ² ; nhà bảo vệ: 45.4 m ² . 电房 200 平方米; 车间洗手间 82 平方米; 员工饭堂 306 平方米; 门卫室 45.4 平方米 16 lò sấy 936m ² 16 个干燥房 936 平方米 Cộng thêm công trình lên xuống cont 300 m ² 加建卸货槽 300 平方米
2	Tòa nhà văn phòng và KTX 办公楼及宿舍	2,172	m ² 平方米		Gồm 3 tầng, tầng 1 là khu văn phòng 860 m ² , tầng 2, 3 là KTX 1,312 m ² . 一共三层，一楼办公 860 平方米，二三楼宿舍 1312 平方米
3	Nhà xe 摩托车棚、汽车棚	673	m ² 平方米		Nhà xe máy: 529 m ² ; nhà xe hơi: 144 m ² 摩托车棚 529 平方米; 汽车棚 144 平方米
4	Đất trống 未建土地	19,275	m ² 平方米		
5	Phí quản lý hạ tầng hàng tháng 月度园区管理费	41,800	m ² 平方米	2,090	
Giá thuê hàng tháng 月租金小计				64,090	
Thuế VAT 增值税 10%				6,409	
Tổng giá thuê hàng tháng 月租金总计				70,499	

(Xem bản vẽ đính kèm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất), Bản vẽ mặt bằng cây xanh, hệ thống đầu nối điện, trạm điện, hành lang PCCC, các tài sản đi kèm sẽ thể hiện cụ thể trong biên bản bàn giao nhà xưởng.

（具体见附图及产权证明），配套绿化地、电力设施配电房、消防通道……，租赁物状态将详细体现在移交厂房时的交接记录中。

II. Phương thức cho thuê, tiền thế chân và trả tiền thuê nhà xưởng:

(Đô la Mỹ là giá trị tiền tệ chuẩn làm căn cứ để thanh toán tiền cho thuê nhà xưởng)

二、承租方式、租金保证金及租金支付方式：（币别一律以美元为单位）

1. Tiền thuê: Giá cho thuê là 70,499 USD (bằng chữ: Bảy chục ngàn bốn trăm chín mươi chín đô la Mỹ) thanh toán hàng tháng, giá thuê mỗi 3 (ba) năm 1 (một) lần sẽ điều chỉnh tăng 5%.
租金：租金按整租 70,499 美元（大写美元柒万零肆佰玖拾玖元整）每月结算；租金每三年递增 5%；
2. Tiền thuê sẽ thanh toán mỗi tháng, trước ngày 10 hàng tháng, khi Bên B nhận được hóa đơn tiền thuê và trong vòng 10 ngày làm việc sẽ thanh toán ngay tiền thuê trong tháng đó. Tiền thuê 2 tháng, tháng 5 và tháng 6 đầu tiên là 136.598 (Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi tám đô la Mỹ) sẽ được thanh toán trước ngày 20/06/2021
结算方式：租金每月结算一次，每月初（10 号前），在乙方收到甲方开具的金额发票后 10 个工作日内支付当月的租金。2021 年 5 月和 6 月两个月租金于 2021 年 6 月 20 日前支付 136,598 美元（大写美元拾叁万陆仟伍佰玖拾捌元整）；
3. Tiền thế chân: Trước ngày 20/07/2021, Bên B thanh toán tiền thế chân cho Bên A tương đương 3 (ba) tháng tiền thuê nhà xưởng là 211,497 USD (Bằng chữ: Hai trăm mười một ngàn bốn trăm chín mươi bảy đô la Mỹ). Sau khi kết thúc thời hạn thuê nhà xưởng, nếu Bên B không vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng thì trong thời gian 10 ngày sau khi thanh lý hợp đồng cho thuê, Bên A phải hoàn lại số tiền trên (không kèm lãi suất ngân hàng) cho Bên B.
押金：乙方应于 7 月 20 日前向甲方交纳厂房月三个月租金作为保证金，即 211,497 美元（大写美元贰拾壹万壹仟肆佰玖拾柒元整），合同终止后，如乙方无违反本合同相关条款，甲方应在 10 个工作日内将保证金全额无息退还给乙方。
4. Tiền thuê xưởng thể hiện trong hóa đơn là tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá bình quân của NH Vietinbank quy đổi trong ngày đầu tiên của tháng thanh toán.
发票开具需按政府规定开具越南盾，转款汇率统一按月度第一天越南 VietinBank 银行汇率中间价

III. Thời hạn hợp đồng và ngày thanh toán tiền thuê nhà xưởng và đất trống:

三、厂房及空地起付日期和租赁期限:

Thời hạn cho thuê: từ 01/05/2021 đến hết ngày 30/04/2026, thời gian thuê là: 05 (năm) năm. 03 (ba) năm điều chỉnh tăng 5% giá thuê 1 lần.

租赁期限：租赁自 2021 年 05 月 01 日起，至于 2026 年 04 月 30 日止，

租期 5 年。

租金按每三年递增 5%计算;

IV. Điều khoản khác:

四、其它费用:

Trong thời gian thuê, bên B phải đóng tiền điện nước phát sinh trong tháng đúng hạn, công ty Trạch Lâm cung cấp hóa đơn sử dụng nước; và ký hợp đồng điện với trạm cung cấp điện tại địa phương, cục điện sẽ cung cấp hóa đơn điện. (Hai bên căn cứ và xác nhận chỉ số đo lường sử dụng nước, điện và quy đổi ra giá trị phải thanh toán).

租赁期间, 乙方应准时缴纳当月所发生的用水费用, 泽林木业有限公司提供用水发票; 并与当地供电局签订用电合约, 当地供电局提供用电发票。(双方根据电表水表, 确认用量及金额。)

1. Khi Bên B nhận được hóa đơn tài chính của Bên A trong vòng 10 ngày làm việc phải thanh toán các khoản phải trả cho Bên A, nếu Bên B cố tình thanh toán trễ thì xử lý căn cứ theo khoản 2 điều 9 hợp đồng này.

乙方在收到甲方开具的发票后在十个工作日内必须支付此费用, 甲方可以要求乙方在合理期限内支付, 乙方逾期不付按第九条第 2 项处理。

2. Bên B thanh toán đúng hạn tiền lương công nhân, phí, lệ thuế và thuế liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

乙方必须按时发放工人工资, 缴纳相关税费及政府规费。

V. Trách nhiệm của Bên A:

五、甲方责任:

1. Đảm bảo quyền sở hữu tài sản cho thuê rõ ràng, minh bạch, không bị khiếu nại, tranh chấp (bao gồm thế chấp và bị niêm phong của thi hành án) Nếu có tranh chấp hoặc xuất hiện hành vi tranh chấp, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc yêu cầu bên A giải quyết triệt để việc tranh chấp rồi mới tiếp tục thực hiện hợp đồng. Bất kể Bên B áp dụng biện pháp nào, Bên A phải phối hợp thực hiện, bồi thường các khoản tổn thất mà bên B bị ảnh hưởng và chịu trách nhiệm về các điều khoản vi phạm hợp đồng.

确保租赁物权属清楚, 没有涉及任何法律纠纷 (包括因抵押被法院查封等情况) 若发生权属纠纷或出现法律纠纷, 乙方有权选择单方解除合同或者要求甲方排除障碍继续履约, 不论乙方选择何种解决方式, 甲方均应给与配合, 并赔偿由此给乙方造成的损失, 并承担相应违约责任。

2. Bên A xác nhận bàn giao các chi tiết liên quan đến việc cho thuê cho Bên B từ ngày 01/04/2021, nếu không bàn giao kịp lúc, thì thời gian tính tiền thuê xưởng cũng sẽ giãn thêm. Một tháng sau khi ký hợp đồng thuê xưởng, Bên A vẫn không thể bàn giao các chi tiết nêu trong danh mục tài sản cho thuê cho Bên B, thì Bên A phải bồi thường gấp đôi số tiền Bên B đã chuyển thế chân cho Bên A và chi trả lãi suất ngân hàng từ thời điểm nhận được tiền thế chân đến lúc hoàn tiền bồi thường cho Bên B.

Đồng thời chi trả các khoản tổn thất và chi phí phát sinh đến việc Bên B tìm thuê địa điểm mới, bao gồm nhưng không giới hạn cho việc chi trả chi phí tìm thuê xưởng mới như: phí giao đi lại, ăn ở, tổn thất tiền thuê, trên lệch giá thuê...

甲方应于 2021 年 4 月 1 日起将租赁标的物交付给乙方, 如未能及时交付, 租金计交时间顺延。合同签订一个月后, 如甲方还没能移交租赁物给乙方, 则甲方需双倍退还保证金给乙方并支付收取保证金期间产生的银行利息, 同时赔偿乙方由于新租厂房产生的各种经济损失, 包括但不限于为寻找新厂房而支付的交通费, 住宿费, 租金损失, 租金价差等。

3. Bên A có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, hồ sơ liên quan đến công trình xây dựng của nhà xưởng và kiến trúc cho thuê, bao gồm nhưng không giới hạn quyền sở hữu tài sản, chứng nhận nghiệm thu PCCC, Báo cáo tác động môi trường, Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận doanh nghiệp... các loại giấy tờ trên có thể photo công chứng hoặc photo để phục vụ cho việc xin thành lập pháp nhân mới của Bên B, hỗ trợ Bên B trong việc thành lập doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư, cung cấp kịp thời nhanh chóng các giấy tờ cần thiết khác.

甲方负责提供租赁建筑物的相关资料, 包括但不限于房产证, 消防证, 环保证, 公司投资执照, 公司营业执照等的公证文件或复印件用于注册乙方的全资子公司所需要的各项证件, 配合乙方办理乙方全资子公司, 积极、快速的提供相应证明文件。

VI. Trách nhiệm của Bên B:

六、乙方责任:

1. Bên B phải sử dụng và bảo quản trong điều kiện hợp lý nhà xưởng và kiến trúc được thuê, không tự ý tháo dỡ, coi nơi nhà xưởng, khi cần trang trí, xây thêm Bên B phải gửi ý kiến bằng văn bản cho Bên A và được sự chấp thuận của Bên A mới có thể tiến hành các công việc liên quan, chi phí liên quan đến việc trang trí, xây dựng thêm sẽ do Bên B tự chi trả.

乙方应当爱护和合理使用租赁物, 不得擅自拆改、扩建和增添, 确需对租赁物进行装修或增扩, 应书面报甲方同意后方可施工, 费用由乙方自行承担。

2. Khi kết thúc thời hạn hoặc thanh lý hợp đồng thuê xưởng Bên B phải:

合同终止或解除后, 乙方应做到:

- 2.1 Di dời máy móc, vật tư của Bên B, trả lại nguyên trạng nhà xưởng và các vật kiến trúc như lúc bàn giao cho Bên A.

搬清己方所有设备、物品, 按租赁物原状返还给甲方;

- 2.2 Nếu các chi tiết, công trình Bên B tự xây dựng sau khi di dời không thể tháo dỡ mang theo, tức là khi tháo dỡ, di dời Bên A phải sửa chữa lại mới sử dụng được thì không được tháo dỡ hoặc tách rời

- 2.3 乙方添置的不能搬、拆, 即搬、拆后甲方需要修复方可正常使用的固定及相对固定的装修或设施, 不得搬离或拆除。

- 2.4 Những vật kiến trúc, nội thất văn phòng (Nếu văn phòng, móng máy không ảnh hưởng đến việc tiếp tục sử dụng của Bên A), Bên A và Bên B sẽ thương lượng và thỏa thuận không tháo dỡ, (ví dụ: bục xuống hàng container) nhưng bên A cũng sẽ không đền bù phần này, Nếu vì nguyên nhân từ Bên A dẫn đến

hợp đồng thuê xưởng phải kết thúc hoặc thanh lý thì Bên A phải bồi thường chi phí trang trí, xây dựng các vật kiến trúc theo giá thị trường mà Bên B đã xây dựng thêm cho Bên B.

对于乙方添置的设施、装修等（如乙方的办公室或基础设施不影响甲方后续使用），乙方与甲方协商好可以不拆（如装卸货柜平台），但甲方亦不予赔偿或补偿，如因甲方原因导致合同提前终止或者解除的，则甲方应对乙方添置的设施和装修等承担赔偿责任。

2.5 Nếu phần xây dựng thêm là dưới mặt nền bê tông hoặc đất thì Bên B phải hoàn nguyên trạng và bảo đảm không ảnh hưởng đến việc tiếp tục sử dụng sau này của Bên A. (Hai bên có thể thương lượng giải quyết)

如地面以下有施工部分，乙方必须负责还原成原样，能够确保做到不影响后续的使用。（具体情况可协商处理）。

3. Bên B trả tiền thuê đúng hạn theo quy định trong hợp đồng.

乙方应按合同规定期限交纳租金。

4. Bên B cam kết sử dụng nhà xưởng và vật kiến trúc được thuê đúng mục đích và đúng pháp Luật.

乙方应确保租赁物用于合法用途。

5. Trong thời gian thuê nhà xưởng và kết thúc thời hạn thuê xưởng nhưng chưa bàn giao cho Bên A, vì lý do kết cấu nhà xưởng gây nên cho Bên B, nhân viên Bên B hoặc người liên quan đến Bên B tổn hại đến sức khỏe, tài sản, Bên A có trách nhiệm bồi thường. Nếu Bên B đã chi trả trước thì bên A phải bồi hoàn lại cho Bên B. Trong thời hạn thuê và thời gian đến hạn cho thuê và Bên B vẫn chưa bàn giao cho Bên A, nếu do công trình Bên B tự xây dựng, cơi nới hoặc tự Bên B gây tổn hại đến thân thể, tài sản của người khác, thì Bên B có trách nhiệm bồi thường, nếu Bên A chi trả trước thì Bên B phải hoàn trả cho Bên A. Nếu Bên A có lỗi trong những tổn thất trên thì Bên A có trách nhiệm bồi thường.

租赁期间及租赁期满后乙方继续占用期间，因租赁物本身建筑结构问题造成乙方、乙方员工或者他人人身、财产损失的，甲方负责赔偿，如乙方承担了赔偿责任，则有权向甲方追偿。租赁期间及租赁期满后乙方继续占用期间，因乙方擅自拆改、扩建、增添租赁物或其它乙方自身原因造成他人人身、财产损失的，乙方负责赔偿，如甲方承担了赔偿责任，则有权向乙方追偿。如甲方对于该损失的发生有过错，甲方应当按照过错程度承担赔偿责任。

6. Trong thời gian thuê xưởng, Bên B có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng kiến trúc và nhà xưởng được thuê, đảm bảo công trình thuê sử dụng trong tình trạng an toàn, sử dụng công trình thuê theo công năng, chức năng một cách hợp lý, tránh gây tổn hại đến công trình thuê, vật chất công trình thuê hao mòn do thời gian trong quá trình sử dụng đúng cách thì bên B miễn bồi thường vật chất. Nếu Bên B và người của Bên B trong quá trình sử dụng gây tổn hao đến công trình thuê, thì Bên B có trách nhiệm bồi thường các tổn hại đó cho Bên A.

租赁期间，乙方负责维护租赁物，确保租赁物在安全状态下使用。乙方在租赁期间，应本着善意、谨慎使用原则，乙方按照合同约定方式使用租赁物或者根据租赁物性质使用租赁物，致使租赁物受到正常损耗的，乙方无需承担责任。因乙方或乙方员工过错导致的租赁物及附属设施的损害，乙方应承担责任，并且由此造成的损失，由乙方自行承担。

7. Khi chưa được sự đồng ý của Bên A, Bên B không được tự ý chuyển nhượng hợp đồng thuê cho bên thứ 3, trường hợp doanh nghiệp trực thuộc của Bên B, thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và Bên A sẽ ký hợp đồng cho thuê xưởng trực tiếp với đơn vị đó. Bên B phải có trách nhiệm liên đới đối với các hành vi gây tổn hại đến tài sản và quyền lợi của Bên A trong quá trình bên liên quan đến bên B sử dụng nhà xưởng cho thuê.

未经甲方同意，乙方不得转租租赁物。对于乙方的关联企业的转租，需书面报备甲方并由乙方关联企业与甲方签订租赁合同。乙方需对转租后的乙方关联企业的租赁行为对甲方造成的任何损失，承担连带赔偿责任。

8. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Bên B phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan về: An toàn lao động, PCCC, công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh trật tự ... Nếu do lỗi của Bên B dẫn đến hư hao tài sản thì Bên B có trách nhiệm bồi thường.

乙方在租赁期间要依法做好安全生产、防火安全工作，遵守国家环保规定，处理好环保问题，负责做好卫生、防盗工作。因乙方责任导致财产受损，乙方承担所有责任。

VII. Trách Nhiệm sửa chữa công trình cho thuê:

七、租赁物的修缮责任:

1. Công trình bị hư hao trong quá trình sử dụng bình thường, do khấu hao về mặt thời gian, do tình trạng bất khả kháng thì Bên A có trách nhiệm sửa chữa. Bên A có trách nhiệm xử lý công trình cho thuê trong tình trạng tốt nhất, chi phí du tu bảo dưỡng do Bên A chi trả. Nếu Bên A lơ là công tác duy tu bảo dưỡng công trình dẫn đến công trình xuống cấp gây thiệt hại đến tài sản hoặc con người của Bên B, thì Bên A có trách nhiệm bồi thường.

租赁物因不可抗力、自然损耗，正常使用造成的修缮事务由甲方负责，甲方应保持租赁物处于良好状态，修缮费用由甲方承担，因甲方不及时修复或租赁物本身发生破坏性事故、财产损失或者人身伤害的，甲方应当承担赔偿责任。

2. Bên B hoặc người liên quan đến Bên B có hành vi gây hư hao đến công trình cho thuê, thì Bên B có trách nhiệm sửa chữa phục hồi, chi phí do Bên B tự chi trả. Nếu Bên B xử lý chậm trễ dẫn đến công trình hư hại nghiêm trọng, gây thiệt hại đến tài sản và tổn thất sức khỏe con người thì Bên B có trách nhiệm bồi thường.

因乙方及乙方员工原因造成的租赁物及附属设施的损坏，则修缮应由乙方负责，修缮费用由乙方承担。因乙方不及时修复或由于乙方擅自更改房屋结构造成租赁物发生破坏性事故、财产损失或者人身伤害的，乙方应当承担赔偿责任。

3. Trong thời hạn thuê và kết thúc hợp đồng thuê, căn cứ trách nhiệm quy định trong hợp đồng, Bên nào có trách nhiệm phục hồi công trình thì bên đó phải thông báo bằng văn bản trong vòng 3 ngày khi ra thông báo tiến hành sửa chữa phục hồi công trình liên quan. Nếu Bên nào cố tình chậm trễ thì Bên còn lại có thể nhờ bên thứ ba tiến hành công việc và Bên có nghĩa vụ sửa chữa phải có trách nhiệm thanh toán chi phí hợp lý liên quan đến việc sửa chữa của Bên thứ ba. Nếu do sửa chữa chậm trễ dẫn đến thiệt hại về người và tài sản thì bên liên quan có trách nhiệm bồi

thường.

租赁期间和租赁终止后，依照本合同的约定负有修缮义务的一方应在另一方通知后 3 日内进行修缮，如负有修缮义务的一方怠于修缮的，另一方有权自行委托第三方进行修缮，并且因修缮产生的合理费用由负有修缮义务的一方承担，如因一方怠于修缮给对方造成的损失，怠于修缮的一方并应承担损失赔偿责任。

VIII. Các điều khoản khác:

八、其它约定:

1. Khi kết thúc hợp đồng cho thuê, Bên B phải bàn giao nhà xưởng, công trình thuê cho Bên A.

乙方应于租赁合同期满时，将租赁物交还甲方。

2. Khi Bên B bàn giao lại công trình, nhà xưởng cho Bên A, ngoài vấn đề khấu hao về thời gian, phải đảm bảo bàn giao theo nguyên trạng ban đầu cho Bên A, đảm bảo công trình vẫn sử dụng được bình thường. Khi Bên B di dời các công trình, tài sản máy móc, thiết bị ra ra khỏi xưởng cho thuê, các công trình, vật dụng, thiết bị không được bên A chấp nhận để lại thì Bên A có quyền thanh lý.

乙方交还甲方租赁物时，除合理的自然损耗和折旧外，租赁物应当保持原来完好状态，留存物品不得影响房屋的正常使用。在乙方移除设备、机器、财产及其他物资后，对未经同意留存的物品，甲方有权处置。

3. Hai Bên A và B đồng ý rằng: Trong thời hạn thuê, Bên A có quyền căn cứ theo thời giá thị trường, mỗi 03 năm 1 lần điều chỉnh giá thuê xưởng, tỷ lệ điều chỉnh là 5% trên giá thuê hiện ghi trong hợp đồng này.

甲乙双方一致同意：在租赁期间，甲方有权根据市场行情每三年调整一次本合同项下租赁物之租金，涨幅为当前价格的 5%。

4. Nếu hết thời hạn cho thuê, Bên B có nhu cầu tiếp tục thuê xưởng, thì 3 tháng trước thời điểm đến hạn, Bên B phải thương lượng với Bên A. Nếu Bên A đồng ý cho Bên B gia hạn thời gian thuê thì hai Bên ký mới hợp đồng cho thuê, giá thuê hai bên thương lượng theo giá tại thời điểm thương lượng. Khi hết hợp đồng thuê, dưới điều kiện Bên A tiếp tục cho thuê thì Bên B có quyền ưu tiên xét ký tiếp tục hợp đồng thuê xưởng.

租赁期满乙方如需继续租赁，应在期满前 3 个月与甲方协商，经甲方同意后，双方重新签订租赁合同，租金可根据当时的市场行情适当调整，在租赁期满后，甲方将继续出租此厂房的，在同等条件下，乙方具有优先承租权。

5. Bên A đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của Bên B (trạm 3000 KVA), kéo dây nguồn đến tủ điện trong xưởng, nước cấp kết nối đến xưởng. Bên B có trách nhiệm duy tu bảo trì hệ thống cấp nước và điện của Bên A. Căn cứ theo quy định của KCN Minh Hưng III, đóng phí sử dụng dịch vụ đúng hạn. Bên A đã đóng thế chân 700 triệu đồng cho công ty điện lực địa phương, nếu Bên B muốn xuất hóa đơn theo tên doanh nghiệp của mình thì Bên B liên hệ điện lực, ký hợp đồng dịch vụ và đóng thế chân cho công ty điện lực, tiền thế chân Bên A đã nộp sẽ hoàn lại cho Bên A.

甲方提供乙方正常的用电（3000 KVA）和用水需求，负责将电源拉到厂房内

配电室电箱内，自来水引至厂房内即可。乙方应保持和维护好甲方配备的水电设施，并根据明兴III工业园区管委会的规定，及时向管委会缴纳水电费。甲方已交越南盾 7 亿给当地供电局作用电抵押金，如乙方需转用户电发票，供电局需退回抵押金给甲方，由乙方交付并签署相关文件

6. Trong quá trình thực hiện nội dung hợp đồng thuê xưởng, nếu Bên A muốn chuyển nhượng công trình cho thuê, thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên B, nếu có bên thứ 3 đồng ý mua công trình của bên A thì Bên A phải thông báo trước 03 tháng bằng văn bản cho Bên B, trong cùng điều kiện giao dịch, thì Bên B được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng công trình trên, Việc chuyển nhượng công trình không ảnh hưởng đến hợp đồng thuê xưởng,

在本合同履行期间，甲方如需出售租赁物，若有第三方愿意购买甲方厂区内的物业，应提前 3 个月书面通知乙方，在同等条件下乙方有优先购买权。出售租赁物不影响本合同的履行，除非经乙方事先书面确认同意，在出售租赁物后，甲方应保证租赁合同的继续履行。

7. Khi bàn giao công trình cho thuê, nếu Bên B có nhu cầu cải tạo, mở rộng, thì phải báo trước 5 ngày khi muốn triển khai công việc và phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A và KCN Minh Hưng III mới được triển khai xây dựng. Đơn vị xây dựng của Bên B không được xâm hại đến kết cấu hiện hữu của công trình, nếu ảnh hưởng đến kết cấu, chi phí phục hồi sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả; Bên A hỗ trợ cung cấp hồ sơ, giấy tờ liên quan đến công trình, hỗ trợ đóng dấu, ký tên các văn bản xin phép.

租赁物移交后，如乙方需对租赁物进行拆改，扩建增添的，则需提前 5 个工作日书面报备甲方，并经甲方及明兴III工业园管委会书面认可后方可施工作业。乙方的施工不得损害租赁物本身的建筑主体结构。因此发生的所有费用均由乙方自行承担；甲方负责协助提供租赁物移交前的各项资料，并负责在对外申报资料上盖章。

8. Bên A cần nhắc cho thuê khu vực xưởng kề cận xưởng đã cho Bên B thuê, không được cho các đơn vị sản xuất có tác động ảnh hưởng đến môi trường, tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của Bên B (cụ thể căn cứ theo quy định về công tác bảo vệ môi trường của địa phương và nhà nước Việt Nam).

甲方后续在出租与乙方厂房相邻的厂房时，应考虑到乙方生产的要求，不得将厂房出租给对环境有污染的企业。以免影响到乙方正常生产和生活的需要。（具体标准根据越南当地环保部门的文件规定）。

9. Hợp đồng này khi chưa được sự chấp thuận của Bên A, không được chuyển nhượng, chia tách cho bên thứ 3 thuê lại; Nếu vi phạm xem như Bên B tự ý hủy ngang hợp đồng và không được hoàn trả tiền thế chân.

本合同未经甲方同意不得将厂房转租、分租；如违返当乙方自动解除合同处理并不退回押金；

IX. Thanh Lý và trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng:

九、合同解除及违约责任:

1. Khi một bên không có lý do chính đáng hủy ngang hợp đồng, thì bên còn lại được

bồi thường 1 quý (3 tháng) tiền thuê xưởng. Nếu Bên A muốn thanh lý sớm hợp đồng cho thuê xưởng, thì Bên A phải hoàn trả tiền thế chân cho Bên B và bồi hoàn giá trị Bên B đã triển khai các công trình làm thêm và các tổn thất kinh tế khác. Trường hợp thiên tai, bất khả kháng hoặc do yêu cầu hành chính của nhà nước bắt buộc phải thanh lý hợp đồng thuê trước hạn, thì hai bên tự thương lượng riêng.

一方无法定或约定理由提出解除合同的, 应向另一方支付一季度的租金作为违约赔偿。若甲方在合约期间提前解除合同, 需退还乙方的三个月的保证金, 还应向乙方赔偿租赁期间所有装修费用及由此造成的经济损失。如遇自然灾害或政府原因要求提前解约另行协商。

2. Bên B không có lý do chính đáng, thanh toán trễ hạn so với thời gian quy định quá 7 ngày, thì thời gian trễ hạn 7 ngày một lần tính lãi suất là 0.005 (5%) trên số tiền trễ hạn.

乙方无正当理由, 超过七天仍未交纳租金及相关费用的, 每逾期七天按应交租金的千分之五向甲方支付逾期付款违约金。

3. Bên B không có lý do chính đáng, thanh toán trễ hạn các khoản phải trả theo quy định, từ 02 tháng trở lên, thì Bên A có quyền thanh lý hợp đồng cho thuê, tiền thế chân được chuyển sang thanh toán cho việc Bên B vi phạm quy định hợp đồng cho thuê và không được hoàn trả.

乙方无正当理由, 逾期未交纳按约定应当由乙方交纳的租金或其它各项费用达 2 个月以上 (含本数) 的, 甲方有权解除合同, 同时保证金转为违约金, 不予退还。

4. Nếu vì lý do môi trường hoặc yêu cầu của cơ quan ban ngành địa phương phải di dời hoặc hành vi của Bên B gây ra cho Bên A bị phạt hoặc Bên B lợi dụng công trình thuê làm các công việc vi phạm pháp luật, các hoạt động phạm tội khác, Bên B bị các cơ quan ban ngành xử lý vi phạm thì bên B phải chịu trách nhiệm và Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê.

如乙方因环保或其它问题被政府责令搬迁或导致甲方被处罚的, 或乙方利用租赁物从事违法、犯罪活动的, 乙方负责承担政府对这些问题的各项处罚, 甲方有权立即单方面解除本合同。

5. Bên B cố tình phá hoại, hoặc tự ý sửa chữa di dời kết cấu công trình khi chưa nhận được sự chấp thuận của Bên A, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê, đồng thời tiền thế chân chuyển sang thanh toán cho các khoản vi phạm hợp đồng của Bên B và không được hoàn lại.

乙方破坏性使用租赁物, 或未经甲方同意对建筑物主体结构擅自改动的, 甲方有权解除合同, 同时保证金转为违约金, 不予退还。

6. Ngành nghề hoạt động kinh doanh sản xuất của Bên B là các loại đồ gia dụng và sản phẩm liên quan, không được tự ý mở rộng ngành nghề kinh doanh, giảm tối đa công tác sản xuất tác động xấu đến môi trường xung quanh, nếu ảnh hưởng đến sinh hoạt sản xuất của các xưởng xung quanh, bị các cơ quan ban ngành xác nhận, thì Bên A sẽ nhắc nhở và Bên B phải cải thiện kịp thời. Nếu Bên B trì hoãn việc khắc phục, cải thiện môi trường thì Bên A có quyền thanh lý hợp đồng, không hoàn lại tiền thế chân cho Bên B.

乙方的经营范围为生产各种家具及家居相关产品, 不得私下扩大经营范围。尽量减少因正常生产需求导致对环境的污染, 如影响到周边工厂人员的正常

工作，经越南相关政府部门认定后，甲方应对乙方进行提示，乙方应当进行整改。如乙方持续不进行整改，甲方有权解除合同。保证金不退还。

7. Khi Bên B thuê nhà xưởng của Bên A, tuân thủ các thủ tục liên quan đến việc thuê xưởng theo quy định của KCN Minh Hưng III và cơ quan ban ngành địa phương, nếu hoạt động vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến vấn đề thủ tục, ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng cho thuê, Bên A sẽ không hoàn trả tiền thế chân cho Bên B; Bên A hỗ trợ tối đa hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

乙方承租甲方厂房，应按照明兴III工业园及当地规定办理相关合法承租手序，如因办理非法业务而导致的手续问题，影响后续的合同的执行，甲方不退还保证金；否则甲方应全力配合乙方办理相关手续。

X. Phương thức giải quyết tranh chấp:

十、争端解决方式:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, Bên A và Bên B trên tinh thần cùng thương lượng giải quyết, nếu thương lượng không thành, Mỗi bên đều có quyền gửi yêu cầu tố tụng liên quan đến việc tranh chấp đến tòa án nhân dân địa phương nơi công trình cho thuê tọa lạc.

本合同在履行中若发生争议，甲乙双方首先采取协商办法解决，协商不成的，任何一方均可向租赁物住所地人民法院起诉。

- XI. Hợp đồng này được soạn bằng song ngữ Việt – Trung, mỗi bên giữ 03 bản. Nếu nội dung giữa hai ngôn ngữ có mâu thuẫn nhau, thì căn cứ vào nội dung tiếng Trung làm căn cứ thực hiện.

本合同由中文与越文写成。甲乙双方各执中文及越文合同各三份。两种文本如解释有矛盾，以中文文本为准。

- XII. Hợp đồng này sau khi được hai bên ký tên đóng dấu sẽ có hiệu lực thi hành. 此合同在签字盖章之日起生效。

- XIII. Phụ lục bổ sung của hợp đồng này điều có hiệu lực pháp lý. 此合同签订的补充协议具同等法律效力

Đính kèm: Tài sản công trình kèm theo, danh mục máy móc thiết bị.

附件：附属资产、设备移交清单

Bên A/甲方:

Bên cho thuê 出租方

(Đóng dấu, ký tên/签章)

Điện thoại/联系电话:

Người đại diện 委托代理人:

Bên B/乙方:

Bên Thuê/承租方

(Đóng dấu, ký tên/签章)

Điện thoại/联系电话:

Người đại diện/委托代理人:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KCN
CAO SU BÌNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 63 /CV-KCNCSBL

Chon Thành, ngày 28 tháng 8 năm 2017

“V/v Đầu nối hệ thống thoát nước
mưa, nước thải, hệ thống cấp nước
nước sinh hoạt”

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm

- Căn cứ vào Hợp đồng thuê đất số 28/HDTD-KCN ngày 15/02/2017 giữa Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long và Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm;

- Căn cứ Công văn số 001/CVTL ngày 22/08/2017 về việc xin đầu nối hệ thống thoát nước mưa và nước thải của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm;

Ban quản lý KCN Minh Hưng III nhận được văn bản, bản vẽ hệ thống thoát nước, nước thải và hệ thống cấp nước sinh hoạt của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm. Sau khi xem xét các bản vẽ mặt bằng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và hệ thống cấp nước sinh hoạt do Quý Công ty cung cấp và khảo sát thực tế, Công ty CP KCN cao su Bình Long có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phương án xây dựng 01 điểm đầu nối thoát nước mưa ra đường D4 ra đến các hố ga thuộc hệ thống thoát nước mưa của KCN.(Xây dựng hố ga riêng biệt nằm bên ngoài hàng rào trước khi đầu nối vào cống chung KCN; Hố ga có kết cấu bằng bê tông, nắp hố ga bằng lưới thép.)

2. Ban quản lý KCN Minh Hưng III đồng ý 01 vị trí đầu nối thoát nước thải trên đường D4 ra đến hố ga thuộc hệ thống thoát nước thải của KCN (Xây dựng hố ga riêng biệt nằm bên ngoài hàng rào trước khi đầu nối vào cống chung KCN; Hố ga có kết cấu bằng bê tông, nắp hố ga bằng lưới thép và lắp đặt van khóa đóng mở.)

3. Thống nhất 01 vị trí đầu nối hệ thống cấp nước sinh hoạt trên đường D4.

* Lưu ý: Tất cả vị trí đầu nối đúng như bản vẽ xin đầu nối do Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm cung cấp cho Ban Quản lý KCN Minh Hưng III

4. Theo quy định của Ban Quản lý KCN Minh Hưng III yêu cầu Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm phải cung cấp các tài liệu như sau: Phiếu thu thập thông tin về nước thải của doanh nghiệp; Bản vẽ hố ga đầu nối; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường; Hồ sơ thiết kế kỹ thuật của nhà máy (theo đúng giấy phép xây dựng do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KCN
CAO SU BÌNH LONG**

Số: 60 /CV-KCNCSBL-XDCB

*“V/v tiếp nhận nước thải từ nhà
máy của Công ty TNHH MTV Gõ
Trạch Lâm vào hệ thống nước thải
của KCN Minh Hưng III”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Chon Thành, ngày 1 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm

- Căn cứ vào Hợp đồng thuê đất số 28/HDTD-KCN ngày 15/02/2017 giữa Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long và Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm;
- Căn cứ Công văn số 63/CV-KCNCSBL ngày 28/08/2017 của Công ty CP KCN cao su Bình Long về việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Căn cứ hệ thống đấu nối nước thải từ nhà máy của Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm vào hệ thống cống chung của KCN Minh Hưng III;
- Căn cứ vào thực tế.

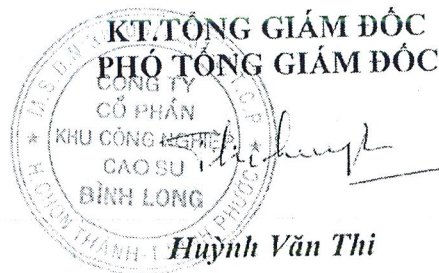
Công ty CP KCN cao su Bình Long có một số ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận nước thải từ nhà máy của Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm theo QCVN 40:2011/BTNMT cột B.
2. Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm có trách nhiệm đóng phí xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký kết kể từ tháng 08/2018.
3. Nếu các cơ quan ban ngành chức năng kiểm tra hệ thống xử lý nước thải trong nhà máy của Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm không đảm bảo theo quy định thì Quý công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm.
4. Nếu Công ty TNHH MTV Gõ Trạch Lâm mà xả thải ra hệ thống nước thải của KCN Minh Hưng III vượt ngưỡng cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT thì Ban quản lý KCN Minh Hưng III sẽ thông báo đến Quý công ty và sau đó sẽ đóng van khóa ngưng tiếp nhận nước thải của Nhà máy đến khi nào Quý công ty khắc phục xong mới tiếp nhận trở lại. Quý công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan ban ngành chức năng về những vấn đề vi phạm môi trường thuộc lỗi của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KCN
CAO SU BÌNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 13 /CV-KCNCSBL

Chơn Thành, ngày 08 tháng 03 năm 2018

“V/v Đầu nối hệ thống thoát nước
mưa vào hệ thống chung của KCN
Minh Hưng III”

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Gổ Trạch Lâm

- Căn cứ vào Hợp đồng thuê đất số 28/HDTD-KCN ngày 15/02/2017 giữa Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long và Công ty TNHH MTV Gổ Trạch Lâm;

- Căn cứ Công văn ngày 05/03/2018 về việc xin đầu nối hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH MTV Gổ Trạch Lâm;

Ban quản lý KCN Minh Hưng III nhận được văn bản, bản vẽ hệ thống thoát nước của Công ty TNHH MTV Gổ Trạch Lâm. Sau khi xem xét bản vẽ mặt bằng hệ thống thoát nước mưa do Quý Công ty cung cấp và khảo sát thực tế, Công ty CP KCN cao su Bình Long có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phương án xây dựng 01 điểm đầu nối thoát nước mưa ra đường N15 ra đến các hố ga thuộc hệ thống thoát nước mưa của KCN. (Xây dựng hố ga riêng biệt nằm bên ngoài hàng rào trước khi đầu nối vào cống chung KCN; Hố ga có kết cấu bằng bê tông, nắp hố ga bằng lưới thép.)

* Lưu ý: Vị trí đầu nối đúng như bản vẽ xin đầu nối do Công ty TNHH MTV Gổ Trạch Lâm cung cấp cho Ban Quản lý KCN Minh Hưng III

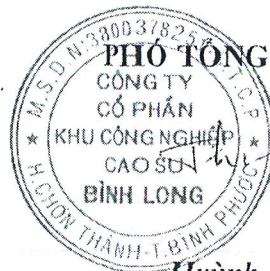
2. Công ty TNHH MTV Gổ Trạch Lâm chỉ được tiến hành xây dựng hố ga đầu nối khi Ban Quản lý KCN Minh Hưng III chấp thuận phương án đầu nối. Trước khi lấp đất phải có sự kiểm tra hệ thống cống của Ban quản lý KCN Minh Hưng III.

3. Trong quá trình thi công, đề nghị Quý Công ty chọn biện pháp thi công phù hợp nhằm tránh gây tổn hại đến cây xanh và các công trình ngầm hiện hữu tại địa điểm xây dựng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Huỳnh Văn Thi



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ

Trụ sở: 81/11A quốc lộ 1K, phường Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP HCM

VPĐD: 88/12C đường số 6, phường Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP HCM

ĐT: 028 6685 2239

www.vietdojsc.com



BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Số: 00724/BBGN

I. THÔNG TIN GIAO NHẬN

BÊN GIAO: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ

- Địa chỉ: 81/11A Quốc lộ 13, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

- VPĐD: 88/12C đường số 6, phường Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

- Người giao: Ngô Văn Phút - Chức vụ: Kỹ Thuật

- Điện thoại: 038.38.08.6.35

BÊN NHẬN: CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

- Địa chỉ: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

- Người nhận: - Chức vụ:

- Điện thoại:

II. NỘI DUNG GIAO NHẬN

STT	TÊN NỘI DUNG	TÌNH TRẠNG	GHI CHÚ
1	Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Và Bàn Giao Công Trình	2 bộ ✓	
2	Phiếu Kết quả phân tích	2 bộ ✓	
3	Bản vẽ hoàn công	2 bộ ✓	
4	Hướng dẫn vận hành	2 bộ	

Biên nhận này được in thành 2 bản có giá trị như nhau.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 06 năm 2024

Người nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lương Thị Hương

Lương Thị Hương

Người giao

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Văn Phút





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Bình Phước, ngày 18 tháng 06 năm 2024



BIÊN BẢN HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

(Thi công, lắp đặt Hệ thống Xử lý hơi dung môi)

- ✚ Công trình: Hệ thống Xử lý hơi dung môi.
- ✚ Chủ đầu tư dự án: **CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM**
- ✚ Địa điểm thực hiện: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- ✚ Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số: **0701/HĐKT-00724** ký vào ngày ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa Công Ty TNHH High Line Smart Home Vietnam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Môi trường Việt Đô.

Hôm nay, vào lúc 15... giờ 00... phút, ngày 18 tháng 06... năm 2024 Chúng tôi tiến hành nghiệm thu như sau:

1. Đối tượng nghiệm thu: Hệ thống Xử lý hơi dung môi

2. Thành phần tham gia nghiệm thu bao gồm:

Đại diện chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM**

- Ông (Bà): Lương Thị Trang Chức vụ: Nhân sự

- Ông (Bà): Mai Tấn Tường Chức vụ: Beid tri

Đại diện nhà thầu: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ**

- Ông (Bà): Ngô Văn Phát Chức vụ: Kỹ thuật

- Ông (Bà): Chức vụ:

3. Thời gian địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu : 15... giờ 00... Ngày 18 tháng 06... năm 2024

- Kết thúc : 15... giờ 30... Ngày 18 tháng 06... năm 2024

- Tại: Hệ thống Xử lý hơi dung môi.





4. Nội dung nghiệm thu :

a) Căn cứ:

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số: **0701/HĐKT-00724** ký vào ngày ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa **Công Ty TNHH High Line Smart Home Vietnam** và **Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Môi trường Việt Đô**.
- Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu đã ký có liên quan đến công trình.

b) Nghiệm thu về chất lượng hạng mục công trình

- Chất lượng thi công: Công trình thi công đúng khối lượng, đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật.
- Vật tư , thiết bị thi công: Đúng chủng loại, đúng số lượng, thông số, quy cách, chất lượng và xuất xứ theo HĐ.
- Tiến độ: Đáp ứng theo yêu cầu.
- Hệ thống vận hành ổn định và đảm bảo chất lượng nước đầu ra đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng đã ký kết

c) Nội dung khác:

⚡ Nội dung bảo hành:

Biên bản này được áp dụng cho việc tính thời gian bảo hành với:

- Thiết bị chính: 12 tháng (theo nhà cung cấp). Thời gian bảo hành máy móc thiết bị được tính từ ngày 2 bên đồng ý ký vào biên bản.

⚡ Tài liệu bàn giao

- Bản vẽ hoàn công (02 bộ).
- Hướng dẫn vận hành (02 bộ).

⚡ Lưu ý:

- Sau khi tiếp nhận nghiệm thu bàn giao, chủ đầu tư chủ động vận hành để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Có nhân công vận hành thường trực tại hệ thống, để đảm bảo hệ thống không xảy ra sự cố, và giải quyết sự cố kịp thời (nếu có).
- Có phương án bảo quản thiết bị trong hệ thống.
- Khi hệ thống xảy ra sự cố liên hệ trực tiếp với Phòng kỹ thuật Việt Đô theo đường dây nóng: 028 6685 2239 Việt Đô sẽ cử nhân viên kỹ thuật có mặt trong vòng 48h.

d) Ý kiến của chủ đầu tư

.....
.....
.....

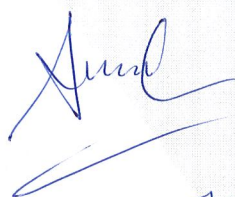


5. Kết luận.

- Công Ty TNHH High Line Smart Home Vietnam đồng ý xác nhận biên bản hoàn thành và bàn giao hệ thống xử lý khí thải và đồng ý thanh quyết toán theo Hợp đồng.
- Biên bản được thành lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 02 bản, nhà thầu Việt Đô giữ 02 bản.

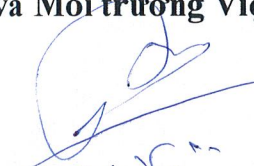
Đại diện

**Công Ty TNHH High Line
Smart Home Vietnam**


Lương Thị Trang

Đại diện

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng
và Môi trường Việt Đô**


Nguyễn Văn Phát



工业产品有限公司
Công ty TNHH Sản Phẩm Cơ Khí Công Nghiệp

地址：平阳县、顺安县、顺安社、平顺区

Địa chỉ : Thửa đất số 1618, Tờ bản đồ số 7, KP. Bình Quới B, P. Bình Chuẩn, TP. Thuận An, T. Bình Dương

Điện thoại : 0274 6266 338

验收单 BẢNG NGHIỆM THU

2023年 12月 04日

敬致 Kính Gửi: CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

STT 序号	TÊN HÀNG 品名	QUY CÁCH 规格 型号	ĐVT 单位	SL 数量	GHI CHÚ
1	合同编号Hợp đồng số : 0811 -CKCN-HLSHVN/2023/HĐKT				
2	抽风主机 Quạt hút li tâm	55KW.75马力.新马达	台 bộ	1	
3	消音器 Tiêu âm	Ø 800 x 1.0	个 Cái		
4	启动开关 Tủ điều khiển (不含电线)	变频器 Biến tần	个 Cái	1	
5	脉冲集尘器 Hệ thống hút bụi túi vải 铁脚. 下灰铁桶总高七米左右 Cả Thùng bụi và chân Cao khoảng 7m				
6	布袋式脉动集尘器 Hệ thống hút bụi túi vải	宽2200 x长 4000x高3800 x 2.0	套 bộ	1	
7	下料斗 Phễu	宽2000 x长 2000x高2000 x 2.0	个 Cái	2	
8	电磁阀 Van khí nén	Ø 49	个 Cái	18	
9	铁骨龙 lồng sắt	Ø150 x 3000	支 cây	180	
10	布袋 Túi vải	Ø150 x 3000	支 túi	180	
11	气铜(压力7kg左右 Bình tích khí	Ø180 x 5.0	个 Cái	1	
12	电板 Bo mạch		套 bộ	1	
13	周围栏杆与爬梯 Lan can cầu thang		套 bộ	1	
14	木灰房 Thùng chứa bụi	W2500 x L6000 x H3000	个 cái	1	
15	五金 Linh phụ kiện		套 bộ	1	
16	安装 Chi phí lắp đặt		套 bộ	1	
17	螺旋风管. 弯头. 大小头. 法兰. 叉管. 吸风口等 Ống xoắn, Co, Giảm tròn, Mặt bích, ống nhánh, hộp phôi khí... đã hoàn tất.		套 bộ	1	

此设备已安装完成. 设备稳定的使用

Thời gian hoàn thành kịp tiến độ. Thiết bị đã đưa vào sử dụng ổn định .

Biên bản nghiệm thu này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

(BÊN MUA) 买方确(Người xác nhận)


2023.12.04

工业产品有限公司(BÊN BÁN)
卖方确认(Người xác nhận)

立 立
Lệnh Lập Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/V THU GOM VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 32/HĐKT.RSH.2023

Bình Phước, ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2018.
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/ QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có:

Bên A (bên thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt): CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TIẾN DŨNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, Khu phố 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước.

Số điện thoại: 0933576504

Mã số thuế: 3801236323

Đại diện ông: **TRẦN TIẾN DŨNG**

Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 112002866161 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Chi Nhánh Bình Phước - PGD Hớn Quản).

Bên B: : CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

Địa chỉ: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Số điện thoại: 0271 3645 899

Fax:

Mã số thuế: 3801253181

Đại diện: **ZHANG YINGSHUN**

Chức danh: Tổng Giám Đốc

Số tài khoản: 114002882865 - Ngân hàng VIETINBAK (Chi Nhánh TPHCM).

Điều I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B giao cho bên A thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong công ty tại địa điểm: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Điều II: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt là: 4.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT). Bên A sẽ xuất hóa đơn cho bên B vào cuối mỗi tháng.
2. Thời gian thu gom: 02 lần/tuần.
3. Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.
4. Loại tiền thanh toán là VNĐ (Việt Nam đồng).

5. Thời hạn thanh toán; bên B sẽ thanh toán cho bên A chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn.

Thông tin xuất hóa đơn:

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

MST: 3801253181

Địa chỉ: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

Điều III: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của bên A:

- Bố trí thời gian và phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của bên B, mỗi lần giao rác thải phải có biên nhận giữa hai bên.
- Đảm bảo thu gom rác thải đúng như Điều I của hợp đồng này.
- Giữ vệ sinh trong suốt quá trình vận chuyển.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của mình theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng theo Điều I của hợp đồng này.
- Bên B phải phân loại rác thải đúng quy định và tập trung vào một nơi theo quy hoạch của bên B.
- Tạo điều kiện khi bên A đến thu gom.

Điều IV: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Nếu bên A phát hiện lẫn rác thải khác trong rác thải sinh hoạt thì bên A có quyền từ chối vận chuyển lô hàng đó và chỉ vận chuyển khi báo cho bên B biết và bên B đã xử lý lô hàng đó theo đúng quy định của luật môi trường.

Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Nếu trường hợp hai bên không thể giải quyết được thì đưa ra Tòa án kinh tế của tỉnh Bình Phước giải quyết, nếu bên nào làm sai thì bên đó phải chịu toàn bộ chi phí của Tòa án và thiệt hại trong thời gian ngưng thu gom.

Điều V: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu hết hạn hợp đồng hai bên không có mâu thuẫn gì thì có thể gia hạn hợp đồng thêm tháng tiếp theo mà không cần phải làm hợp đồng mới.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Tiến Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B



ZHANG YINGSHUN

Tổng Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 32.731./2024/HĐ -TĐX

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

Địa chỉ : Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02713645899 Fax:

Mã số thuế : 3801253181

Đại diện : Ông ZHANG YINGSHUN Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại : 0272.3758858 Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

Đại diện : Ông Đỗ Huy Lực Chức vụ: Tổng giám đốc



Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3 Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) của Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam đang lưu giữ tại kho.

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2 Đơn giá xử lý

2.2.1

- Lượng chất thải nguy hại sẽ được thu gom **01 lần/năm**;
- Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:
- Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao của **1 (một) năm ≤ 200 kg** thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là: **7.000.000 VNĐ (Bảy triệu đồng chẵn)**;
- Nếu khối lượng chất thải nguy hại bàn giao của **01 (một) năm > 200 kg**, thì chi phí tính là:

$$= [(T\text{ổng khối lượng chất thải} - 200 \text{ kg}) \times 30.000/\text{kg}] + 7.000.000 \text{ VNĐ}$$

Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ:

Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ: Căn cứ theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số của Bên A được cấp.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
01	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06
03	Dầu nhớt thải	Rắn	18 01 03
04	Bao bì chứa hóa chất	Rắn	18 01 01

05	Hộp mực in thải bỏ	Rắn	08 02 01
06	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01
07	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VND/ĐVT)
01	Bao bì cứng bằng kim loại (thùng phuy 200l)	Rắn	18 01 02	Cái	20.000
02	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng thiếc)	Rắn	18 01 02	Cái	4.000
03	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Cái	4.000

2.2.2 Đơn giá rác công nghiệp

Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VND/ĐVT)
Rác công nghiệp	Rắn	Kg	500

2.2.3 Ghi chú:

- Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế VAT;
- Đơn giá thu mua đã bao gồm thuế VAT;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogram;



ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

Địa điểm thu gom chất thải ở kho của Công ty TNHH High Line Smart Home VietNam, tại địa chỉ: Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại.

3.2 Phương thức thanh toán

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

3.2.2 Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ CTNH theo phụ lục 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã được ký tên và đóng dấu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hóa đơn và chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên B.

3.2.3 Sau mỗi lần thu gom, dựa trên biên bản giao nhận, Bên B thanh toán trực tiếp tiền phế liệu cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng

4.1.2 Bên A phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do bên B yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.

4.1.3 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

4.1.4 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải lập 01 bộ “Chứng từ chất thải nguy hại” gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

4.1.5 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

4.2.2 Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên B để bảo đảm trật tự an toàn cho nơi làm việc của bên A; Nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.

4.2.3 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

4.2.4 Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo

các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.

4.2.5 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2.6 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

4.2.7 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.8 Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

4.2.9 Bên B phải cung cấp cho Bên A bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.

4.2.10 Bên B bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên A.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

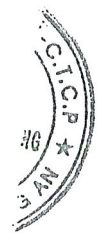
5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.



ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3 Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, 06 (sáu) trang và được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

7.4

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THẢI)



ZHANG YINGSHUN

ĐẠI DIỆN BÊN B
(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)



ĐỖ HUY LỰC

PHỤ LỤC 2
CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ



BẢNG THỐNG KÊ CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG

BẢNG THÔNG SỐ CÁC THÔNG SỐ THIẾT KẾ				
KẾ MẪU	HẠNG MỤC	NHỊT THUỘC	DIỆN TÍCH SÀN	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH NHẬN NHẬN: DẪN ĐẦU TẤT THỂ GẤY CHÁNH NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CT 08820 GẤP NHẬN 21/03/2017				
①	VĂN PHÒNG	40x20m + 7,5mđơn = 600m ²	2.172,7m ²	600m ²
②	NHÀ AN	18x17m = 306m ²	306m ²	306m ²
③	NHÀ XƯỞNG 1	143,658m + 35x15m + 20x15m = 14.639m ²	14.639m ²	14.639m ²
④	NHÀ XE 1	44x10 + 36x10 + 37m ² = 929m ²	929m ²	929m ²
⑤	TRẠM ĐIỆN + BẾ POCƠ	35x10m = 350m ²	350m ²	350m ²
⑥	NHÀ VỆ SINH	20x1,1m = 62m ²	62m ²	62m ²
⑦	NHÀ XE 2	21x10m = 144m ²	144m ²	144m ²
⑧	NHÀ ĐÀO VỆ 1	17,30x10m = 48,4m ²	48,4m ²	48,4m ²
CỘNG TRÊN TỔNG NHẬN XÂY DỰNG TÀI SẢN				
⑨	NHÀ KHU	30x184m = 5.520m ²	5.520m ²	5.520m ²
THÀNH TỔNG			22.935,4m ²	22.935,4m ²

BẢNG TỶ LỆ SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
1	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG	22.525,4 M2	26,94 %
2	DIỆN TÍCH CÂY XANH	42.287,2 M2	50,56 %
3	DIỆN TÍCH GIAO THÔNG	18.807,4 M2	22,5 %
4	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	83.600 M2	100 %

GHI CHÚ:

☐ CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

LÀM HC REV.	NGÀY DATE	PHÁT HÀNH CHO - ISSUED FOR
----------------	--------------	----------------------------

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER :

CÔNG TY TNHH MTV GỖ
TRẠCH LÂM

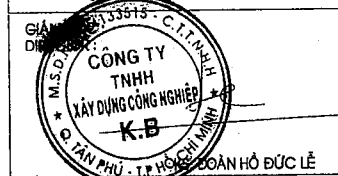
KEN MINH HUNG 3, BINH PHUOC
MINH HUNG IP 3, BINH PHUOC PROVINCE



ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CONSULTANT:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
CÔNG NGHỆ K.B

568/18, ~~Lê Trọng Tấn~~, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CONTRACTOR:



CÔNG TY TNHH XD CN THÁI AN

Officetel 2.04-2.05 Tầng 2, 146 Nguyễn Văn Trỗi
Phường D9, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM



VĚ:
DRAWER:

KS. LÊ THỊ BÍCH THU

KIỂM :
CHECKER :

KS. HÀ XUÂN VƯƠNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ KHO - NHÀ MÁY GỖ TRẠCH LÂM
WAREHOUSE - TRACH LAM WOOD FACTORY

ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION :

KCX MINH HUNG 3, BINH PHUOC
MINH HUNG 3 IP, BINH PHUOC PROVINCE

HANG MỤC - ITEM :

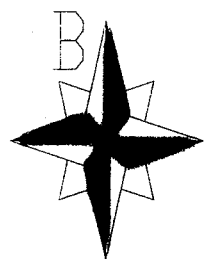
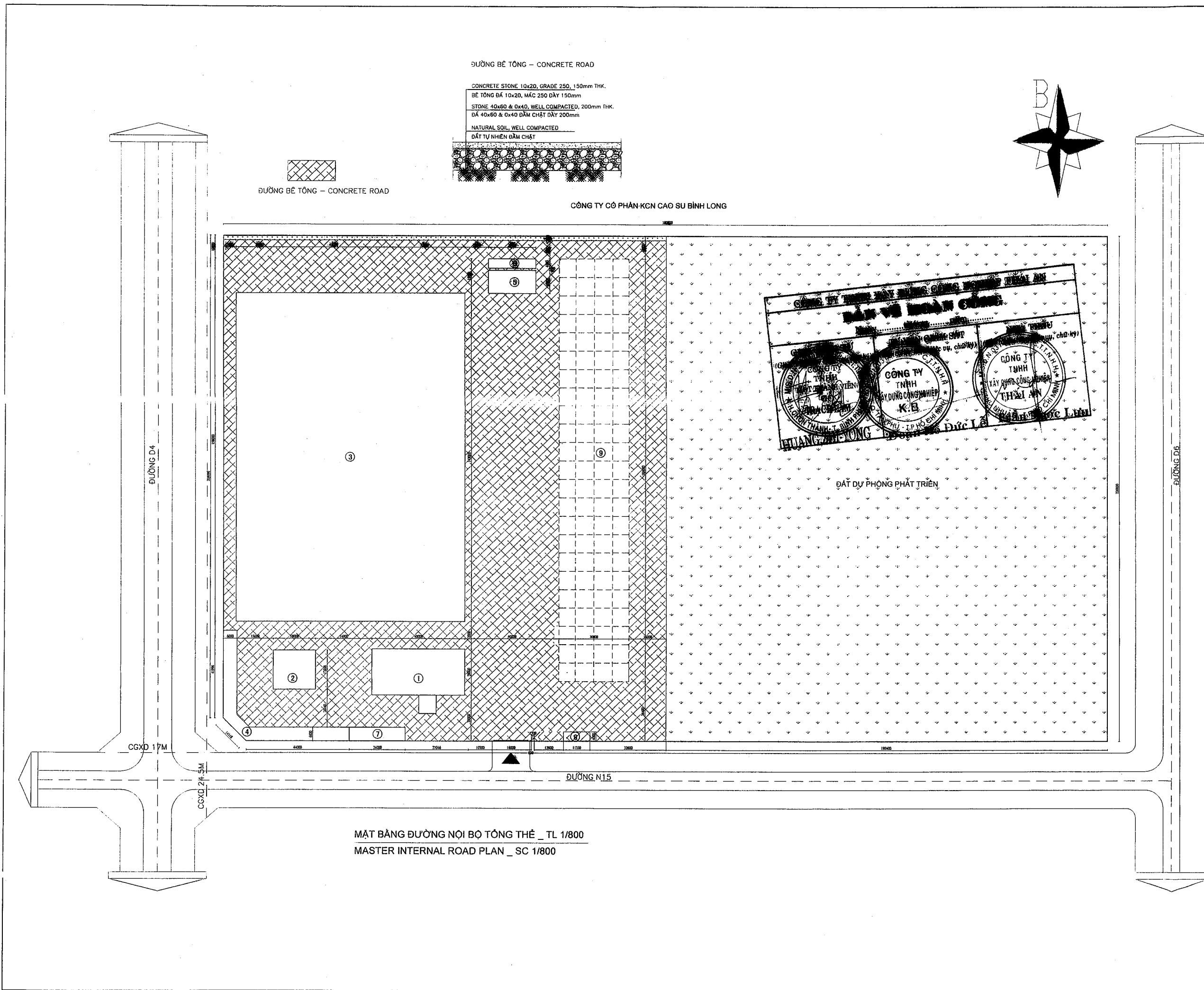
TỔNG THỂ

BẢN VẼ - DRAWING TITLE :

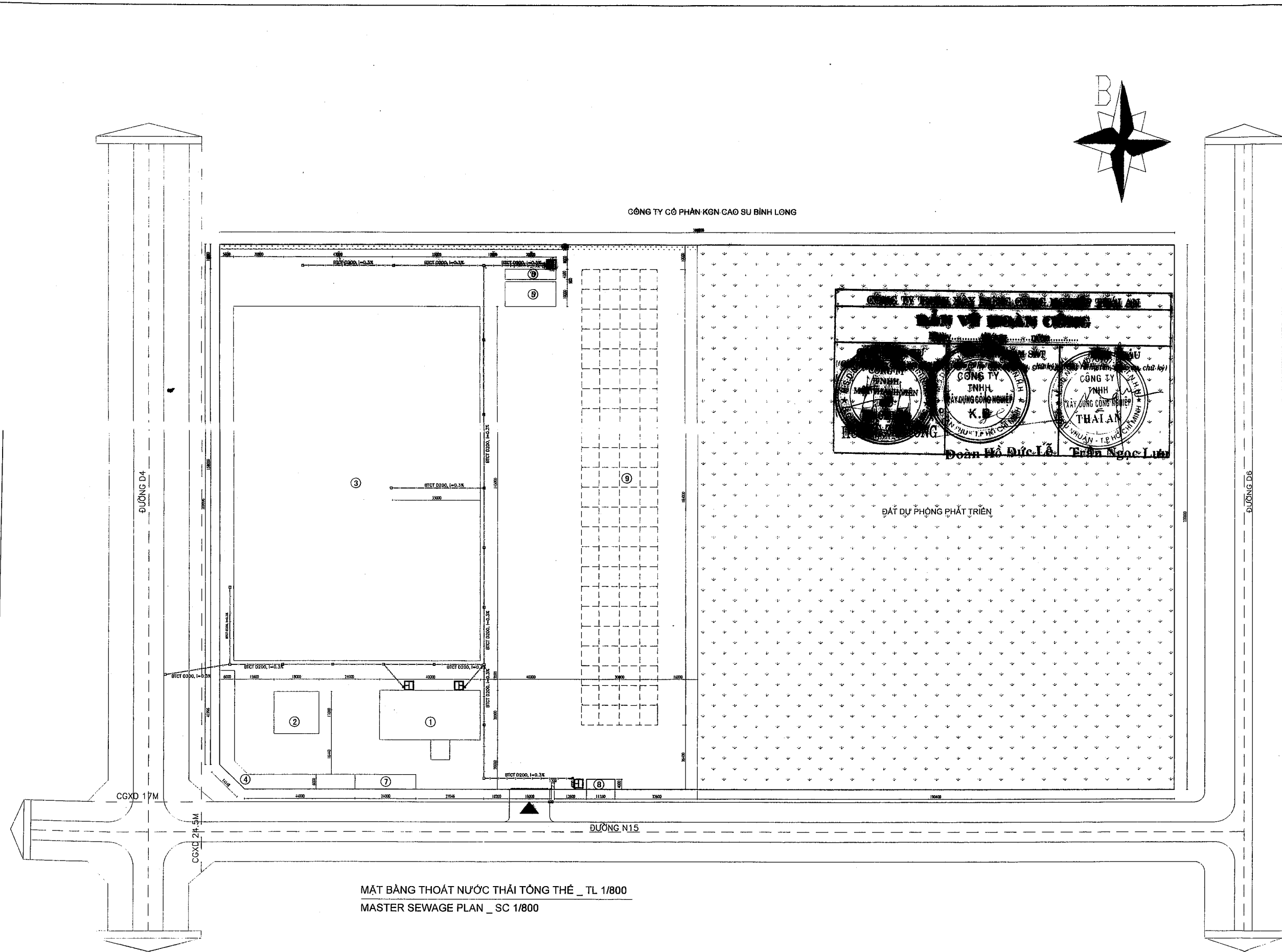
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT

SỐ BẢN VẼ :
DRAWING No. :

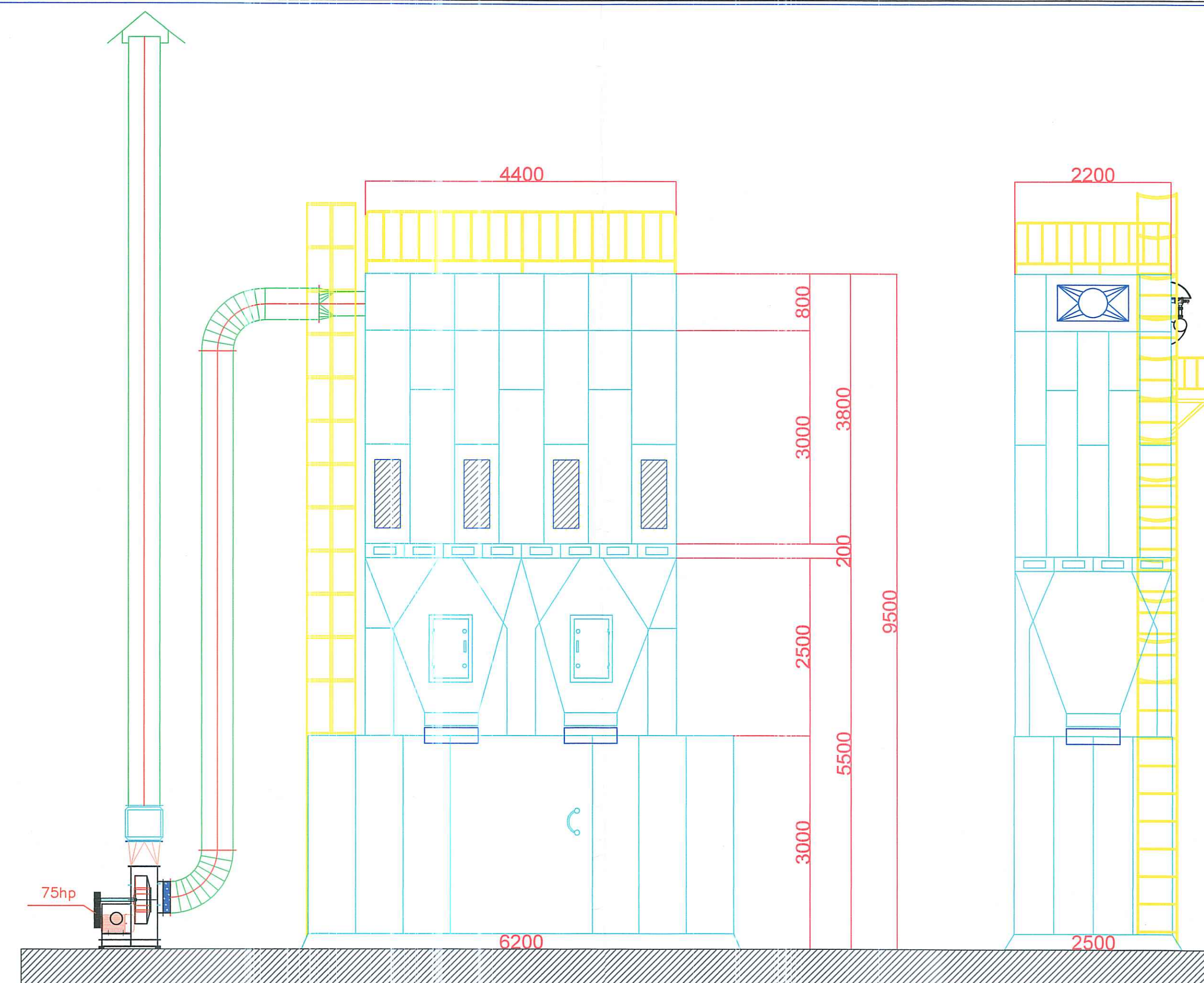
TMB 01



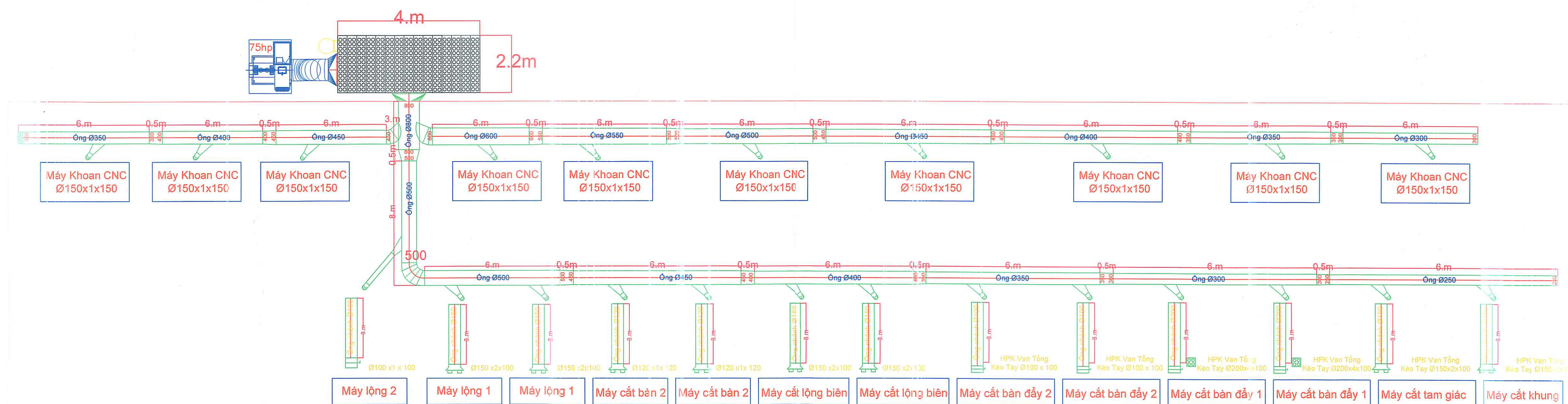
		BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
LẦN HC REV.	NGÀY DATE	PHÁT HÀNH CHO - ISSUED FOR	
CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:			
CÔNG TY TNHH MTV GỖ TRẠCH LÂM			
KCN MINH HƯNG 3, BÌNH PHƯỚC MINH HƯNG IP 3, BÌNH PHƯỚC PROVINCE			
 TRẦN VĂN HƯNG, ZHI-YONG			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CONSULTANT:			
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP K.B			
568/18 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM			
GIÁM ĐỐC DIRECTOR			
 TRẦN VĂN HỒ ĐỨC LÊ			
ĐƠN VỊ THI CÔNG CONTRACTOR:			
 CÔNG TY TNHH XD CN THÁI AN			
Office: 2.04-2.05 Tầng 2, 146 Nguyễn Văn Trỗi Phường 04, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM			
GIÁM ĐỐC DIRECTOR			
 TRẦN NGỌC LƯU			
VẼ: DRAWER:			
KS. LÊ THỊ BÍCH THU			
KIỂM: CHECKER:			
KS. HÀ XUÂN VƯƠNG			
CÔNG TRÌNH - PROJECT:			
NHÀ KHO - NHÀ MÁY GỖ TRẠCH LÂM WAREHOUSE - TRACH LAM WOOD FACTORY			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:			
KCN MINH HƯNG 3, BÌNH PHƯỚC MINH HƯNG IP 3, BÌNH PHƯỚC PROVINCE			
HẠNG MỤC - ITEM:			
TỔNG THỂ			
BẢN VẼ - DRAWING TITLE:			
MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG NỘI BỘ			
SỐ BẢN VẼ: DRAWING No.:		TMB 03	



BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
LẦN HC REV.	NGÀY DATE
PHÁT HÀNH CHO - ISSUED FOR	
GHỦ ĐẦU TƯ - OWNER :	
CÔNG TY TNHH MTV GỖ TRẠCH LÂM	
KCN MINH HƯNG 3, BÌNH PHƯỚC MINH HƯNG 3 IP, BÌNH PHƯỚC PROVINCE	
CHỮ ẢNH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT : CONSULTANT :	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP K.B	
568/12/13/14/15/16/17/18/19/20/21/22/23/24/25/26/27/28/29/30/31/32/33/34/35/36/37/38/39/40/41/42/43/44/45/46/47/48/49/50/51/52/53/54/55/56/57/58/59/60/61/62/63/64/65/66/67/68/69/70/71/72/73/74/75/76/77/78/79/80/81/82/83/84/85/86/87/88/89/90/91/92/93/94/95/96/97/98/99/100/101/102/103/104/105/106/107/108/109/110/111/112/113/114/115/116/117/118/119/120/121/122/123/124/125/126/127/128/129/130/131/132/133/134/135/136/137/138/139/140/141/142/143/144/145/146/147/148/149/150/151/152/153/154/155/156/157/158/159/160/161/162/163/164/165/166/167/168/169/170/171/172/173/174/175/176/177/178/179/180/181/182/183/184/185/186/187/188/189/190/191/192/193/194/195/196/197/198/199/200/201/202/203/204/205/206/207/208/209/210/211/212/213/214/215/216/217/218/219/220/221/222/223/224/225/226/227/228/229/230/231/232/233/234/235/236/237/238/239/240/241/242/243/244/245/246/247/248/249/250/251/252/253/254/255/256/257/258/259/260/261/262/263/264/265/266/267/268/269/270/271/272/273/274/275/276/277/278/279/280/281/282/283/284/285/286/287/288/289/290/291/292/293/294/295/296/297/298/299/300/301/302/303/304/305/306/307/308/309/310/311/312/313/314/315/316/317/318/319/320/321/322/323/324/325/326/327/328/329/330/331/332/333/334/335/336/337/338/339/340/341/342/343/344/345/346/347/348/349/350/351/352/353/354/355/356/357/358/359/360/361/362/363/364/365/366/367/368/369/370/371/372/373/374/375/376/377/378/379/380/381/382/383/384/385/386/387/388/389/390/391/392/393/394/395/396/397/398/399/400/401/402/403/404/405/406/407/408/409/410/411/412/413/414/415/416/417/418/419/420/421/422/423/424/425/426/427/428/429/430/431/432/433/434/435/436/437/438/439/440/441/442/443/444/445/446/447/448/449/450/451/452/453/454/455/456/457/458/459/460/461/462/463/464/465/466/467/468/469/470/471/472/473/474/475/476/477/478/479/480/481/482/483/484/485/486/487/488/489/490/491/492/493/494/495/496/497/498/499/500/501/502/503/504/505/506/507/508/509/510/511/512/513/514/515/516/517/518/519/520/521/522/523/524/525/526/527/528/529/530/531/532/533/534/535/536/537/538/539/540/541/542/543/544/545/546/547/548/549/550/551/552/553/554/555/556/557/558/559/560/561/562/563/564/565/566/567/568/569/570/571/572/573/574/575/576/577/578/579/580/581/582/583/584/585/586/587/588/589/590/591/592/593/594/595/596/597/598/599/600/601/602/603/604/605/606/607/608/609/610/611/612/613/614/615/616/617/618/619/620/621/622/623/624/625/626/627/628/629/630/631/632/633/634/635/636/637/638/639/640/641/642/643/644/645/646/647/648/649/650/651/652/653/654/655/656/657/658/659/660/661/662/663/664/665/666/667/668/669/670/671/672/673/674/675/676/677/678/679/680/681/682/683/684/685/686/687/688/689/690/691/692/693/694/695/696/697/698/699/700/701/702/703/704/705/706/707/708/709/710/711/712/713/714/715/716/717/718/719/720/721/722/723/724/725/726/727/728/729/730/731/732/733/734/735/736/737/738/739/740/741/742/743/744/745/746/747/748/749/750/751/752/753/754/755/756/757/758/759/760/761/762/763/764/765/766/767/768/769/770/771/772/773/774/775/776/777/778/779/780/781/782/783/784/785/786/787/788/789/790/791/792/793/794/795/796/797/798/799/800/801/802/803/804/805/806/807/808/809/810/811/812/813/814/815/816/817/818/819/820/821/822/823/824/825/826/827/828/829/830/831/832/833/834/835/836/837/838/839/840/841/842/843/844/845/846/847/848/849/850/851/852/853/854/855/856/857/858/859/860/861/862/863/864/865/866/867/868/869/870/871/872/873/874/875/876/877/878/879/880/881/882/883/884/885/886/887/888/889/890/891/892/893/894/895/896/897/898/899/900/901/902/903/904/905/906/907/908/909/910/911/912/913/914/915/916/917/918/919/920/921/922/923/924/925/926/927/928/929/930/931/932/933/934/935/936/937/938/939/940/941/942/943/944/945/946/947/948/949/950/951/952/953/954/955/956/957/958/959/960/961/962/963/964/965/966/967/968/969/970/971/972/973/974/975/976/977/978/979/980/981/982/983/984/985/986/987/988/989/990/991/992/993/994/995/996/997/998/999/1000	
ĐƠN VỊ THI CÔNG : CONTRACTOR :	
	
CÔNG TY TNHH XD CN THAI AN	
Office: 2/21/2/25 Tầng 2, 1/46 Nguyễn Văn Trỗi P. Tân Phú, Q. Tân Phú, Tp. HCM	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
VẼ : DRAWER :	
KS. LÊ THỊ BÍCH THU	
KIỂM : CHECKER :	KS. HÀ XUÂN VƯƠNG
CÔNG TRÌNH - PROJECT :	
NHÀ KHO - NHÀ MÁY GỖ TRẠCH LÂM WAREHOUSE - TRACH LAM WOOD FACTORY	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION :	
KCN MINH HƯNG 3, BÌNH PHƯỚC MINH HƯNG 3 IP, BÌNH PHƯỚC PROVINCE	
HẠNG MỤC - ITEM :	
TỔNG THỂ	
BẢN VẼ - DRAWING TITLE :	
MẬT BẢNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI	
SỐ BẢN VẼ : DRAWING No. :	TMB 05



BẢN VẼ MẶT CHIẾU THÙNG RUNG GIÚ



SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG NHÀ XƯỞNG

CÔNG TY CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP

BẢN VỀ THÙNG RUNG GIỮ VÀ SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG NHÀ XƯỞNG

NGƯỜI GIÁM SÁT THI CÔNG

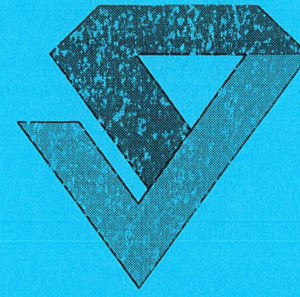
Arch

Lệnh Lập Hồng

DATE 3/23/14 REV. A

2024 A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ



Số 81/11A, Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP. HCM

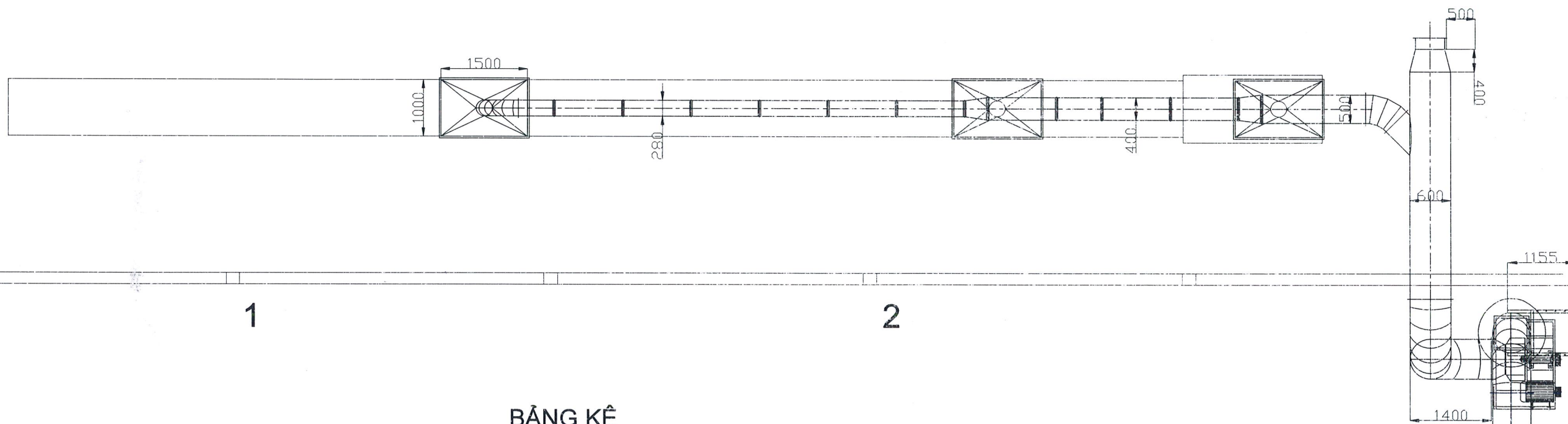
Tel: (84-28) 6685 2239

www.vietdojsc.com

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM**
Công trình: **HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI - CÔNG SUẤT 12.000 M³/H**
Địa chỉ: **Lô F5, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng,
Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam**

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI - CÔNG SUẤT 12.000 M³/H
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI



BẢNG KÊ

9	Ống thoát	02	Tole đen phủ sơn chống rỉ, dày 0,55mm, D600
8	Co nối ống thoát	02	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D600
7	Thang	01	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D600
6	Quạt hút	01	Công suất: 10HP, tole đen phủ sơn chống rỉ
5	Tháp hấp phụ (Than hoạt tính)	01	Tole trắng kẽm, dày 1,15mm, 1200 x 1200 x 1000
4	Ống thu gom	02	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D600
3	Chụp hút	03	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, 1500 x 1000 x 400
2	Ống thu gom	04	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D280
1	Ống thu gom	02	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D400 - 500
STT	Tên gọi	Số lượng	Thông số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20..... Số.....

NGƯỜI LẬP: *Ngô Triệu Phát*

NGƯỜI KIỂM TRA: *Trần Nguyễn Anh Thư*

TU VẤN GIÁM SÁT: *ZHANG YINGSHUN*

CHỦ ĐẦU TƯ: *Trần Nguyễn Anh Thư*

TRẦN NGUYỄN ANH THƯ

ZHANG YINGSHUN

Tổng Giám Đốc

GHI CHÚ:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

Thiết kế cơ sở: ☐

Thiết kế thi công: ☐

Hiệu chuẩn: Hoàn công: ☒

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

Lô F5, đường D4, Khu công nghiệp Minh Hưng II, Đường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Trụ sở: Số 81/11A Quốc lộ 19, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
VPDD: 88/12C Đường số 5, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Tel: 028 6685 2232 Website: www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC: *Trần Nguyễn Anh Thư*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN KIM HUY

CHỦ TRÌ: *Võ Minh Sang*

VẼ: *Ngô Triệu Phát*

KIỂM TRA: *Trần Văn Cự*

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI CÔNG SUẤT 12.000 M³/H

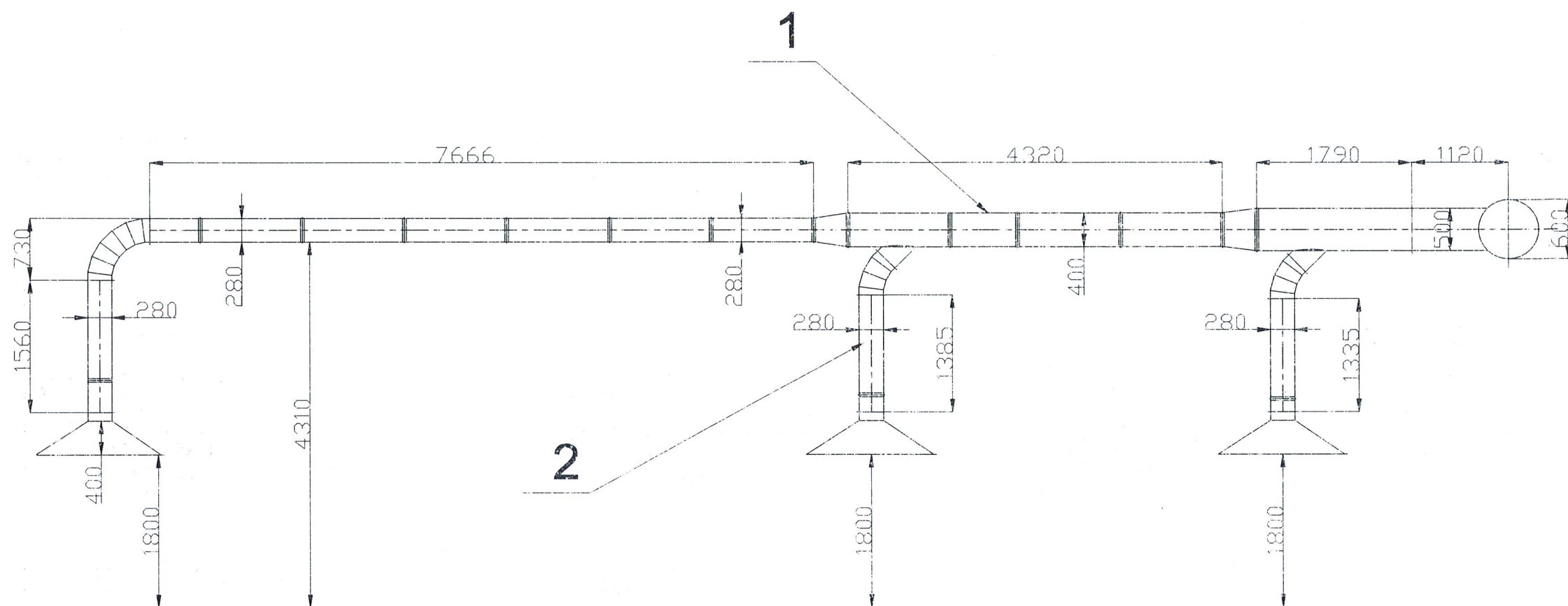
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI

THIẾT KẾ: 1/100 NGÀY HOÀN THÀNH: 15/03/2024

BẢN VẼ SỐ: 01/HC-01 THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI - CÔNG SUẤT 12.000 M³/H
MẶT ĐÚNG HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI



BẢNG KÊ

9	Ông thoát	02	Tole đen phủ sơn chống rỉ, dày 0,95mm, D600
8	Cơ nối ông thoát	02	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D600
7	Thang	01	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D600
6	Quạt hút	01	Công suất: 10HP, tole đen phủ sơn chống rỉ
5	Tháp hấp phụ (Than hoạt tính)	01	Tole trắng kẽm, dày 1,15mm, 1200 x 1200 x 1000
4	Ông thu gom	02	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D600
3	Chụp hút	03	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, 1560 x 1000 x 400
2	Ông thu gom	04	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D280
1	Ông thu gom	02	Tole trắng kẽm, dày 0,75mm, D400 - 500
STT	Tên gọi	Số lượng	Thông số

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Số: tháng năm 20.....

CHỦ ĐẦU TƯ: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ**

THÀNH T. BÌNH PHƯỚC

Trần Nguyễn Anh Thu
Ngô Triệu Phát
ZHANG YINGSHUN
Tổng Giám Đốc

GHỊ CHÚ:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

Thiết kế cơ sở: ☐

Thiết kế thi công: ☐

Hiệu chuẩn: Hoàn công: ☒

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HIGH LINE SMART HOME VIETNAM

Địa chỉ: đường 99, Khu công nghiệp Minh Hưng II, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TƯ VẤN GIÁM SÁT: **Tổng Giám**

NHA THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ

Địa chỉ: Số 81/11A Quốc lộ 16, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
VP/D: 88/12C Đường số 6, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Tel: 028 6685 2339 Website: www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ

CHỦ TRÌ: **VŨ MINH SANG**

VỀ: **NGÔ TRIỆU PHÁT**

KIỂM TRA: **TRẦN VĂN CƯ**

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI CÔNG SUẤT 12.000 M³/H

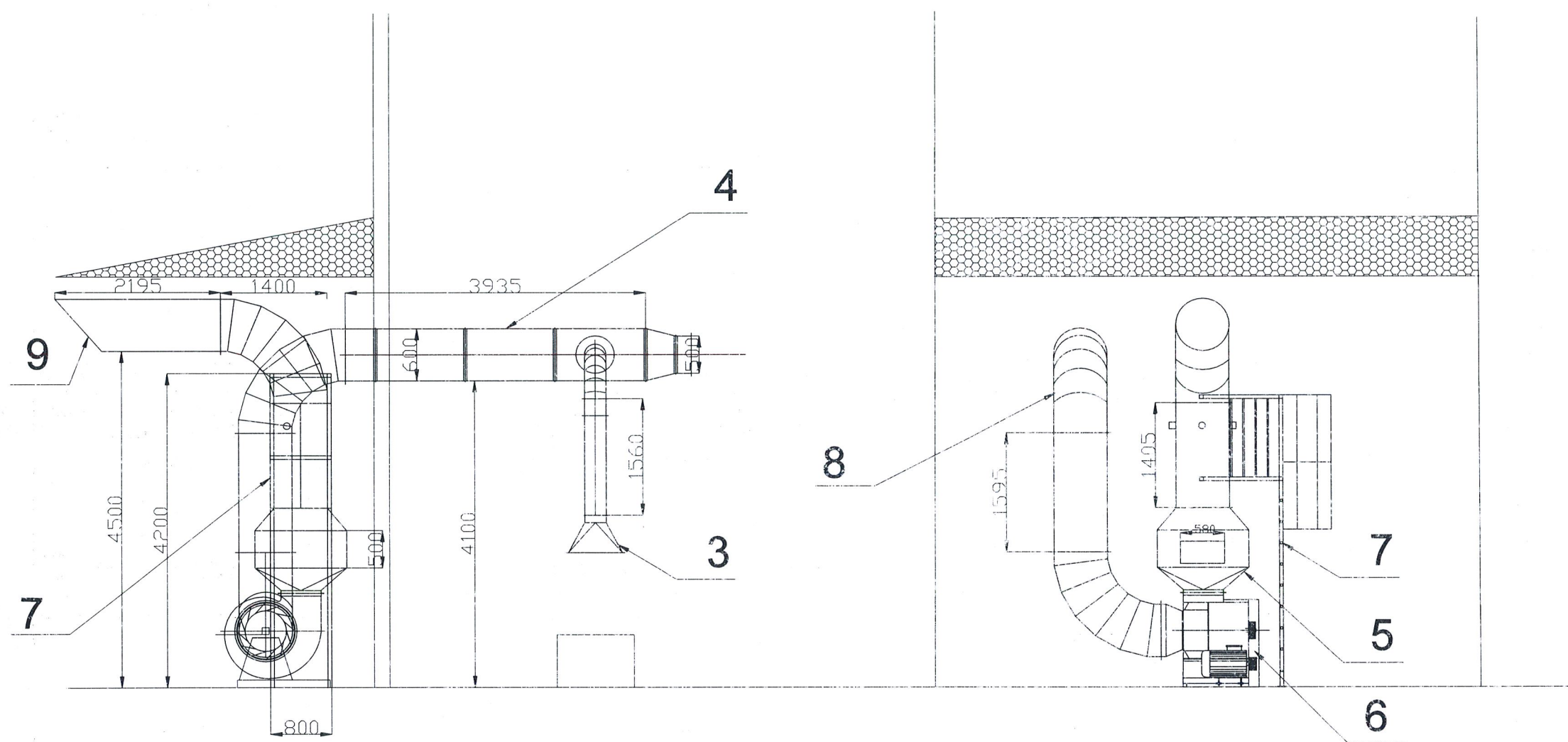
TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐÚNG HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG M

TỈ LỆ: 1/100 NGÀY HOÀN THÀNH: 16/03/2024

BẢN VẼ SỐ: HVHC-02 THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI - CÔNG SUẤT 12.000 M³/H
MẶT CẠNH HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI



BẢNG KÊ

9	Ống thoát	02	Tole đen phủ sơn chống rỉ, dày 0,95mm, D600
8	Co nối ống thoát	02	Tole tráng kẽm, dày 0,75mm, D600
7	Thang	01	Tole tráng kẽm, dày 0,75mm, D600
6	Quạt hút	01	Công suất: 10HP, tole đen phủ sơn chống rỉ
5	Tháp hấp phụ (Than hoạt tính)	01	Tole tráng kẽm, dày 1,15mm, 1200 x 1200 x 1000
4	Ống thu gom	02	Tole tráng kẽm, dày 0,75mm, D600
3	Chụp hút	03	Tole tráng kẽm, dày 0,75mm, 1500 x 1000 x 400
2	Ống thu gom	04	Tole tráng kẽm, dày 0,75mm, D280
1	Ống thu gom	02	Tole tráng kẽm, dày 0,75mm, D400 - 500
STT	Tên gọi	Số lượng	Thông số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số.....

Ngày.....(tháng.....năm 20.....)

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
Trần Nguyễn Anh Thư	Ngô Triệu Phát	ZHANG YINGSHUN

Tổng Giám Đốc

GHI CHÚ:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

Thiết kế cơ sở: ☐

Thiết kế thi công: ☐

Hiệu chuẩn: Hoàn công: ☒

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HIGH LINE
SMART HOME VIETNAM
Lô P5, đường B4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường
Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
TƯ VẤN GIÁM SÁT: **ZHANG YINGSHUN**
Tổng Giám Đốc

NHÀ THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Tin số: Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
VPĐD: 88/12C Đường số 6, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Tel: 028 6685 2239 Website: www.vietdo.com

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT ĐỎ
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN KIM HUỆ

CHỦ TRÌ:	
VỀ:	
KIỂM TRA:	

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI
CÔNG SUẤT 12.000 M³/H

TÊN BẢN VẼ:

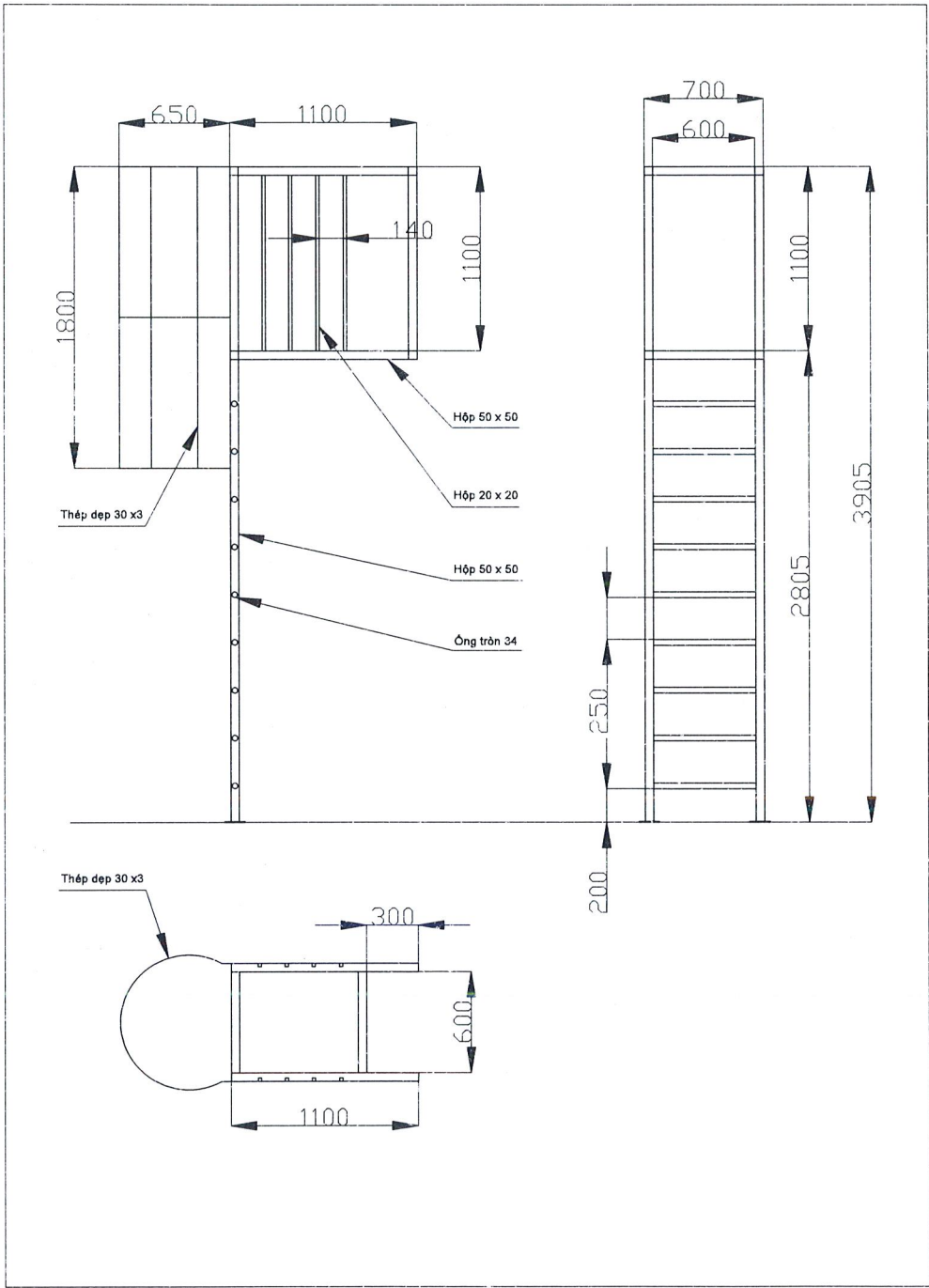
MẶT CẠNH HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI

THIẾT KẾ	NGÀY HOÀN THÀNH
17/06	16/09/2024
BẢN VẼ SỐ	BVHC-03
	THAY ĐỔI

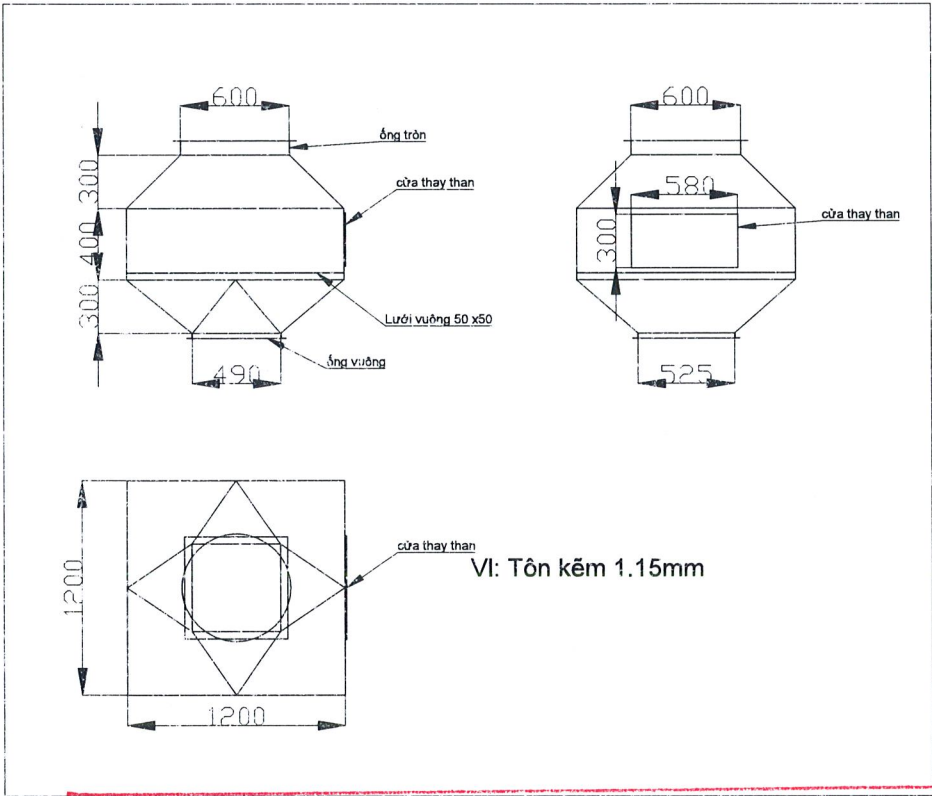
HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI - CÔNG SUẤT 12.000 M³/H

CHI TIẾT CẦU THANG - SÀN LẤY MẪU VÀ THÙNG THAN

CHI TIẾT CẦU THANG - SÀN LẤY MẪU



CHI TIẾT THÁP HẤP PHỤ
(Than hoạt tính)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỘ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Số.....

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
Trần Nguyễn Anh Thư	Ngô Triệu Phát	ZHANG YINGSHUN Tổng Giám Đốc

GHI CHÚ:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:	
Thiết kế cơ sở:	☐
Thiết kế thi công:	☐
Hiệu chuẩn _ Hoàn công:	☒
CHỦ ĐẦU TƯ:	
NHÀ THẦU THI CÔNG:	
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỘ	
Trụ sở: Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM VPDD: 88/12C Đường số 6, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM Tel: 028 6685 2239 Website: www.vietdojsc.com	
GIÁM ĐỐC:	
CHỦ TRÌ:	
VÕ MINH SANG	
VẼ:	
NGÔ TRIỆU PHÁT	
KIỂM TRA:	
TRẦN VĂN CƯ	
CÔNG TRÌNH:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI CÔNG SUẤT 12.000 M ³ /H	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT CẦU THANG - SÀN LẤY MẪU VÀ THÙNG THAN	
Tỉ lệ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 16/03/2024
BẢN VẼ SỐ	BVHC-04 THAY ĐỔI